

# LEV TOLSTOY

## Sau đêm vũ hội

Thúy Toàn, Nguyễn Hải Hà dịch

Tân

GREYSON  
Nhà xuất bản Kim Đồng

# LEV TOLSTOY

## Sau đêm vũ hội

Thúy Toàn, Nguyễn Hải Hà dịch

Nhà xuất bản Kim Đồng



# SAU ĐÊM VŨ HỘI



Tác giả: Lev Tolstoy

Người dịch: Thúy Toàn,  
Nguyễn Hải Hà

Nhà xuất bản Kim Đồng - 2004

---

ebook©vctvegroup

12-11-2018

Ebook miễn phí tại : [www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)

# SAU ĐÊM VŨ HỘI

## 1

– Vừa đấy các vị nói rằng con người không thể tự mình hiểu được điều gì tốt, điều gì xấu, rằng mọi việc phụ thuộc vào môi trường xã hội, mà môi trường xã hội lại ăn mòn ta. Nhưng tôi nghĩ: Mọi việc đều do chuyện tình cờ. Đây tôi xin nói về bản thân tôi.

Ông Ivan Vasilievich được mọi người kính trọng đã ngỡ lời như vậy sau câu chuyện bàn tán giữa chúng tôi, rằng để tự hoàn thiện bản thân, trước hết phải thay đổi hoàn cảnh sống của con người. Thực ra, không có ai lại nói rằng tự bản thân mình không thể hiểu được cái gì tốt, cái gì xấu, nhưng ông Ivan Vasilievich có cái cung cách trả lời như vậy cho những ý nghĩ của riêng mình nảy sinh ra sau câu chuyện, và nhân những ý nghĩ ấy, kể lại những tình tiết lấy trong cuộc đời mình. Thường khi mải mê câu chuyện, ông hoàn toàn quên hẳn nguyên cớ đã thúc đẩy ông kể, hơn thế, ông kể rất chân thành và rất thực.

Và giờ đây ông cũng làm như vậy.

– Tôi sẽ nói về tôi. Cả cuộc đời tôi đã hình thành thế này, chứ không thể khác, chẳng phải vì hoàn cảnh chung quanh, mà hoàn toàn vì một lý do khác.

– Vì chuyện gì kia? - Chúng tôi hỏi.

– Vâng, đó là một chuyện dài. Để hiểu được, phải nói nhiều.

– Thì ông cứ kể đi.

Ông Ivan Vasilievich tư lự, lắc đầu.

– Vâng, - ông lên tiếng, - tất cả cuộc đời thay đổi chỉ sau một đêm, hay đúng hơn là một buổi sáng.

– Nhưng chuyện gì kia chứ?

– Nó là thế này: Bây giờ tôi đang yêu, yêu say đắm. Trong đời tôi đã yêu đương nhiều bạn, nhưng đây là mối tình mạnh mẽ nhất của đời tôi. Chuyện thuộc về dĩ vãng: Con gái người ấy giờ đã lấy chồng. Đó là bà B... Vâng bà Varia B..., - Ông Ivan Vasilievich nói cái họ ấy ra. - Ngay ở cái tuổi năm mươi, bà ta vẫn là một giai nhân tuyệt đỉnh. Nhưng thuở thanh xuân, giữa tuổi mười tám, nàng thật là tuyệt sắc, người dong dỏng cao, cân đối, yêu kiều và uy nghi, - chính là uy nghi. Bao giờ nàng đi đứng cũng đoan trang khác thường, dường như không thể nào khác được, mái đầu hơi ngả ra sau, và điều đó, cùng với nhan sắc cũng như dáng vóc cao của nàng, mặc dù người nàng gầy, thậm chí xương xương, vẫn làm cho nàng có một vẻ vương giả, làm cho người khác hẳn phải sợ hãi lánh xa nàng, nếu như không có nét cười dịu dàng, bao giờ cũng tươi rói nơi khóe miệng, và cặp mắt xinh đẹp sáng ngời, cùng toàn bộ dáng hình yêu kiều, tươi trẻ của nàng.

– Ông Ivan Vasilievich tô vẽ mới ghê chưa?

– Dù có tô vẽ thế nào đi nữa, cũng không thể nào làm cho các vị hình dung ra được nàng thực sự ra sao. Tuy nhiên chuyện không phải ở chỗ đó, chuyện tôi muốn kể xảy ra vào những năm bốn mươi. Bây giờ tôi đang là một sinh viên trường Đại học Tổng hợp địa phương. Tôi không biết như vậy là tốt, hay xấu, nhưng lúc đó ở trong trường chúng tôi chẳng có nhóm, có bè, cũng chẳng hề có lý thuyết nào, mà chỉ biết là chúng tôi trẻ trung và sống như tuổi trẻ vốn dĩ vẫn sống, chúng tôi chỉ học

hành và vui chơi. Bây giờ tôi là một gã trai vui nhộn và lanh lợi, và còn giàu nữa chứ. Tôi có một con ngựa phi nước kiệu ngổ ngáo, cùng các cô tiểu thư trượt xe từ trên núi xuống (bây giờ còn chưa có cái mốt chơi trượt băng), cùng các bạn bè nhậu nhẹt (thời đó không uống gì khác, ngoài rượu sâm banh, không có tiền thì thôi không uống gì, chứ không uống vodka như bây giờ). Hứng thú chủ yếu của tôi lại là các tối truy hoan và các đêm vũ hội. Tôi nhảy khá và mặt mũi cũng không đến nỗi khó coi.

– Ấy xin ông, chẳng có gì mà phải nhún nhường, – một trong số các bà có mặt ngắt lời ông Ivan Vasilievich. – Chúng tôi còn biết cả bức ảnh chân dung của ông kia. Không những không đến nỗi khó coi, mà ông còn là người điển trai nữa.

– Điển trai thì điển trai, nhưng chuyện không ở chỗ đó. Mà sự thể là giữa lúc mối tình của tôi đối với nàng mạnh mẽ nhất, vào ngày cuối cùng của lễ tiễn mùa đông, tôi đến dự đêm vũ hội của Thống đốc tỉnh, một ông lão hồn hậu, một phú gia hiếu khách và là bậc đại quý tộc. Tiếp khách là bà vợ ông, cũng hồn hậu như ông, đầu gài cái đai kim cương, mặc áo dài bằng nhung màu nâu, nhưng để hở hai vai và ngực mũm mĩm, trắng ngần, như chân dung của nữ hoàng Elizaveta Petrovna<sup>[1]</sup>. Đêm vũ hội tuyệt vời: phòng nhảy lộng lẫy, có chỗ dành riêng cho ban hát, các nhạc công – những nông nô nổi tiếng thời ấy của nhà địa chủ – tay chơi, quẩy giải khát điểm tâm thật tuyệt vời và rượu sâm banh tuôn chảy lênh láng. Dù tôi vốn là một kẻ hâm mộ sâm banh, nhưng tôi không uống, bởi vì không cần rượu tôi đã say vì tình, song le tôi lại nhảy đến quy gối, nhảy cả khúc đối vũ, cả điệu valse, cả điệu ponca, tất nhiên trong chừng mực có thể được, đều nhảy với Varia. Nàng mặc áo dài trắng, thắt lưng hồng và tay đi găng bằng da mềm trắng muốt dài đến

gân khuỷu tay gãy, còn chân đi giày vải lằng màu trắng. Tôi bị tranh trước điệu madurca, cái gã kỹ sư Anisimov cực kỳ đáng ghét - cho đến nay tôi vẫn không thể tha thứ cho gã - đã ngỏ lời mời nàng, khi nàng vừa bước vào phòng, còn tôi phải rẽ vào chỗ người thợ cắt tóc để lấy đôi găng, nên bị chậm. Như vậy là điệu madurca tôi đã không nhảy với nàng, mà nhảy với một cô gái Đức, trước đó tôi theo đuổi ít nhiều. Nhưng, tôi e rằng buổi tối hôm đó tôi đã tỏ ra khiếm nhã đối với cô ta, tôi đã không chuyện trò với cô ta, không nhìn cô ta, mà chỉ nhìn thấy hình dáng cao cao, cân đối trong chiếc áo dài màu trắng thắt dải dây lưng hồng, gương mặt rạng rỡ, ứng hồng với đôi má lúm đồng tiền và cặp mắt dịu dàng, đáng yêu của nàng. Không phải riêng một mình tôi, mà tất cả mọi người đều nhìn nàng và ngắm nàng, cả cánh đàn ông, cả đám đàn bà đều nhìn ngắm nàng, mặc dù nàng làm cả đám họ bị lu mờ đi. Không thể không ngắm nhìn nàng được.

Nói cho đúng ra thì tôi không được nhảy điệu madurca với nàng, nhưng thực tình hầu như lúc nào tôi cũng nhảy với nàng. Nàng, không hề ngưng ngừng, đi ngang qua cả gian phòng đến với tôi, thế là tôi bật dậy, không chờ phải mời, và nàng mỉm cười cảm ơn vì sự tinh ý của tôi. Mỗi lần nhạc đưa chúng tôi đến bên nàng và do không đoán được bạn nhảy tiếp sau của tôi, nàng đã không đưa tay cho tôi, mà chỉ nhún đôi vai gãy và mỉm cười với tôi ra chiều luyến tiếc và an ủi tôi. Khi điệu madurca được thay bằng điệu valse, tôi cùng nàng quay tròn mãi, và nàng, vừa thở gấp, vừa mỉm cười và bảo tôi: “Encore”<sup>[2]</sup>. Và tôi tiếp tục quay tròn, quay tròn nữa và không còn cảm thấy thân mình.

– Nói thế, làm sao lại không cảm thấy! Tôi cho rằng ông cảm thấy quá đi chứ, khi ông ôm ngang thân người ấy, không



những cảm thấy thân mình, mà còn cả thân hình của người ấy,  
- một trong các vị khách hỏi.

Ông Ivan Vasilievich đột nhiên đỏ mặt và bực bội gằn như quát lên:

– Phải, thanh niên các anh ngày nay là thế đấy. Ngoài thân thể ra các anh chẳng thấy gì nữa hết.

Vào thời chúng tôi đâu có thế. Tôi càng yêu say đắm bao nhiêu, nàng càng trở nên không còn là một thân thể cụ thể nữa đối với tôi. Các anh bây giờ nhìn thấy chân, mắt cá chân và còn gì gì nữa, các anh lột áo xống những người đàn bà mà các anh say đắm, còn đối với tôi, như lời Alphonse Carr<sup>[3]</sup>, - một nhà văn xuất sắc, - trên mình người yêu của tôi bao giờ cũng là những bộ trang phục bằng đồng thau. Chúng tôi không lột áo xống, mà còn cố che kín những chỗ hở hang đi kia, giống như người con trai hiền hậu của Noi<sup>[4]</sup> vậy. Nói thế, chứ các anh chẳng hiểu...

– Xin ông đừng để ý đến anh ta. Rồi tiếp theo ra sao? - Một người trong chúng tôi lên tiếng.

– Vâng. Vậy là tôi nhảy với nàng nữa và không nhận thấy thời gian trôi đi. Các nhạc công đã bài hoải mệt mỏi thế nào đó, thì các vị biết đấy, thường vào cuối đêm vũ hội, họ cứ phải dạo đi dạo lại một điệu nhảy madurca, các ông, các bà đã đứng dậy rời các bàn đánh bài ở phòng khách, chờ đợi bữa ăn đêm, bọn đầy tớ chạy ra chạy vào nhiều hơn, để chuyển cái gì đó. Đã ba giờ sáng, cần phải tranh thủ những giây phút cuối cùng. Một lần nữa, tôi lại chọn nàng, và chúng tôi lượn tròn hàng trăm lượt quanh gian phòng.

– Sau bữa ăn, điệu cadrin là phần tôi nhé? - Tôi nói với nàng, đưa nàng về chỗ của nàng.

– Tất nhiên rồi, nếu như em không phải ra về. – Nàng mỉm cười đáp.

– Tôi không để ai bắt nàng về. – Tôi nói.

– Trả lại cho em cái quạt. – Nàng nói.

– Tiếc lắm – Tôi nói, và trao lại cho nàng chiếc quạt lông trắng rẻ tiền.

– Thì đây tặng chàng để chàng khỏi tiếc, – nàng nói, rút một chiếc lông ở chiếc quạt ra và đưa cho tôi.

Tôi nhận lấy chiếc lông quạt và chỉ có thể bằng ánh mắt bày tỏ tất cả nỗi niềm hân hoan và biết ơn của mình. Tôi không chỉ vui mừng và hài lòng, tôi thấy mình thật hạnh phúc, sung sướng, bấy giờ tôi thật hiền hậu, bấy giờ tôi không còn là tôi, mà là một sinh vật không phải của thế gian, không biết điều ác, mà chỉ có khả năng làm việc thiện. Tôi giấu chiếc lông quạt vào trong găng tay và đứng đó, không đủ sức rời khỏi nàng.

– Chàng xem kia, mọi người đang đề nghị ba em nhảy kia, – nàng vừa nói, vừa chỉ cho tôi thấy thân hình cao lớn gọn gàng của cha nàng, một ông đại tá mang ngù vai bạc, đang đứng bên cửa ra vào cùng bà chủ nhà và đám các bà khác.

– Varia, cô lại đây, – chúng tôi nghe tiếng gọi to của bà chủ nhà đầu đội cái đài kim cương và có đôi vai trần của Elizaveta.

Varia đi về phía cửa, và tôi đi theo nàng.

– *Ma chère*<sup>[5]</sup>, cô nói để ba cô ra nhảy với cô đi. Nào, xin mời, ông Piot Vladislavovich, – bà chủ nói với ông đại tá.

Cha Varia là một ông già đẹp lão, cân đối, cao lớn và tươi tỉnh. Bộ mặt ông ta rất hồng hào, với bộ ria bạc uốn cong à la Nicolas I<sup>[6]</sup>, bộ râu quai nón cũng bạc trắng, vòng xuống ăn vào ria và hai bên tóc mai chải cong ra phía trước, nụ cười cũng dịu dàng tươi vui, như nụ cười của cô con gái, lấp lánh trong đôi

mắt sáng ngời và trên khóe miệng. Thân hình ông ta thật đẹp, ngực rộng, ưỡn ra đúng kiểu nhà binh, được trang điểm bằng số huân chương không lấy gì làm nhiều cho lắm, đôi vai cứng cáp và đôi chân dài, cân đối. Ông ta là một chỉ huy quân sự, loại công thần bắt chước quân phong thời hoàng đế Nikolai I.

Khi chúng tôi đến bên cửa ra vào, ông đại tá đang từ chối, thoai thác rằng ông ta đã quên nhảy rồi, tuy vậy ông vẫn mỉm cười, hất tay sang phía bên trái, gõ thanh gươm ra khỏi dây đeo, trao cho một chàng trai trẻ tuổi sốt sắng đỡ lấy và, sau khi nong chiếc găng bằng da mịn vào tay phải, - “mọi cái cần phải đúng quy cách”, - ông ta nói, mỉm cười, cầm tay con gái và đứng nghiêng nghiêng, chờ nhịp nhảy.

Chờ đến khi mở đầu điệu *madurca*, ông ta linh hoạt giậm một chân, hất cao chân kia, và thân hình cao lớn, nặng nề của ông ta khi nhẹ nhàng và uyển chuyển, khi sôi nổi và ồn ào, để giày nện thành thịch và chân nọ nối chân kia, chuyển động quanh gian phòng. Thân hình cân đối của Varia lướt êm bên cạnh ông ta, đôi chân nhỏ nhắn đi giày bằng vải láng trắng muốt bước lúc nhanh lúc chậm thật đúng nhịp. Cả gian phòng theo dõi từng cử động của cặp nhảy. Tôi không chỉ ngắm, mà nhìn họ với một niềm cảm kích hoan hỉ. Đặc biệt làm tôi cảm kích là đôi ủng của ông ta có dây buộc ôm sát chân - đôi ủng rất tốt, nhưng không phải loại ủng thời thượng, mũi không nhọn, mà vuông theo kiểu cổ, và không có gót cao. Chắc hẳn đôi ủng do người thợ giày của tiểu đoàn đóng. “Để đưa con gái yêu quý ra mắt xã hội và may mắn cho cô con gái ấy, ông ta không mua sắm đôi ủng thời thượng, mà mang ủng tự gia công”, - tôi nghĩ bụng, và đôi mũi ủng vuông cạnh ấy đặc biệt làm tôi cảm kích. Rõ ràng là trước đây đã có thời ông ta nhảy rất đẹp, nhưng bây giờ đã nặng nề, và đôi chân không còn đủ

dẻo dai đối với những bước đẹp và nhanh, mà ông ta cố làm cho nổi bật. Tuy vậy ông ta cũng vẫn đi được hai vòng một cách khéo léo. Đến khi ông ta nhanh nhẹn choãi chân ra, rồi thu lại và, mặc dù cũng hơi nặng nề, quỳ một gối xuống, còn nàng, mỉm cười và sửa lại váy áo mà cha nàng vướng phải, êm ái lướt đi quanh ông, thì mọi người vỗ tay ran lên. Phải cố một chút mới đứng dậy được, ông ta đưa hai tay dịu dàng âu yếm ôm lấy hai bên thái dương của con gái và, sau khi hôn lên trán nàng, ông dắt tay nàng trao cho tôi, cho rằng tôi đang nhảy với nàng. Tôi bảo rằng tôi không phải là người bạn nhảy của nàng.

– Thì sao nào, bây giờ anh cùng lượn đi với em nó, – ông ta nói, mỉm cười dịu dàng và mặc gươm vào dây đeo.

Thông thường, sau khi đã có một giọt chảy từ trong chai ra, thì toàn bộ phần chứa trong chai theo đó ộc ra thành từng dòng lớn, trong tâm hồn tôi cũng vậy, tình yêu đối với Varia giải thoát tất cả khả năng yêu đương ẩn giấu trong tâm hồn tôi. Trong thời khắc đó, tôi ôm gọn cả thế gian trong vòng tay tràn đầy yêu thương của tôi. Tôi yêu cả bà chủ mang đài kim cương trên đầu, với nửa người phía trên giống như Elizaveta, cả ông chồng của bà, cả khách khứa của bà, cả đám tôi tớ của bà, thậm chí cả gã kỹ sư Anisimov đã chơi xỏ tôi. Còn đối với cha nàng, với đôi ủng đóng lấy của ông ta và nụ cười dịu dàng, giống nụ cười của nàng, lúc đó, tôi thấy có một tình cảm hoan hỉ dịu dàng đặc biệt.

Điệu *madurca* kết thúc, bà chủ mời khách khứa vào bữa đêm, nhưng ông đại tá B. từ chối, bảo rằng sáng mai ông ta phải dậy sớm, và cáo từ ông bà chủ. Lúc ấy tôi đã hoảng, sợ nàng phải về theo, nhưng nàng ở lại với mẹ nàng.

Sau bữa ăn đêm, tôi nhảy với nàng điệu *cadrin* đã được hứa trước, và mặc dù tôi cảm thấy mình đã hạnh phúc vô chừng, nhưng niềm hạnh phúc của tôi vẫn cứ lớn lên, lớn mãi. Chúng tôi không nói gì với nhau về tình yêu. Tôi không hỏi nàng cũng như bản thân mình thậm chí cả chuyện nàng có yêu tôi không. Chỉ một điều tôi yêu nàng đối với tôi cũng là đủ. Và tôi chỉ sợ một điều là có chuyện gì đó có thể làm tan vỡ niềm hạnh phúc của tôi.

Khi tôi về tới nhà, thay quần áo và nghĩ đến chuyện ngủ, tôi nhận ra rằng tôi hoàn toàn không thể ngủ được. Trong tay tôi là chiếc lông bút ở cái quạt của nàng và cả một chiếc găng của nàng, chiếc găng nàng đã cho tôi, khi nàng lên xe ngựa và tôi đỡ mẹ nàng ngồi vào chỗ, sau đó đỡ nàng. Tôi nhìn những kỷ vật này và mở mắt trừng trừng, tôi vẫn nhìn thấy trước mắt mình cái phút mà nàng chọn giữa hai bạn nhảy, đoán được ý tôi, và tôi nghe thấy giọng nói đáng yêu của nàng khi nàng bảo: “Kiêu hãnh? Phải không anh?” - nàng vui sướng đưa tay cho tôi, hay khi trong bữa ăn đêm, kê môi nhấm nháp cốc rượu sâm banh, nàng ngược nhìn tôi bằng cặp mắt âu yếm. Nhưng rõ hơn hết tôi thấy nàng nhảy đôi với cha nàng, khi nàng uyển chuyển lướt đi bên cạnh cha nàng và với niềm tự hào, vui sướng vì bản thân mình cũng như cha mình, nàng đưa mắt nhìn những người đứng quanh đang chăm chú theo dõi. Và tôi bất giác liên kết cha nàng với nàng trong một tình cảm dịu dàng xúc động.

Bấy giờ tôi sống riêng với người anh trai nay đã quá cố. Anh tôi nói chung không ưa thích giới thượng lưu và không đi dự các đêm vũ hội, anh tôi đang lo chuẩn bị thi phó tiến sĩ và sống

một cuộc sống mục thước nhất. Lúc đó anh đang ngủ. Tôi nhìn mái đầu anh vùi vào gối, nửa mặt đắp kín dưới chăn dạ mỏng phlanen, tôi cảm thấy thương hại anh, thương vì anh không biết và không chia sẻ cùng tôi niềm hạnh phúc kia, niềm hạnh phúc mà tôi đang trải qua. Tên đầy tớ nông nô Piot của anh em chúng tôi cầm nệm ra đón tôi và định giúp tôi thay quần áo, nhưng tôi cho hắn đi ngủ. Bộ dạng ngái ngủ với mái tóc rối bù của hắn khiến tôi mũi lòng xúc động. Cố không làm ồn, tôi rón chân đi về phòng mình và ngồi xuống giường. Không, lúc ấy tôi quá hạnh phúc, tôi không thể ngủ được. Thêm vào đấy, trong những căn phòng có lò sưởi ấm này tôi thấy nóng, và không cởi lễ phục, tôi nhẹ chân bước ra phòng ngoài, mặc áo khoác, mở cửa và bỏ ra ngoài trời.

Tôi rời đêm vũ hội vào lúc bốn giờ sáng, đi đường về, ngồi ở nhà một lúc, qua thêm hai tiếng đồng hồ nữa, như vậy là khi tôi ra ngoài, trời đã hửng sáng. Tiết trời đúng là tiết đông qua xuân tới, sương mù, tuyết sũng nước tan chảy trên đường, và từ các mái nhà nhỏ giọt xuống. Gia đình B. bảy giờ sống ở cuối thành phố, gần một bãi rộng, một đầu là chỗ dạo chơi công cộng và đầu kia là trường nữ sinh cao đẳng. Tôi đi qua hết ngõ vắng của chúng tôi và ra phố lớn, nơi bắt đầu gặp cả khách bộ hành, cả những phu chở củi đánh các xe trượt, càn trượt chạm mặt đường. Những con ngựa nhíp nhàng lúc lắc cái đầu ướm dưới những vòng gỗ bóng lộn và những người đánh xe phủ các bao gai, đi những đôi ủng lớn bước lép nhép bên cạnh xe, những ngôi nhà của đường phố, trong sương mù tưởng như rất cao, tất cả đối với tôi đều đặc biệt đáng yêu và có ý nghĩa.

Khi tôi ra tới bãi rộng, nơi nhà nàng ở đó, tôi nhìn thấy ở đầu đường kia, lối đi đến chỗ dạo chơi, có một đám khá đông, đen đen và nghe từ đó vang lại tiếng sáo tây và tiếng trống. Trong

lòng tôi lúc nào cũng rộn rã tiếng ca và thỉnh thoảng lại văng vẳng điệu *madurca*.

Nhưng đây là một điệu nhạc khác, khắc nghiệt, khó chịu thế nào ấy.

“Gì thế nhỉ?” - Tôi nghĩ và theo con đường trơn ở giữa bãi rộng đi tới phía có tiếng sáo, tiếng trống. Đi khoảng một trăm bước, từ trong đám sương mù tôi bắt đầu nhận ra rất nhiều hình người đen đen. Chắc hẳn đó là binh lính. “Có lẽ họ tập luyện”, - tôi nghĩ và, cùng với một người thợ rèn mặc áo lông cộc lấm lem, ngoài khoác tạp dề, mang cái gì đó đi phía trước tôi, bước lại gần hơn. Binh lính mặc quân phục đen đứng hai hàng đối diện nhau, cầm súng hạ dưới chân, và không động đậy. Phía sau họ là người đánh trống và thổi sáo, và hai người đó không ngừng lặp đi lặp lại cái âm điệu khó chịu, nhức nhối.

- Họ làm gì thế không biết? - Tôi hỏi bác thợ rèn đứng bên cạnh tôi.

- Họ phạt gã Tatar vì tội chạy trốn, - bác thợ rèn bực bội nói, đưa mắt nhìn về phía cuối hàng quân.

Tôi cũng nhìn về phía đó và thấy ở giữa hai hàng quân một vật gì kinh khủng đang tiến về phía tôi. Vật tiến về phía tôi là một người cởi trần bị trói vào hai khẩu súng của hai người lính áp tải. Đi bên cạnh bọn họ là một sĩ quan người cao lớn mặc áo khoác và mũ cát kết, hình dáng tôi cảm thấy quen quen. Giật thót toàn thân, chân lộ bì bọp trong tuyết tan, người bị xử lê bước dưới những đòn giáng xuống anh ta từ hai phía, tiến đến phía tôi, lúc ngật ra sau - khi ấy hai viên đội áp giải lại đẩy anh ta về phía trước, khi chúi về đằng trước - khi ấy hai viên đội lại giữ cho anh ta khỏi ngã, kéo ngật ra sau. Và viên sĩ quan cao lớn bước những bước chắc chắn khẽ rung rung, nhưng không chịu tụt lại, đó chính là cha nàng, với bộ mặt hồng hào, cặp ria

và bộ râu quai nón bạc.

Mỗi lần gậy vút xuống, người chịu tội lại dường như ngạc nhiên, quay bộ mặt nhẩn nhúm vì đau đớn về phía cây gậy giáng xuống và nhe hàm răng trắng, nhắc đi nhắc lại mãi những lời gì đó. Chỉ khi anh ta đến gần hẳn, tôi mới nghe rõ những lời ấy. Không phải anh ta nói, mà rên rỉ: “Anh em ơi, xin anh em rủ lòng thương. Anh em, xin anh em rủ lòng thương!”. Nhưng những người anh em không rủ lòng thương, và khi đám người đi qua chỗ tôi, tôi thấy người lính đứng trước tôi bước một bước dứt khoát lên phía trước, vung cây gậy lên đến vút một tiếng, giáng mạnh xuống lưng anh lính Tatar. Anh lính Tatar liền ngã xiêu về phía trước, nhưng hai viên đội giữ anh ta lại, tiếp theo là một đòn khác như vậy giáng xuống anh ta từ phía kia, và lại từ phía này, rồi lại từ phía kia. Viên đại tá đi sóng bên cạnh và, khi nhìn xuống dưới chân, khi nhìn kẻ bị tội, phùng má, hít không khí và chúm môi tròn, chậm chạp thở ra. Khi đám người đi qua chỗ tôi đứng, qua hàng quân, tôi thoáng nhìn thấy cái lưng kẻ bị hành hình - đó là một cái gì loang lổ, ướt nhoẹt, đỏ lòm, không bình thường, đến nỗi tôi không tin rằng đó là một thân người.

– Ôi, lạy Chúa! - Bác thợ rèn bên cạnh tôi thốt lên.

Đám điều hành kéo đi xa dần, vẫn như vậy, từ hai phía, đòn giáng xuống lưng con người bước loạng choạng, dúm dỏ, và vẫn như vậy, tiếng trống gõ, tiếng sáo thổi liên hồi, và vẫn như vậy, bằng bước đi chắc nịch, thân hình cao lớn, oai vệ của ông đại tá chuyển động theo bên cạnh kẻ bị trừng phạt. Chợt ông đại tá dừng lại và tiến nhanh đến trước một người lính:

– Rồi ta sẽ xuê xoa cho mày, - tôi nghe thấy giọng nói giận dữ của ông ta. - Mày còn định xuê xoa nữa không? Nữa không?

Và tôi thấy ông ta vung bàn tay khỏe mạnh đi găng da mềm



của mình tát vào mặt người lính vóc dáng bé nhỏ, yếu đuối đang sợ hết hồn vì tội anh ta quát roi không đủ mạnh xuống cái lưng đỏ lôm của người lính Tatar.

– Đưa chiếc gậy mới đến đây! – Ông ta quát to, ngoái lại, và thấy tôi. Làm ra bộ không biết tôi, ông ta nghiêm khắc và giận dữ cau mặt, vội quay nhìn đi chỗ khác. Lúc đó tôi cảm thấy xấu hổ đến mức không còn biết nhìn đi đâu, dường như tôi vừa bị bắt quả tang chính trong lúc đang làm một việc xấu xa nhất. Tôi cup mắt nhìn xuống và vội vã bỏ về nhà. Suốt dọc đường, bên tai tôi ong ong khi thì tiếng trống và tiếng sáo, khi lại là những tiếng van nài: “Anh em ơi, xin anh em rủ lòng thương”, khi tôi lại nghe rõ giọng nói giận dữ, tự tin của ông đại tá quát: “Mày còn định xuê xoa nữa không? Nữa không?” Trong lúc đó, lòng tôi thấy trào lên một nỗi phiền muộn về thể xác, phiền muộn đến mức phát buồn nôn, đến mức tôi phải dừng lại mấy lần, và tôi có cảm giác, chỉ giây lát nữa thôi là bản thân tôi sẽ bung ra bởi tất cả nỗi kinh hoàng ấy, nỗi kinh hoàng đã len vào tôi do cảnh tượng nọ. Tôi không nhớ tôi đã về tới nhà và đi nằm ra sao. Nhưng chỉ thiu thiu ngủ là tôi lại nghe thấy, nhìn thấy mọi chuyện vừa xảy ra, và tôi bật dậy.

“Chắc hẳn ông ta biết điều gì đó mà mình không biết, – tôi suy nghĩ về ông đại tá. – Nếu như mình biết được điều mà ông ta biết, thì hẳn mình đã hiểu cả cái chuyện mà mình vừa nhìn thấy, và chuyện đó hẳn không giày vò mình”. Nhưng dù tôi có suy nghĩ bao nhiêu đi nữa, tôi vẫn không thể hiểu điều mà viên đại tá biết. Và mãi đến khi tôi tìm đến nhà một người bạn và cùng anh ta uống đến say khướt, tôi mới ngủ thiếp đi được vào lúc chiều tối.

Thế đấy, các vị tướng bấy giờ tôi đã cho rằng chuyện mà tôi nhìn thấy là chuyện xấu xa ư? Không hề như vậy. “Nếu như

việc đó được làm với một sự tin tưởng như vậy và mọi người đều thừa nhận là cần thiết, thì có nghĩa là họ biết được, điều gì đó mà tôi không biết”, - tôi nghĩ vậy và cố biết cho được điều ấy. Nhưng dù tôi có cố gắng đến mức nào đi nữa - cả sau này, tôi cũng không biết được. Mà không biết được, thì tôi không thể nào phục vụ việc nhà binh, như trước đó tôi đã muốn, và không những không vào phục vụ việc nhà binh, mà cũng chẳng phục vụ ở đâu hết, như các vị thấy đấy, tôi là kẻ chẳng được tích sự gì hết.

- Đâu có, chúng tôi biết rõ ông vô tích sự như thế nào rồi, - một người trong chúng tôi nói. - Xin ông cứ nói thế này mới phải: Có biết bao nhiêu người đáng ra chẳng được tích sự gì, nếu như không có ông.

- Chà, điều đó thì thật vớ vẩn, - ông Ivan Vasilievich đáp lại, giọng buồn bực chân thành.

- Thế còn mối tình thì sao? - Chúng tôi hỏi.

- Mối tình ư? Mối tình từ bữa ấy phai nhạt dần. Như thường lệ, khi nàng mỉm cười, trở nên đăm chiêu suy nghĩ, tôi lại nhớ ngay đến ông đại tá trên quảng trường, và tôi trở nên ngượng ngùng, khó chịu thế nào ấy, vì vậy, tôi dần dần thưa đến gặp nàng. Và mối tình thế là trở thành mây khói. Có những sự đời như vậy đó, và cả cuộc đời con người vì thế mà thay đổi và xuôi theo. Vậy mà các vị cứ nói... - Ông kết luận.

# ĐỨC CHA SERGHI

## 1

Vào những năm bốn mươi ở Peterburg đã xảy ra một sự kiện khiến mọi người sửng sốt: Một người đẹp trai, một vị công tước, chỉ huy kỵ đội ngự lâm của trung đoàn kỵ binh nặng<sup>[7]</sup> mà mọi người tiên đoán là sẽ được làm sĩ quan tùy tùng ngự tiền và bước đường công danh sẽ rực rỡ dưới triều hoàng đế Nikolai I, một tháng trước khi làm lễ cưới với một nữ quan<sup>[8]</sup> đẹp tuyệt trần, được hoàng hậu đặc biệt ân sủng, đã xin về hưu, cắt đứt quan hệ của mình với vợ chưa cưới, đem cái trang ấp nhỏ của mình cho em gái, rồi vào tu viện với ý định trở thành tu sĩ. Sự kiện ấy tưởng như khác thường và khó giải thích đối với những người không am hiểu những nguyên do bên trong, còn đối với chính bản thân công tước Stefan Kasatski thì tất cả những chuyện đó đều tự nhiên, đến mức anh không thể hình dung mình có thể xử sự khác được.

Ông thân sinh của Stefan Kasatski, một đại tá hồi hưu của quân ngự lâm, đã chết khi con trai ông mười hai tuổi. Mặc dù bà mẹ rất tiếc khi để cậu con trai xa nhà, bà đã không dám không thực hiện ý muốn của người chồng quá cố, lúc lâm chung ông đã dặn dò lại là không được để con trai ở nhà mà phải đưa nó vào trường quân sự đặc biệt, vì thế bà đã cho con vào trường đó. Bản thân người đàn bà góa đã cùng với cô con gái Varvara chuyển tới sống ở Peterburg, nơi cậu con trai theo học để đón cậu ta về nhà vào những ngày lễ.

Cậu bé đã bộc lộ những khả năng xuất sắc và lòng tự ái rất lớn, do đó cậu dẫn đầu về các môn khoa học, nhất là môn toán học mà cậu đặc biệt say mê và môn đội ngũ cũng như môn cưỡi ngựa. Cậu đẹp trai và nhanh nhẹn, dù vóc người có cao hơn mức bình thường. Hơn thế, căn cứ vào tư cách, lẽ ra cậu phải là một thiếu sinh quân mẫu mực, nếu như cậu không có thói hay phát khùng. Cậu không uống rượu, không chơi bởi phóng đảng và ngay thẳng lạ lùng. Chỉ có một điều ngăn trở khiến cậu không trở thành một người mẫu mực, ấy là những cơn giận dữ bùng lên trong người cậu, lúc ấy cậu hoàn toàn mất tự chủ và trở thành con mãnh thú. Có lần cậu đã suýt ném một thiếu sinh quân ra ngoài cửa sổ, vì anh này chế giễu bộ sưu tập các mẫu quặng của cậu. Một lần khác cậu suýt chết: Cậu đã quăng cả một đĩa thịt băm viên vào viên quản lý, lao vào viên sĩ quan. Người ta nói rằng cậu đánh ông ta vì ông ta nuốt lời và nói dối một cách trắng trợn. Có lẽ chắc chắn là cậu sẽ bị giáng xuống làm lính, nếu như ông hiệu trưởng không che giấu tất cả chuyện này và không đuổi cổ viên quản lý.

Năm mười tám tuổi, Kasatski tốt nghiệp, ra làm sĩ quan trong trung đoàn ngự lâm quý tộc. Hoàng đế Nikolai Pavlovich biết anh từ lúc anh còn theo học trường quân sự và đã để ý đến anh, cả sau khi anh về trung đoàn, bởi vậy mọi người đã tiên đoán rằng anh sẽ là sĩ quan tùy tùng của hoàng đế. Và Kasatski khao khát được như thế không phải chỉ vì háo danh, mà chủ yếu bởi vì thời còn học ở nhà trường anh đã yêu mẩn say mê, đúng là say mê, hoàng đế Nikolai Pavlovich. Cứ mỗi lần Nikolai Pavlovich tới thăm, - mà ông tới thăm trường luôn, - khi ông hùng dũng bước vào, vóc người cao lớn, vận quân phục, ngực ưỡn, sống mũi chim ưng trên hàng ria mép với bộ râu quai nón tủa tủa, và cất giọng oai nghiêm chào hỏi các thiếu sinh quân,

Kasatski có cái cảm giác hân hoan phấn khởi của một người đang yêu. Sau này anh cũng trải qua cảm giác đó khi gặp người yêu của mình, chỉ có điều là cảm giác hân hoan say mê Nikolai Pavlovich mạnh hơn. Anh mong muốn được phơi bày trước Người lòng trung thành vô hạn của mình, được hy sinh thân mình vì Người. Nikolai Pavlovich biết rõ điều gì đã gây nên niềm hân hoan phấn khởi đó và ông đã cố ý làm như thế. Ông chơi đùa với các thiếu sinh quân, để họ vây quần quanh mình, khi thì dung dị như trẻ con, khi thì nhân ái, khi thì trang trọng uy nghi trong cách đối xử. Sau khi xảy ra chuyện va chạm gần nhất giữa Kasatski với viên sĩ quan, Nikolai Pavlovich đã không hề nói gì với Kasatski cả, nhưng khi Kasatski bước lại gần ông, ông đã gạt anh ra như đóng kịch và chau mày, giơ ngón tay lên đe dọa, rồi sau đó, lúc ra đi ông nói:

– Anh hãy nhớ rằng việc gì ta cũng biết, tuy có một vài chuyện ta không muốn biết. Nhưng những chuyện đó ở đây này.

Ông chỉ tay vào trái tim.

Khi các thiếu sinh quân đã tốt nghiệp, tới ra mắt ông, ông không nhắc nhở gì tới chuyện đó và nói, như thường lệ, rằng tất cả bọn họ có thể trực tiếp bày tỏ thẳng với ông, rằng mong sao họ trung thành phụng sự ông và tổ quốc, còn ông sẽ mãi là người bạn gần gũi nhất của họ. Như thường lệ, tất cả mọi người đều cảm động, còn Kasatski, do nhớ tới câu chuyện đã xảy ra, anh khóc và hứa sẽ hết lòng hết sức phụng sự Sa hoàng yêu quý của mình.

Khi Kasatski về trung đoàn, mẹ anh đã cùng cô con gái chuyển về Moskva, rồi sau đó về sống ở nông thôn. Kasatski đã cho em gái một nửa tài sản của mình. Phần tài sản còn lại chỉ đủ để anh duy trì cuộc sống xa xỉ trong trung đoàn của mình.

Nhìn bề ngoài Kasatski dường như là một sĩ quan ngự lâm xuất sắc, trẻ trung, bình thường nhất, người đang lập công danh, nhưng trong lòng anh đang diễn ra cuộc đấu tranh phức tạp và căng thẳng. Cuộc đấu tranh đó bắt đầu ngay từ thời thơ ấu của anh, tưởng như đó vẫn chỉ là một, nội dung của cuộc đấu tranh đó là, trong mọi công việc mà anh gặp trên đường đời, phải đạt tới sự hoàn thiện và thành công khiến mọi người ngạc nhiên và ca ngợi. Dù đó là học tập hay khoa học anh đều lặn xả vào và làm việc kỳ cho tới khi mọi người khen ngợi anh và lấy anh làm gương cho kẻ khác. Đạt được việc này rồi, anh bắt tay vào việc khác. Do đó anh đã đứng đầu về môn khoa học, chẳng hạn lúc còn học ở trong trường, có lần anh nhận thấy mình trò chuyện bằng tiếng Pháp còn chưa thạo, thế là anh đã học cho kỳ được để có thể nắm tiếng Pháp như tiếng Nga vậy. Và sau đó, lúc hãy còn ở nhà trường cả khi học chơi cờ, anh cũng đã đạt tới mức chơi một cách xuất sắc.

Ngoài sứ mạng chung của cuộc đời là phụng sự Sa hoàng và Tổ quốc, bao giờ anh cũng đặt ra cho mình một mục đích nào đó, và dù cho mục đích ấy nhỏ bé thế nào đi nữa, anh cũng đem hết sức mình để đạt cho kỳ được, và chỉ sống vì mục đích đó cho đến khi đạt được nó. Nhưng hễ anh đạt được mục đích đã định thì lập tức một mục đích khác lại nảy sinh trong đầu óc anh thay thế cái trước. Cuộc sống của anh tràn đầy khát vọng được nổi bật và khát vọng đạt tới mục đích để được nổi bật. Vì thế khi đã ra làm sĩ quan anh đã đặt cho mình mục đích phải am hiểu thành thạo hết mức công vụ của mình và chẳng bao lâu anh đã trở thành một sĩ quan mẫu mực, tuy anh vẫn lại mắc cái tính hay phát khùng không kiểm chế được. Thiếu sót này trong công vụ đã đẩy anh vào những hành vi không hay và có hại cho sự thành đạt. Sau đó, có lần qua câu chuyện với giới

thượng lưu, anh thấy mình còn thiếu trình độ phổ thông, anh quyết tâm bổ sung cho mình và anh đã lao vào đọc sách, đạt cho kỳ được điều mình muốn. Thế rồi anh quyết định đạt cho được một vị trí tuyệt vời trong xã hội thượng lưu, anh học khiêu vũ một cách xuất sắc, và chẳng bao lâu anh đã được mời tới dự tất cả các vũ hội của giới đại thượng lưu và một số buổi tiếp tân. Nhưng địa vị đó chưa làm anh thỏa mãn. Anh đã quen là người đứng đầu, mà trong công việc này thì còn xa mới chiếm được vị trí đó.

Xã hội thượng lưu lúc đó, theo như tôi nghĩ, bao giờ và ở đâu cũng gồm có bốn hạng người: 1) những người giàu có và những người gần gũi cung đình; 2) những người không giàu có, nhưng sinh ra và lớn lên trong cung đình; 3) những người giàu có xu phụ những người gần gũi cung đình; 4) những người không giàu có và cũng không gần gũi cung đình, nhưng xu phụ hạng người thứ nhất và hạng người thứ hai. Kasatski không thuộc hạng người thứ nhất và hạng người thứ hai. Kasatski được vui lòng chấp nhận vào hai hạng cuối. Thậm chí khi bước vào xã hội thượng lưu, anh đã đặt cho mình mục đích kết giao với một phụ nữ thượng lưu - và điều bất ngờ đặc biệt là anh đã nhanh chóng đạt được việc đó. Nhưng anh đã nhanh chóng thấy rằng những giới mà anh vẫn thường lui tới là những giới thấp, còn có các giới cao hơn và trong các giới thượng lưu cung đình đó, thì tuy anh vẫn được họ tiếp đón, nhưng anh vẫn cảm thấy mình là người xa lạ; họ lịch thiệp đối với anh, nhưng toàn bộ cách đối xử của họ cho thấy họ có những người của họ và anh không phải là người của họ. Và Kasatski muốn ở đó anh được coi là người của họ. Muốn thế thì hoặc cần phải là sĩ quan tùy tùng ngự tiền, - điều này anh đang chờ đợi, hoặc là cưới vợ trong giới đó. Và anh quyết định làm như vậy. Anh đã chọn

được một cô gái, một người đẹp, gần gũi cung đình, cô không những là một người thuộc xã hội thượng lưu mà anh muốn gia nhập, cô còn là một con người mà những người có địa vị cao, và vững chắc nhất trong giới thượng lưu cũng ra sức tìm cách gần gũi. Đó là nữ bá tước Korotkova. Kasatski theo đuổi Korotkova không phải chỉ vì chuyện công danh, cô là người có sức hấp dẫn phi thường và chẳng bao lâu anh đã yêu cô thật sự. Thoạt đầu, cô đặc biệt lạnh lùng đối với anh, nhưng sau đó mọi sự bỗng nhiên thay đổi, cô trở nên trù mến, và bà mẹ cô hết sức ân cần mời mọc anh đến nhà.

Kasatski đã ngỏ lời cầu hôn và được chấp nhận. Anh ngạc nhiên khi thấy mình đạt tới hạnh phúc một cách dễ dàng và nhận ra trong cách đối xử của bà mẹ và cô con gái có gì đặc biệt lạ lùng. Anh đã yêu quá say đắm và mù quáng, bởi vậy anh không nhận ra rằng hầu như tất cả mọi người trong thành phố đều biết người vợ chưa cưới của anh đã trở thành nhân tình của Nikolai Pavlovich từ một năm trước đây.



Hai tuần lễ trước ngày cưới, Kasatski ngồi chơi tại biệt thự của người vợ chưa cưới của mình tại Tsarskoie Selo<sup>[9]</sup>. Đó là một ngày tháng năm nóng nực. Cặp vợ chồng chưa cưới dạo chơi trong vườn và ngồi trên chiếc ghế dài nhỏ trên con đường rợp bóng cây đoạn. Maria đẹp lạ lùng trong chiếc áo dài trắng bằng sa. Cô dường như là hiện thân của sự trinh bạch và tình yêu. Cô ngồi đó, khi thì cúi đầu xuống, khi thì nhìn con người đẹp trai, cao lớn, đang nói năng rất thận trọng và trù mẩn đối với cô, e ngại mỗi lời nói, cử chỉ của mình có thể xúc phạm tới vẻ trong trắng thiên thần của người vợ chưa cưới. Kasatski thuộc vào số người của những năm bốn mươi, những người ngày nay không có nữa, họ có ý thức cho phép mình và không thâm lên án mình về sự không trong sạch trong quan hệ tình dục, nhưng lại đòi hỏi ở vợ sự trong sạch thiên thần, lý tưởng, thừa nhận trong mỗi cô gái thuộc giới mình đều có sự trong sạch rất thiên thần đó và đã đối xử với họ như vậy. Quan niệm này chứa đựng nhiều điều không đúng và có hại, vì nó khiến đàn ông cho phép mình sống phóng đãng, nhưng đối với phụ nữ thì một quan điểm như thế, theo như tôi nghĩ, là có ích, quan điểm đó khác xa với quan niệm của thanh niên hiện nay - đó là những kẻ nhìn thấy trong mỗi cô gái một con cái đang đi tìm đực. Khi thấy mình được thần thánh hóa như thế, các cô gái đã cố gắng để có thể ít nhiều là những nữ thiên thần. Kasatski cũng giữ quan niệm như vậy về phụ nữ và cũng nhìn vợ chưa cưới của mình như vậy. Trong ngày hôm ấy anh yêu say đắm và không hề cảm thấy chút dục tình nào đối với vợ chưa cưới, ngược lại, anh âu yếm nhìn cô như nhìn một cái gì không thể

động chạm tới được.

Vươn thẳng vóc người cao lớn, anh đứng trước cô, hai tay tì trên thanh gươm.

– Chỉ mãi tới bây giờ tôi mới được biết tới cái hạnh phúc mà một con người có thể nếm trải. Chính cô, em, – anh nói, mỉm cười bẽn lễn, – đã đem lại cho tôi hạnh phúc đó!

Anh còn đương ở trong thời kỳ chưa quen miệng lắm với tiếng “em”, và khi nhìn cô từ dưới lên một cách đứng đắn, anh cảm thấy kinh hãi khi thốt lên tiếng “em” với dáng thiên thần đó.

– Tôi đã hiểu được mình nhờ có... em, tôi đã biết rằng tôi tốt hơn là tôi tưởng.

– Tôi biết thế từ lâu. Chính vì thế nên tôi yêu ông.

Chim họa mi lạnh lốt ở gần đó, tán lá cây tươi xanh đung đưa trước cơn gió thoảng.

Anh cầm tay cô và hôn, mắt ứa lệ. Cô hiểu rằng anh cảm ơn cô, vì cô đã nói là cô yêu anh. Anh đi đi lại lại, im lặng, sau đó bước lại gần và ngồi xuống.

– Cô biết không, em biết không, thôi thì đằng nào cũng thế. Tôi gần gũi em không phải là vô tư, tôi muốn gây dựng quan hệ với giới thượng lưu, nhưng sau đó... Điều đó thật nhỏ nhen xiết bao so với em, khi tôi hiểu rõ em. Em không giận tôi về chuyện đó chứ?

Cô không đáp và chỉ chạm tay vào tay anh.

Anh hiểu cử chỉ đó có nghĩa là: “Không, em không giận đâu”.

– À mà em vừa nói... – anh lúng túng, tưởng như mình quá sỗ sàng, – em nói rằng em yêu tôi, tôi tin, nhưng, em thứ lỗi cho, ngoài cái đó ra còn có điều gì đó ngăn trở và làm cho em lo

lặng. Đó là điều gì vậy?

“Phải, bây giờ hoặc là chẳng bao giờ hết, - cô nghĩ. - Thôi thì đảng nào rồi anh ấy cũng sẽ biết. Nhưng bây giờ, anh ấy sẽ không bỏ đi. Chao ôi, nếu như anh ấy bỏ đi thì khủng khiếp xiết bao!”

Và cô đưa cặp mắt yêu đương bao quát toàn bộ vóc dáng to lớn, mãnh liệt, cao thượng của anh. Giờ đây cô yêu anh hơn Nikolai, và giá như đó không phải là hoàng thượng, thì chắc cô đã đổi ông ta lấy anh.

– Anh hãy nghe đây. Tôi không thể không thẳng thắn được. Tôi cần phải nói rõ mọi sự. Anh hỏi rằng đó là cái gì ư? Đó là vì tôi đã yêu.

Cô đưa tay ngăn cử chỉ cầu xin của anh.

Anh im lặng.

– Anh muốn biết tôi yêu ai phải không? Tôi yêu Người, hoàng thượng.

– Tất cả chúng ta đều yêu mến Người, tôi tưởng tượng lúc cô ở học viện...

– Không, sau này cơ. Đó là một sự say mê, nhưng sau đó nó đã qua đi. Nhưng tôi phải nói rằng... - Cái gì mới được chứ? - Không, chuyện của tôi không đơn giản đâu.

Cô đưa tay che mặt.

– Thế nào? Cô đã hiến thân cho ông ta à?

Cô im lặng.

– Nhân tình à?

Cô im lặng.

Anh chồm dậy, mặt tái nhợt như xác chết, gò má run bần bật, đứng trước cô. Lúc này anh sức nhớ khi gặp anh trên đại lộ

Nevski, Nikolai Pavlovich đã âu yếm chúc mừng anh.

– Trời ơi, tôi đã làm gì vậy, Stefan!

– Đừng đụng, đừng đụng vào người tôi. Ôi, đau đớn biết chừng nào!

Anh quay ngoắt người lại và bước vào trong nhà. Tại đây anh bắt gặp bà mẹ.

– Sao thế, công tước? Tôi... - Bà ta im bật, khi nhìn thấy vẻ mặt anh. Máu bỗng phừng phừng dồn lên mặt anh.

– Bà đã biết chuyện này và bà muốn dùng tôi để che đậy cho họ. Nếu như các người không phải là đàn bà,... - Anh hét lên, vung nắm đấm to tướng trước mặt bà ta, rồi quay ngoắt người, chạy ra khỏi nhà.

Giá như tình nhân của vợ chưa cưới của anh là một người thường, chắc anh đã giết chết hẳn, nhưng đây lại là Sa hoàng được sùng bái.

Ngay ngày hôm sau anh đã xin nghỉ phép và xuất ngũ, rồi cáo ốm để khỏi phải gặp ai, anh đi về quê.

Mùa hè anh sống tại làng quê mình, thu xếp mọi công việc của mình. Hết hè, anh không quay trở lại Peterburg, mà đi vào tu viện và đã trở thành tu sĩ ở đó.

Mẹ anh đã viết thư khuyên can anh chớ đi tới bước quyết liệt đó. Anh trả lời bà rằng sứ mạng của Chúa cao hơn mọi suy xét khác và anh cảm nhận thấy sứ mạng đó; Riêng cô em gái cũng kiêu hãnh và háo danh như ông anh, là hiểu được anh.

Cô em hiểu rằng anh trở thành tu sĩ để đứng cao hơn những kẻ muốn chứng tỏ cho anh biết họ đứng cao hơn anh. Và cô đã hiểu đúng anh. Bước chân vào giới tu sĩ, anh tỏ cho thấy rằng anh khinh miệt tất cả những cái gì tưởng là quan trọng xiết bao đối với những người khác và đối với chính bản thân anh, khi

anh còn tại ngũ và anh đã đứng trên một tầm cao mới, đến mức từ đó anh có thể nhìn xuống những kẻ mà trước đây anh từng ghen tị. Nhưng không phải chỉ có một tình cảm đó chi phối anh, như cô em gái Varvara của anh đã nghĩ. Còn có một tình cảm khác, thật sự có tính chất tôn giáo chi phối anh, cái tình cảm mà Varvara không biết tới, nó xen lẫn với lòng kiêu hãnh và ý muốn vươn lên hàng đầu. Nỗi chán chường đối với Maria (người vợ chưa cưới) mà anh tưởng là một thiên thần, và sự xúc phạm mạnh đến nỗi đẩy anh tới đâu? - Tới với Chúa, với đức tin thời thơ ấu, cái đức tin không bao giờ bị hủy hoại trong anh.

Kasatski vào tu viện trong ngày lễ Đức Mẹ đồng trinh.

Tu viện trưởng của tu viện là một nhà quý tộc, một văn nhân thông thái, một cha cả, nghĩa là ông kế tục cái truyền thông bắt nguồn từ Valakhia<sup>[10]</sup>, của các vị tu sĩ nhẫn nhục, phục tòng bậc tôn sư và người hướng dẫn đã lựa chọn. Tu viện trưởng là môn đồ của cha cả Leonit, môn đồ của Paixi Veliskovski, Kasatski phục tòng vị tu viện trưởng này như phục tòng vị cha cả của mình vậy.

Ngoài cái ý thức về ưu thế của mình đối với những người khác ở trong tu viện, cũng như trong mọi việc đã làm, Kasatski ngay cả ở trong tu viện cũng cảm thấy niềm vui khi đạt tới sự hoàn thiện cao nhất ở công việc bên ngoài cũng như trong nội tâm mình. Cũng như khi ở trung đoàn, ông không những chỉ là một sĩ quan không chê trách vào đâu được, mà còn là một người đã từng làm nhiều hơn so với đòi hỏi và đã mở rộng khuôn khổ sự hoàn thiện, khi đã là tu sĩ ông cố gắng trở nên một tu sĩ hoàn thiện, bao giờ cũng chịu khó làm lụng, biết tiết chế, nhẫn nhục, hiền lành, trong sạch không chỉ qua việc làm, mà cả trong ý nghĩ và việc tuân thủ phận sự. Đặc biệt là việc tuân thủ phận sự, hoặc là sự hoàn thiện, đã làm cho cuộc sống của ông trở nên thanh thản. Có nhiều đòi hỏi trong cuộc đời tu sĩ ở cái tu viện có nhiều khách viếng thăm này mà ông không thích, tuy những cái đó cám dỗ ông, nhưng ông đã loại trừ chúng bằng việc tuân thủ phận sự, công việc của ta đâu có phải là xét đoán, công việc của ta là biết tuân thủ phận sự theo đúng như quy định, dù là túc trực bên thánh cốt, hát trong ban đồng ca, hay lập bảng thanh toán cho nhà khách. Bất kỳ khả năng

hoài nghi nào đi nữa cũng đều đã được loại trừ bằng việc tuân thủ phận sự như vậy đối với vị cha cả. Giá như không có việc tuân thủ phận sự, thì chắc hẳn ông đã cảm thấy nặng nề vì những công việc lễ bái triền miên và đơn điệu của nhà thờ, vì sự lảng xảng của các khách viếng thăm và vì những nét xấu của đoàn tu sĩ, nhưng giờ đây không những ông đã chịu đựng tất cả những cái đó một cách vui vẻ, mà chúng còn tạo ra sự nâng đỡ và niềm an ủi trong cuộc đời ông. “Ta không biết vì sao mỗi ngày lại phải nghe tới mấy lần cũng những lời cầu kinh đó, nhưng ta biết rằng đó là điều cần thiết. Và một khi biết rằng đó là điều cần thiết, ta tìm thấy niềm vui trong những cái đó”. Vị cha cả đã nói với ông rằng cũng như món ăn vật chất cần thiết để duy trì cuộc sống, món ăn tinh thần - những lời cầu kinh của nhà thờ - cũng cần thiết để nâng đỡ đời sống tinh thần. Ông tin vào điều đó, và quả thực việc làm lễ ở nhà thờ mà đôi khi vào buổi sáng ông phải trôi dạt một cách chật vật để tới dự, đã đem lại cho ông niềm vui và sự thanh thoi chắc chắn. Ý thức về sự nhần nhục và không hoài nghi tất cả những hành vi do vị cha cả ấn định đã đem lại cho ông niềm vui. Hứng thú của cuộc sống không những chỉ ở trong việc chế ngự ngày càng mạnh ý chí của mình, trong sự nhần nhục ngày càng nhiều hơn, mà còn ở trong việc đạt được mọi đức hạnh Kito giáo mà lúc đầu ông tưởng là dễ dàng. Ông đã hiến dâng toàn bộ gia sản của mình cho cô em gái, không tiếc rẻ. Ông không chây lười. Sự nhần nhục trước những kẻ dưới chẳng những dễ dàng đối với ông, mà còn đem lại cho ông niềm vui. Thậm chí ông dễ dàng thắng được những tội lỗi xác thịt như thói tham lam cũng như sự dâm dăng. Vị cha cả đặc biệt ngăn ngừa để ông khỏi phạm tội lỗi đó, nhưng Kasatski vui mừng thấy rằng ông đã thoát được nó.

Chỉ có sự hồi tưởng về người vợ chưa cưới giày vò ông. Và không chỉ có hồi tưởng mà cả sự hình dung sinh động về những điều đã có thể xảy ra. Bất giác ông tưởng tượng ra người đàn bà ông quen biết được hoàng đế sủng ái, sau đó người ấy đi lấy chồng, trở thành một người vợ, người mẹ tuyệt vời trong gia đình. Chồng bà ta được bổ nhiệm vào một chức vụ quan trọng, có quyền hành, danh vọng và có một người vợ tốt, biết hối hận.

Vào những giây phút tốt đẹp, những ý nghĩ đó không làm cho Kasatski xao xuyến. Khi nhớ lại chuyện đó vào những giây phút tốt đẹp ông vui mừng, vì thấy mình đã thoát khỏi những cảm dỗ đó. Nhưng có những giây phút, khi bỗng nhiên tất cả những gì ông coi là lẽ sống mờ đi trước mắt ông, chẳng những ông thôi không còn tin vào những gì khiến ông đã sống, mà còn thôi không nhìn thấy, không gọi lại được trong mình những gì khiến ông đã sống, và hồi ức - nói ra thật khủng khiếp - cùng sự hối hận trong cách đối xử của mình choán lấy ông.

Lối thoát trong tình trạng đó là việc tuân thủ phận sự nghĩa là làm việc và suốt ngày bận bịu với việc cầu kinh. Như lệ thường, ông đã cầu kinh, cúi gập người xuống lễ, thậm chí ông đã cầu kinh nhiều hơn thường lệ, nhưng ông cầu kinh bằng phần xác, chứ không phải phần hồn. Và việc đó kéo dài một ngày, đôi khi hai ngày, rồi sau đó qua đi. Nhưng một hoặc hai ngày đó thật khủng khiếp. Kasatski cảm thấy ông không nằm trong quyền lực của mình và không nằm trong quyền lực của Chúa, mà nằm trong quyền lực của một người xa lạ nào đó. Và tất cả những gì ông có thể làm và đã làm trong thời gian đó là những gì vị cha cả khuyên ông: Tiết chế, không làm gì trong thời gian đó và chờ đợi. Nói chung, trong suốt thời gian đó, Kasatski đã sống không phải theo ý mình, mà theo ý của vị cha



cả, và ông cảm thấy lòng mình đặc biệt thanh thản trong việc tuân thủ phận sự đó.

Kasatski đã sống như vậy suốt bảy năm trong tu viện đầu tiên nơi ông vào tu. Vào cuối năm thứ ba, ông đã được cắt tóc và được phong là linh mục với pháp danh là Serghi<sup>[11]</sup>. Việc cắt tóc là một biến cố quan trọng trong tâm hồn Serghi. Trước đây ông cũng đã cảm thấy niềm an ủi lớn và sự phấn chấn tinh thần khi làm lễ nhập thánh thể; giờ đây khi chính ông phải làm lễ thì việc hoàn thành lễ proskomidia<sup>[12]</sup> đã khiến ông hân hoan cảm động. Nhưng về sau cảm giác đó ngày càng chai lì đi, và có lần ông đã làm lễ trong một tâm trạng u uất thường có ở ông, lúc ấy ông cảm thấy rằng tâm trạng đó rồi sẽ qua đi. Và quả thực cảm giác đó đã yếu đi, nhưng thói quen thì còn lại.

Nói chung vào năm thứ bảy trong cuộc sống của mình tại tu viện, Serghi bắt đầu cảm thấy buồn chán. Tất cả những gì cần phải học tập, tất cả những gì cần phải đạt tới, - ông đều đã đạt được, và chẳng còn việc gì để mà làm nữa.

Nhưng bù lại, trạng thái tê liệt ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn. Trong thời gian đó, ông được tin mẹ mình mất và Maria đi lấy chồng. Ông đứng đưng đón nhận những tin tức đó. Toàn bộ sự chú ý, toàn bộ các mối quan tâm của ông tập trung vào cuộc sống nội tâm.

Vào năm thứ tư sau khi đi tu, vị giám mục tỏ ra đặc biệt triu mến đối với ông và vị cha cả đã bảo ông đừng nên từ chối, nếu như người ta bổ nhiệm ông vào những giáo chức cao. Và lúc ấy thói háo danh của tu sĩ, cái thói đáng ghét nhất của các tu sĩ, nổi lên trong ông. Người ta bổ nhiệm ông về coi sóc một tu viện ở gần thủ đô. Ông định từ chối, nhưng vị cha cả đã ra lệnh cho ông phải chấp nhận sự bổ nhiệm đó. Ông chấp nhận sự bổ nhiệm, từ biệt vị cha cả và chuyển tới một tu viện khác.

Việc chuyển tới cái tu viện ở gần thủ đô này là một biến cố quan trọng trong cuộc đời của Serghi. Có nhiều sự căm dỗ đủ mọi kiểu và mọi sức lực của Serghi đều hướng vào việc chống lại những căm dỗ đó.

Trong tu viện trước, việc căm dỗ của phụ nữ ít giày vò ông, ở đây sự căm dỗ đó lấn tới với sức mạnh khủng khiếp và đã đi tới chỗ có một hình thù nhất định. Có một phụ nhân lừng danh vì tư cách xấu của mình bắt đầu xun xoe trước Serghi. Bà ta trò chuyện với ông và ngỏ lời mời ông tới thăm bà ta. Serghi đã nghiêm khắc từ chối, nhưng ông cảm thấy khiếp sợ trước ý muốn dứt khoát đó của mình. Ông sợ hãi đến nỗi đã viết thư cho vị cha cả về chuyện đó và hơn thế nữa, để mau chóng chấm dứt chuyện này, ông đã gọi người thầy dòng trẻ tuổi giúp việc mình tới và vượt qua nỗi xấu hổ, thú nhận với anh ta về sự yếu đuối của mình, yêu cầu anh ta theo dõi mình và đừng để mình đi đâu, ngoài việc làm lễ và nghe xưng tội.

Ngoài ra, căm dỗ lớn nhất đối với Serghi là ở chỗ tu viện trưởng của tu viện này, một người thanh lịch, khéo léo, đã làm nên công danh trong giáo hội, là kẻ mà Serghi hết sức ác cảm. Dù Serghi vật lộn với bản thân thế nào đi nữa, ông cũng không thể xóa tan được mối ác cảm đó. Ông đã cam chịu, nhưng trong thâm tâm vẫn không ngừng phê phán. Và tình cảm xấu đó bộc phát.

Chuyện đó xảy ra vào năm thứ hai trong quãng thời gian ông ở tu viện mới. Câu chuyện như thế này. Trong dịp lễ Đức Mẹ đồng trinh, cuộc lễ ban đêm được tiến hành tại nhà thờ lớn. Dân chúng tới dự đông. Đích thân tu viện trưởng làm lễ. Cha Serghi đứng ở chỗ thường ngày của mình và đọc kinh cầu nguyện, nghĩa là ông ở trong trạng thái đấu tranh mà ông luôn luôn lâm vào lúc làm lễ, đặc biệt là trong nhà thờ lớn, khi chính

bản thân ông không đứng chủ lễ. Cuộc đấu tranh đó là ở chỗ các khách tới dự lễ, các quý ông, đặc biệt là các quý bà làm cho ông bực tức. Ông cố gắng che lấp sự chú ý của mình, không nhìn thấy gì hết ngoài ánh sáng các ngọn nến ở bàn thờ, các bức ảnh thánh và những người phụ lễ, không nghe thấy gì hết ngoài những lời cầu kinh ê a và không cảm thấy cảm giác nào khác ngoài cảm giác tự quên mình trong việc hoàn thành những gì cần phải làm, cái cảm giác mà ông thường trải qua khi nghe và lặp lại những lời cầu kinh đã được nghe trước đó biết bao nhiêu lần.

Vậy là ông đứng đó, nghiêng mình, làm dấu thánh giá lúc cần phải làm và đấu tranh bản thân, khi thì đắm mình vào sự phán xét lạnh lùng, khi thì cố ý làm cho những cảm nghĩ của mình lảng đi vừa lúc người trông kho đồ lễ, cha Nikodim, cũng là một sự cảm dỗ lớn đối với cha Serghi, - Nikodim, mà ông bất giác trách cứ về thói lấy lòng và nịnh hót tu viện trưởng, - bước lại gần ông, cúi gập hẳn người xuống chào ông, nói rằng tu viện trưởng gọi ông vào chỗ bàn thờ. Cha Serghi vén áo choàng, đội chiếc mũ cao của tu sĩ rồi thận trọng đi ngang qua đám đông.

– *Lise, regardez à droite, c'est lui.*<sup>[13]</sup>

Ông nghe thấy một giọng nữ vang lên.

– *Où, où? Il n'est pas tellement beau.*<sup>[14]</sup>

Ông biết họ nói về ông. Khi nghe họ nói, và như thường lệ vào những phút bị cảm dỗ như vậy, ông lặp đi lặp lại mấy tiếng: “Và xin Người đừng dẫn chúng con vào cõi cảm dỗ”, rồi ông cúi đầu, cụp mắt xuống, đi ngang qua đài giảng kinh, đi vòng qua đám trợ tế mặc áo thụng lúc đó cũng đang băng qua trước khung để tượng thánh, bước vào khuôn cửa ở phía Bắc. Vào trong gian để bệ thờ, theo tục lệ, ông cúi gập hẳn mình xuống,

làm dấu thánh giá trước ảnh thánh, sau đó ông ngẩng đầu lên và nhìn vị tu viện trưởng đang đứng cạnh một người ăn vạ bảnh bao mà ông chỉ liếc mắt ngó qua, chứ không chú ý tới.

Tu viện trưởng mặc áo lễ đứng ở gần tường, những ngón tay nần nần ngẩn cùn cùn thò ra khỏi áo lễ đặt trên bụng và tấm thân phì nộn, ông ta vừa xoa xoa chiếc ngù kim tuyến của áo lễ, vừa mỉm cười nói gì đó với một quân nhân mặc quân phục cấp tướng có thêu những chữ đầu tên họ và đeo dây thao, những thứ mà giờ đây cha Serghi mới nhìn rõ bằng cặp mắt quân sự quen thuộc của mình. Vị tướng này nguyên là chỉ huy trung đoàn của ông. Giờ đây, rõ ràng ông ta đã giữ một địa vị quan trọng và cha Serghi lập tức nhận thấy ngay rằng tu viện trưởng biết rõ điều đó, vui mừng vì điều đó, bởi thế khuôn mặt to bè, đỏ lựng với vầng trán hói của ông ta sáng bóng lên.

Điều đó làm cho cha Serghi bực bội, buồn rầu và cảm giác đó càng tăng thêm, khi ông nghe tu viện trưởng nói rằng việc gọi ông tới đây chẳng có lý do gì khác hơn là để thỏa trí tò mò của vị tướng muốn được nhìn thấy người bạn đồng ngũ trước đây của mình, theo như cách ông ta nói.

– Rất vui mừng được nhìn thấy ông trong hình dạng thân thánh này, – vị tướng nói, chìa tay ra. – Tôi hy vọng rằng ông không quên người đồng ngũ của mình.

Toàn bộ khuôn mặt đỏ lựng, giữa mái tóc bạc, đang mỉm cười của tu viện trưởng dường như tán thành điều vị tướng nói, bộ mặt núc ních của vị tướng với nụ cười tự đắc, mùi rượu vang từ miệng vị tướng và mùi thuốc xì gà từ chòm râu quai nón của ông ta tỏa ra – tất cả những cái đó làm cho đức cha Serghi nổi xung lên. Ông nghiêng mình một lần nữa trước tu viện trưởng và nói:

– Bẩm cha cho gọi con ạ? – Rồi ông dừng lại, nét mặt và tư

thế của ông như có ý hỏi: Để làm gì?

Tu viện trưởng nói:

– Để gặp gỡ với tướng quân đây.

– Trình cha, con đã rời bỏ cõi tục để cứu mình khỏi những cám dỗ, - ông nói, mặt tái nhợt và môi run rẩy. - Vì sao người đem con ra trước mặt họ ở đây, trong giờ cầu nguyện và trong điện thờ của Chúa?

– Cha đi đi, đi đi. - Tu viện trưởng bực mình và chau mày, nói.

Hôm sau, cha Serghi xin tu viện trưởng và đoàn giáo sĩ tha thứ cho thái độ kiêu hãnh của mình, nhưng đồng thời sau một đêm cầu nguyện, ông quyết định mình phải bỏ tu viện này và ông đã viết thư cho vị cha cả về việc đó, cầu xin vị cha cả cho phép ông quay trở về tu viện trước đây. Ông viết rằng ông cảm thấy mình yếu đuối và không có khả năng đơn độc chống lại những cám dỗ, nếu thiếu sự giúp đỡ của vị cha cả. Và ông đã tỏ ra ăn năn vì tội kiêu hãnh của mình. Chuyến xe thư sau đã mang thư trả lời của vị cha cả tới, trong đó nói rằng nguyên do mọi sự là ở thói kiêu hãnh của ông. Vị cha cả đã giải thích cho ông rằng cơn giận dữ của ông bùng ra là do ông đã cam chịu nhẫn nhục, chấp hành những nghi thức tôn giáo không phải vì Chúa, mà vì sự kiêu hãnh của mình, muốn tỏ ra rằng đấy, tôi là người như vậy đó, tôi chả cần gì cả. Chính vì thế mà ông đã không chịu được cách xử sự của tu viện trưởng. Vì Chúa mình đã khinh thường tất cả, vậy mà người ta lại đem mình ra trưng bày như một con mãnh thú. “Nếu như con vì Chúa mà coi thường vinh hoa, thì chắc con đã chịu đựng được. Thói kiêu hãnh thế tục còn chưa tắt lặng ở trong con. Ta nghĩ tới con, Serghi ạ, và ta đã cầu nguyện, và Chúa đã gợi ý cho ta bảo với con rằng, con hãy sống như trước đây và hãy khuất phục. Vừa

lúc ấy có tin ẩn sĩ Ilarion đã kết thúc cuộc đời thánh thiện của mình tại nhà tu nhỏ. Ông ta đã sống ở đó mười tám năm. Tu viện trưởng Tambino hỏi xem có giáo sĩ nào muốn sống ở đó không. Vừa may nhận được thư con. Con hãy tới gặp đức cha Paixi ở tu viện Tambino và xin được ở trong tu phòng nhỏ của Ilarion, ta sẽ viết thư cho ông ta. Không phải vì con có thể thay thế được Ilarion, mà vì con cần tới sự biệt lập để chế ngự thói kiêu hãnh của mình. Mong Chúa phù hộ cho con”.

Nghe lời vị cha cả, Serghi đã đưa bức thư đó cho tu viện trưởng xem, rồi xin phép ông ta, trả lại tu phòng của mình cùng mọi đồ đạc cho tu viện, và đi tới tu viện Tambino hoang vắng.

Tu viện trưởng tại tu viện Tambino là một chủ nhân tuyệt vời, xuất thân từ giới thương gia. Ông ta đã tiếp đón Serghi một cách giản dị và điềm tĩnh và xếp ông vào tu phòng của Ilarion, thoạt đầu cấp cho ông một người hầu hạ, sau đó, theo ý nguyện của Serghi, để ông ở một mình. Tu phòng là một cái hang đào trong núi. Ilarion đã được chôn cất trong tu phòng đó, ở phía sau hang. Gần đó là một cái hòm dùng làm chỗ ngủ, có đệm rơm, một chiếc bàn nhỏ và một cái giá để đặt ảnh thánh và sách, ở bên ngoài cửa ra vào đóng chặt có một cái giá, hàng ngày một tu sĩ đem thức ăn tu viện ra để trên giá đó.

Và cha Serghi đã trở thành ẩn sĩ.

Serghi đã tu hành ẩn dật được sáu năm. Vào dịp lễ tiễn mùa đông, từ thành phố bên cạnh, sau khi tiệc rượu no say, một tốp những người giàu có gồm cả đàn ông và đàn bà tụ họp vui vẻ, rong xe tam mã đi chơi. Tốp này gồm có hai luật sư, một địa chủ giàu có, một sĩ quan và bốn phụ nữ. Một bà là vợ viên sĩ quan, một người là vợ viên địa chủ, người thứ ba là em gái của viên địa chủ, còn bà thứ tư là người đã li dị chồng, một người đàn bà đẹp, giàu có và là một người kỳ quặc đã từng làm cho thành phố náo loạn và ngạc nhiên vì những trò oái oăm của mình.

Thời tiết đẹp, đường phẳng lì như sàn nhà. Xe đi ngược độ một chục dặm, ra khỏi thành phố, họ dừng lại và trao đổi xem nên đi đâu, quay lại hay đi tiếp.

– Thế con đường này dẫn tới đâu nhỉ? – Makovkina, người đàn bà đẹp đã li dị chồng, hỏi.

– Đến Tambino, từ đây đến đó còn mười hai versta<sup>[15]</sup>, – ông luật sư nói, ông ta đang ve vãn bà Macovkina.

– Thế còn sau đó?

– Sau đó con đường dẫn tới L. đi qua tu viện.

– Nơi cha Serghi sống ấy à?

– Phải.

– Kasatski ấy à? Vị ẩn sĩ đẹp trai phải không?

– Phải.

– Thưa quý bà! Thưa quý ông! Chúng ta đi tới chỗ Kasatski. Ta sẽ nghỉ ngơi, ăn uống ở Tambino.

- Nhưng chúng ta sẽ không kịp về nghỉ đêm tại nhà.
- Không sao, ta sẽ nghỉ đêm ở chỗ Kasatski.
- Ở đó có nhà khách của tu viện đấy và thật là tuyệt. Tôi đã ở đó khi bào chữa cho Makhin.
- Không, tôi sẽ nghỉ đêm ở chỗ Kasatski.
- Chà, ngay cả với mãnh lực toàn năng của bà cũng không thể thế được.
- Không thể được à? Ông cựa đi.
- Được thôi, nếu bà ngủ đêm được ở chỗ ông ta, thì bà muốn gì, tôi cũng xin vâng.
- *A discrétion!*<sup>[16]</sup>
- Bà cũng thế đấy!
- Thôi được. Ta đi đi!

Họ chuốc rượu vang cho các bác xà ích. Bản thân họ đã kiếm được một hòm bánh rán, rượu vang, kẹo. Các bà cuộn mình trong những chiếc áo bằng lông chó trắng. Các xà ích tranh cãi xem ai đi đầu và một người xà ích trẻ ngang tàng quay nghiêng người lại, hươ chiếc roi dài, thét to, – thế là nhạc ngựa vang lên và các càn trượt rít ken két.

Những chiếc xe trượt tuyết rung lên và lúc lắc, con ngựa chạy bên lề phóng đều đều và vui vẻ, đuôi bị buộc chặt vào chiếc đai lưng. Con đường phẳng phiu như bơi mỡ vun vút tụt lại phía sau, anh xà ích ngang tàng giật dây cương, ông luật sư, viên sĩ quan ngồi đối diện nhau, họ nói trợn gì đó với bà Makovkina ngồi bên cạnh, còn bà này cuộn chặt mình trong chiếc áo choàng lông, ngồi bất động và nghĩ: “Cũng cùng một giuộc cả thôi và tất cả đều xấu xa, những bộ mặt đỏ lựng, nhẵn bóng sặc mùi rượu vang và thuốc lá, cũng vẫn những lời lẽ đó,



vẫn những ý tưởng đó và tất cả đều xoay quanh chính bản thân sự xấu xa. Tất cả bọn họ đều hể hả và tin chắc rằng cần phải như thế và có thể tiếp tục sống như thế cho đến chết. Mình thì chịu. Mình thấy chán ngán. Mình thấy cần phải có một cái gì đó có thể làm đảo lộn, xới tung tất cả những thứ đó lên. Chà, giá cứ như những tay ở Saratov, hình như họ rong xe đi và đã chết cóng. Thế còn lũ mình thì có thể làm được cái gì? Chúng ta đã xử sự như thế nào? Chắc chắn là đã xử sự một cách ti tiện. Kẻ nào có lẽ cũng vì mình và ngay cả mình có lẽ cũng đã xử sự một cách ti tiện. Nhưng ít ra thì mình cũng còn đẹp. Họ biết như vậy. Thế còn vị tu sĩ này? Chẳng lẽ ông ta chưa hiểu được điều đó hay sao? Không đúng. Họ chỉ hiểu được có một điều ấy thôi. Như hồi mùa thu với anh chàng học sinh sĩ quan đó. Hắn ta mới gốc nghềch làm sao...”

– Ivan Nikolaievich! – Bà ta nói.

– Bà bảo gì ạ?

– Thế ông ta bao nhiêu tuổi?

– Ai cơ?

– Kasatski ấy mà.

– Hình như khoảng ngoài bốn mươi.

– Thế ông ta tiếp tất cả mọi người chứ?

– Tất cả, nhưng không phải lúc nào ông ta cũng tiếp.

– Ông đắp chân cho tôi đi. Không phải thế. Ông vụng về làm sao! Nào, kéo dịch lên, tí nữa, thế, thế. Và không nên siết chặt chân tôi như vậy.

Thế là họ đã đi tới khu rừng nơi có tu phòng.

Bà ta xuống xe và bảo họ cứ đi tiếp. Họ khuyên ngăn bà ta, nhưng bà ta nổi nóng và ra lệnh cho họ cứ đi. Bấy giờ chiếc xe trượt tuyết đành bỏ đi và bà ta, mình vận chiếc áo choàng bằng

lông chó trắng, bước đi trên con đường nhỏ. Vị luật sư xuống xe và đứng lại nhìn.

Cha Serghi đã sống năm thứ sáu trong cuộc đời ẩn dật. Ông đã bốn mươi chín tuổi. Cuộc sống của ông thật gian truân. Không phải là do những khó nhọc trong việc ăn chay và cầu nguyện, đó không phải là những việc khó nhọc, mà do cuộc đấu tranh nội tâm ông không hề ngớt tới. Có hai nguyên do dẫn tới cuộc đấu tranh đó, sự hoài nghi và tình dục. Và cả hai kẻ thù này bao giờ cũng trở lên cùng một lúc. Ông tưởng như đó là hai kẻ thù khác nhau, trong khi chúng chỉ là một mà thôi. Hễ tiêu diệt được sự hoài nghi thì tức là đã tiêu diệt được tình dục. Nhưng ông tưởng rằng đó là hai con quỷ khác nhau và ông đã đấu tranh riêng rẽ với chúng.

“Chúa tôi! Lạy Chúa tôi! - Ông nghĩ. - Vì sao Người không cho con đức tin. Phải, tình dục, thánh Antoni và những người khác đã đấu tranh với nó, nhưng họ có niềm tin. Còn con có những giờ phút, có những ngày không có được đức tin. Cả thế giới với toàn bộ vẻ mỹ miều của nó tồn tại để làm gì, nếu như nó đầy tội lỗi và cần phải từ bỏ nó? Vì sao Người đã tạo ra sự căm dỗ này?

Sự căm dỗ ư? Nhưng có phải vì sự căm dỗ không - cái việc ta muốn thoát ly khỏi những niềm vui trần gian và đang chuẩn bị một cái gì đó ở một nơi có lẽ chẳng có gì hết. - Ông tự nhủ và khiếp sợ, ghê tởm bản thân mình. - Đồ đê tiện! Đồ đê tiện! Thế mà cũng mong trở thành thánh”. - Ông bắt đầu chửi rủa mình, và quay ra cầu nguyện. Nhưng vừa bắt đầu cầu nguyện là ông đã hình dung ra một cách sinh động bản thân mình là người thế nào ở tu viện, đội mũ cao, mặc áo lễ, dáng vẻ uy nghi. Và ông lắc đầu, “Không, không phải như thế. Đó là sự dối trá.

Nhưng mình lừa dối những người khác, chứ không lừa mình và lừa Chúa. Mình không phải là một con người uy nghi, mà là một kẻ thảm hại, nực cười”. Và ông gạt tà áo thụng ra, nhìn vào đôi chân thảm hại bó trong quần của mình. Rồi ông mỉm cười.

Sau đó ông thả tà áo xuống và bắt đầu đọc kinh cầu nguyện, làm dấu và gập mình xuống lễ. “Chả lẽ cái giường này sẽ là quan tài của mình sao?” - Ông xướng lên. Và tựa hồ có một con quỷ nào đó thì thảo bên tai ông: “Cái giường đơn độc, và nó cũng là chiếc quan tài. Sự dối trá”. Và ông đã nhìn thấy trong trí tưởng tượng đôi vai của người đàn bà góa mà ông đã từng chung sống. Ông giũ bỏ hình ảnh đó và tiếp tục đọc kinh. Sau khi đọc các giáo luật, ông cầm lấy quyển kinh Phúc âm, mở ra và thấy ngay đoạn mà ông thường lặp đi lặp lại và thuộc lòng: “Con kính tin, lạy Chúa, xin Người hãy giúp đỡ cho sự thiếu đức tin của con”. Ông đã thu lại mọi mối hoài nghi vừa ló ra. Giống như người ta điều chỉnh một vật không đứng vững, ông lại điều chỉnh lòng tin của mình trên một tảng chân chao đảo và thận trọng rời xa nó, để khỏi xô đẩy và làm nó đổ sụp. Những tấm che mắt lại được kéo lên và ông đã cảm thấy yên tâm. Ông nhắc lại lời nguyện cầu thời thơ ấu: “Lạy Chúa, xin Người hãy đón nhận lấy con”, và không những ông chỉ cảm thấy nhẹ nhõm mà còn thấy hân hoan xúc động. Ông làm dấu thánh giá, rồi nằm lên tấm đệm của mình trải trên chiếc ghế băng hẹp, đặt dưới đầu chiếc áo lễ mùa hè. Và ông thiếp đi. Trong giấc mơ nhẹ nhõm, ông tưởng như nghe thấy tiếng nhạc ngựa. Ông không rõ đó là thực hay mơ. Nhưng tiếng gõ cửa đã đánh thức ông. Ông nhònm dậy, không tin ở mình. Những tiếng gõ cửa được lặp lại. Đúng rồi, đó là tiếng gõ cửa gần lắm, ở cánh cửa phòng ông, và có tiếng đàn bà.

“Lạy Chúa tôi! Chẳng lẽ điều mình đã đọc thấy trong chuyện đời các thánh, nói rằng con quỷ hiện hình thành đàn bà lại là thực... Đúng rồi, đây là giọng đàn bà. Một giọng nói dịu dàng, rụt rè và đáng yêu! Phỉ phui! - Ông nhỏ nước bọt. - Không, mình tưởng thế thôi”. - Ông nói, rồi đi vào góc hầm, nơi kê một chiếc bàn cao để ảnh thánh, quỳ xuống bằng một động tác thành thạo quen thuộc và nhờ động tác đó, ông cảm thấy niềm an ủi và sự hài lòng. Ông quỳ xuống, tóc xõa xuống mặt và áp vầng trán đã trụi tóc xuống nền sàn ẩm ướt, lạnh lẽo. (Gió thổi trên sàn).

... Ông đọc thánh thi, cha Pimen già đã bảo ông rằng thánh thi giúp cho người ta thoát khỏi cảnh quỷ ám. Ông nhẹ nhàng vươn tấm thân gầy guộc nhẹ bằng của mình trên đôi chân cứng cáp giật giật và định đọc tiếp, nhưng ông không đọc mà bất giác giở tai lắng nghe. Ông muốn nghe. Im lặng hoàn toàn, vẫn những giọt nước ấy tí tách rơi từ trên mái nhà xuống chiếc thùng gỗ nhỏ đặt ở một góc. Ngoài sân, sương mù và tuyết che lấp hết mọi vật. Lạnh lẽ, lạnh lẽ quá. Và bỗng nhiên có tiếng sột soạt ở cạnh cửa sổ và rõ ràng là có tiếng người nói - vẫn là giọng nói dịu dàng, rụt rè, chỉ ở người đàn bà hấp dẫn mới có được giọng nói như thế:

– Xin hãy mở cửa ra. Vì Chúa Kito...

Tưởng như tất cả máu huyết dồn vào tim và dừng lại đó. Ông không thở được nữa. “Chúa sẽ phục sinh và lập tức ban phát...”.

– Con không phải là quỷ đâu... - nghe rõ thấy cái miệng đang nói ấy mỉm cười. - Con không phải là ma quỷ, mà chỉ là một người đàn bà tội lỗi, bị lạc đường, không phải theo nghĩa bóng mà theo nghĩa đen (bà ta cười vang), con đã bị lạnh cóng rồi và xin được trú nhờ...

Ông áp mặt vào cửa kính. Ngọn đèn nhỏ rọi sáng và ánh lên khắp mặt kính. Ông áp lòng bàn tay vào hai bên mặt và nhìn ra. Sương mù, thân cây, và kia rồi, ở mé bên phải. Bà ta. Đứng rồi, bà ta, người đàn bà mặc áo choàng lông có lớp lông trắng dài, đội mũ lông, khuôn mặt đôn hậu, sợ hãi, rất dễ thương, bà ta đứng đó cách khuôn mặt ông chừng hai versoc<sup>[17]</sup>, nghiêng về phía ông. Mắt họ gặp nhau và họ đã nhận ra nhau. Không phải là có lúc họ đã nhìn thấy nhau, họ chưa bao giờ gặp nhau cả, nhưng trong cái nhìn mà họ trao đổi cho nhau đó, họ (đặc biệt là ông) cảm thấy rằng họ biết rõ nhau, hiểu nhau. Sau cái nhìn đó, không thể nào còn nghi ngờ rằng đây là con quý, chứ không phải là một người đàn bà bình thường, đôn hậu, dễ thương và rụt rè.

– Bà là ai? Bà đến đây làm gì? – Ông hỏi.

– Xin cha hãy mở cửa ra đã, – bà ta nói vẻ độc đoán, đỏng đảnh. – Con lạnh cóng cả người. Con đã nói với cha là con bị lạc đường.

– Nhưng tôi là tu sĩ, là ẩn sĩ.

– Được rồi, cha cứ mở cửa ra đi, kéo không thì hóa ra cha muốn con chết cóng ở dưới cửa sổ trong khi cha cầu kinh à.

– Ủ, nhưng sao bà... Con sẽ không ăn thịt cha đâu. Vì Chúa, xin cha hãy cho vào. Rốt cuộc con đã bị cóng rồi.

Bản thân bà ta bắt đầu hoảng sợ. Bà ta đã nói câu đó hầu như bằng cái giọng đẫm nước mắt.

Ông rời khỏi cửa sổ, nhìn lên ảnh Chúa Kito giữa vòng hoa gai góc: “Lạy Chúa, xin Người hãy giúp đỡ con, lạy Chúa, xin Người hãy giúp đỡ con”, – ông thốt lên, làm dấu và cúi gập người xuống, rồi bước chân về phía cửa ra vào, mở cửa ra buồng hiên. Ông mò mẫm tìm móc cửa trong buồng hiên và bắt

đầu đẩy móc ra. Ông nghe thấy tiếng bước chân ở phía ngoài. Bà ta đi từ cửa sổ đến cửa ra vào. “Ồi!” - Bỗng nhiên bà ta kêu thét lên.

Ông hiểu rằng bà ta đã giẫm phải vũng nước đọng ở ngưỡng cửa. Tay ông run lên và ông không tài nào nhắc nổi cái móc bị cánh cửa ép chặt.

- Cha làm sao thế, cho con vào đi. Con ướt hết cả người rồi. Con bị lạnh cóng. Cha nghĩ tới việc cứu rồi linh hồn, còn con thì lạnh cóng.

Ông kéo cánh cửa về phía mình, nâng chiếc móc lên và không tính tới sự va đập, ông đẩy mạnh cánh cửa ra phía ngoài, đến nỗi đập phải người bà ta.

- Ôi, xin lỗi! - Ông nói, bỗng nhiên chuyển hoàn toàn sang cách đối đáp quen thuộc hồi xưa với các phu nhân.

Nghe tiếng “xin lỗi” đó bà ta mỉm cười. “A, thế ra ông ta còn chưa đến nỗi đáng sợ lắm”, - bà ta nghĩ.

- Không sao, không sao ạ. Cha tha lỗi cho con, - bà ta nói, đi ngang qua trước mặt ông. - Lẽ ra con chẳng bao giờ dám làm như thế này, nhưng đây là một trường hợp đặc biệt.

- Xin mời bà, - ông nói, để cho bà đi ngang qua. Mùi nước hoa thanh khiết sức nức, đã từ lâu ông không ngửi thấy, xộc vào mũi ông. Bà ta đi ngang qua buồng hiên vào buồng chính. Ông đóng sập cửa ra vào bên ngoài, không cài chốt, bước qua buồng hiên, rồi đi vào buồng chính.

“Lạy Chúa Jesu, đức Thánh con, xin Người hãy thương con là kẻ tội lỗi, lạy Chúa, xin Người hãy thương con là kẻ tội lỗi”, - ông đọc kinh không ngắt, và không chỉ đọc nhắm mà bất giác môi cũng lập bập.

- Xin mời, - ông nói.

Bà ta đứng ở giữa phòng, nước ở trên mình chảy ròng ròng xuống sàn và bà ta ngắm nhìn ông. Cặp mắt bà ta cười.

– Xin Cha tha lỗi cho, vì con đã phá rối cảnh cô tịch của cha. Nhưng cha cũng thấy tình cảnh của con đấy. Chả là xe chúng con ra đi từ thành phố và con đã đánh cuộc là con sẽ đi một mình từ làng Vorobiovka trở về thành phố, nhưng tới đây thì con bị lạc đường, ấy thế là, giá con mà không lần tới được tu phòng của cha... – Bà ta bắt đầu nói dối. Nhưng vẻ mặt của ông khiến bà ta bối rối đến nỗi không thể nói tiếp được và bà ta đã im lặng. Bà ta hoàn toàn không ngờ ông lại như vậy. Ông không phải là một người đẹp trai như bà tưởng tượng, nhưng mắt bà ta vẫn thấy ông là đẹp. Mái đầu với những chùm tóc xoắn hoa râm và bộ râu, chiếc mũi dọc dừa thanh tú và cặp mắt rùng rục như hòn than khi ông nhìn thẳng, đã làm bà sửng sốt.

Ông thấy là bà ta nói dối.

– À, ra thế, – ông nói, ngược nhìn bà ta, rồi cụp mắt xuống.  
– Tôi sẽ vào trong kia, còn bà thì xin cứ tự nhiên.

Ông nhắc cây đèn nhỏ, châm nến và nghiêng người rất thấp chào bà, rồi bước vào căn phòng nhỏ xíu ở đằng sau vách ngăn, và bà nghe thấy ông bắt đầu xê dịch cái gì ở đó. “Chắc ông ta đang dùng cái gì đó kê ngăn lại để trốn tránh mình”, – bà nghĩ, mỉm cười, hất chiếc áo choàng ngăn không tay bằng lông chó trắng xuống, bắt đầu tháo chiếc mũ lông quấn vào tóc và chiếc khăn đan ở dưới mũ. Bà ta không hề bị ướt khi đứng dưới cửa sổ, và bà đã nói mình bị ướt chỉ cốt lấy cớ để ông cho vào nhà. Nhưng lúc ở cửa ra vào, đúng là bà đã giẫm phải vũng nước, chân trái của bà đã bị ướt đến tận mắt cá, chiếc giày cao cổ và chiếc ủng lông bông đầy nước. Bà ngồi lên giường ông – đó chỉ là tấm ván có phủ thảm lót – và bắt đầu cởi giày. Bà thấy tu phòng nhỏ này thật là đáng yêu. Buồng chật hẹp, chiều rộng ba



arsin<sup>[18]</sup>, chiều dài bốn arsin, sạch như lau như li. Trong buồng chỉ kê chiếc giường mà bà ngồi, phía trên giường là một giá nhỏ để sách. Trong góc buồng có chiếc bàn để ảnh thánh. Ở cửa ra vào có đỉnh treo áo choàng lông và áo lễ. Trên bàn để ảnh thánh là ảnh Chúa Kito giữa vòng mạn gai và chiếc đèn nhỏ. Phảng phất mùi vị lạ của mỡ, mồ hôi và đất, bà vừa ý với tất cả mọi thứ, ngay cả mùi vị này.

Đôi chân ẩm ướt, đặc biệt là bên chân giẫm phải nước khiến bà không yên tâm, bà vội vã cởi giày, miệng không ngớt mỉm cười, vui mừng vì chẳng những mình đã đạt được mục đích, mà còn vì bà thấy mình đã làm cho người đàn ông có duyên, khác thường, hấp dẫn lạ lùng như ông phải bối rối. “Chà, ông ấy mà không đáp lời, thì cũng chẳng tai vạ quái gì”, - bà tự nhủ.

- Thưa cha Serghi! Thưa cha Serghi! Dạ, gọi tên cha thế phải không?

- Bà cần gì? - Ông khẽ đáp.

- Dạ, xin cha tha lỗi cho con vì đã phá rối cảnh cô tịch của cha. Nhưng quả thật con không làm thế nào khác được. Lẽ ra con ốm rồi đấy. Ngay lúc này con cũng chả biết mình ra sao. Nhưng con ướt hết cả, chân lạnh như cục băng.

- Bà tha lỗi cho, - giọng nói khẽ khàng đáp lại, - tôi chẳng giúp gì được cả.

- Không đời nào con lại làm phiền cha. Con chỉ trú nhờ đây đến rạng sáng thôi.

Ông không đáp. Và bà nghe thấy ông thì thào gì đó, rõ ràng là ông đang cầu nguyện.

- Cha không vào đây chứ ạ? - Bà ta mỉm cười hỏi. - Kẻo con còn phải cởi quần áo để hong cho khô.

Ông không đáp, tiếp tục đọc kinh bằng giọng đều đều ở sau

vách.

“Đúng, đó là một con người”, - bà nghĩ, chật vật rút chiếc ủng cao cổ òm ọp nước. Bà kéo, nhưng không rút được chiếc ủng ra, và bà thấy buồn cười. Bà suýt bật lên cười thành tiếng, nhưng biết rằng ông nghe thấy tiếng cười của mình và tiếng cười đó tác động đến ông đúng như ý bà mong muốn, nên bà cười to hơn, và tiếng cười vui vẻ, tự nhiên, đôn hậu đó quả thực đã tác động đến ông đúng như ý bà mong muốn.

“Phải, có thể yêu một con người như thế này. Cặp mắt ấy, và khuôn mặt giản dị, cao thượng - dù ông có lăm bắm cầu kính gì đi nữa - trông say mê như thế! - Bà nghĩ. - Ông không đánh lừa được bọn đàn bà chúng tôi đâu. Lúc ghé khuôn mặt vào sát cửa kính, ông ta đã nhìn thấy mình, đã hiểu, và đã nhận ra. Cặp mắt ông rực sáng và gây ấn tượng mạnh. Ông ta yêu thích và thèm muốn mình. Phải rồi, ông ta đã thèm muốn”, - bà nói, rốt cuộc bà cũng đã tháo được ủng, giày cao cổ và đang loay hoay tháo bít tất. Muốn tháo được những đôi bít tất dài bằng láng đó phải vén váy lên. Bà ta cảm thấy xấu hổ và lên tiếng:

- Cha đừng vào nhé!

Nhưng không có tiếng nào đáp lại ở bên kia bức vách, vẫn thấy tiếng lăm bắm đều đều kéo dài và tiếng xê dịch lịch kịch. “Chắc ông ấy lại quỳ xuống sát đất để lễ, - bà nghĩ. - Nhưng ông ấy sẽ không lẩn tránh mình đâu, - bà ta thốt lên. - Ông ấy đang nghĩ tới mình. Cũng như mình đang nghĩ tới ông ấy. Ông ấy đang nghĩ tới những cái chân này với cũng cùng một tình cảm đó”, - bà nói, tháo đôi bít tất ẩm ướt ra và thu cặp chân trần lên giường, rồi ngồi gập chân lại. Bà ta ngồi như thế một lát, vòng tay ôm lấy đầu gối và trầm ngâm nhìn về phía trước mặt. “Phải, nơi hoang vắng này, cảnh yên tĩnh này. Và có lẽ sẽ chẳng bao giờ có ai biết được...”

Bà đứng dậy, mang đôi bít tất lại chỗ lò sưởi, treo tất lên ống thông hơi. Cái ống thông hơi mới đặc biệt làm sao. Bà xoay nó lại, rồi sau đó nhẹ nhàng đi chân đất quay về giường và lại thu chân ngồi lên giường. Bên kia vách hoàn toàn im ắng. Bà nhìn chiếc đồng hồ nhỏ đeo ở cổ bà. Đã hai giờ sáng. “Cánh cùng đi với mình hẳn sẽ tới đây lúc gần ba giờ”. Còn không tới một giờ đồng hồ nữa.

“Ô hay, mình sẽ ngồi một mình ở đây như thế này à. Vớ vẩn thật! Mình không muốn thế. Mình sẽ gọi ông ta ngay lập tức”.

– Thưa cha Serghi! Thưa cha Serghi! Xergei Dmitrievich, công tước Kasatski!

Sau cánh cửa im phăng phắc.

– Cha hãy nghe đây, thật là tàn nhẫn. Lẽ ra con đã không gọi cha, nếu như con không thấy cần. Con ốm. Con không biết mình ra sao, – bà ta lên tiếng bằng giọng đau khổ. – Ôi, ôi! – Bà ta rên lên và lăn đùng xuống giường. Và điều kỳ lạ là bà ta cảm thấy y như mình kiệt sức, mệt lả, đau như khắp người và run lên bần bật vì cơn sốt.

– Cha hãy nghe đây, xin cha giúp đỡ con. Con không biết mình làm sao ấy. Ôi! Ôi! – Bà ta cởi khuy áo dài, phơi bộ ngực ra và vén cánh tay áo để trần đến tận khuỷu: Ôi! Ôi!

Trong lúc đó, ông vẫn đứng trong buồng xép chặt hẹp của mình và cầu kinh. Đọc hết kinh nguyện buổi tối, giờ đây ông đứng bất động, mắt chăm chăm nhìn vào chóp mũi và thầm lặp đi lặp lại lời nguyện cầu khôn ngoan: “Lạy Chúa Kito, đức thánh con, xin Người xá tội cho con”.

Nhưng ông đã nghe thấy hết cả. Ông đã nghe thấy tiếng lụ lạt soạt khi bà cởi áo, tiếng bước chân trần của bà bước trên sàn, ông đã nghe thấy bà dùng tay xoa chân. Ông cảm thấy

rằng ông yếu đuối và bất cứ giây phút nào cũng có thể bị sa ngã và bởi vậy ông không ngớt cầu kinh. Ông cảm thấy một cái gì giống như cảm giác của một nhân vật trong truyện cổ tích, nhân vật này phải bước đi, không được ngoái nhìn trở lại. Cũng giống như vậy, Serghi nghe thấy, cảm thấy nguy cơ và sự sa ngã ở đây đang vây bọc lấy ông, lơ lửng trên đầu ông và ông chỉ có thể thoát ra được bằng cách không ngoái nhìn bà ta một giây phút nào cả. Nhưng bỗng nhiên, ý muốn được nhìn xem thử xâm chiếm lấy ông. Đúng lúc ấy, bà ta nói:

– Cha hãy nghe đây, quả thật là vô nhân đạo. Con có thể chết.

“Phải, mình sẽ sang, nhưng mình sẽ làm như đức cha ấy, một tay đặt lên mình con chiêm lằm lặc, còn tay kia đặt lên lò lửa. Nhưng làm gì có lò lửa”. Ông ngoái nhìn. Cây đèn. Ông thò ngón tay lên ngọn lửa và nhìn mặt, sẵn sàng chịu đựng và ông tưởng như tuy kéo dài đã khá lâu, ông vẫn không cảm thấy gì, nhưng bỗng nhiên – Ông còn chưa biết dứt khoát mình có đau đớn không và đau đớn đến mức nào, ông chau mày, rứt tay hươ hươ tay lên: “Không, mình không thể chịu được điều đó”.

– Vì Chúa! Ôi, cha sang với con đi! Con sắp chết, ôi!

“Thế ra mình sẽ sa ngã ư? Không thể thế được”.

– Tôi đến chỗ bà ngay đây, – ông thốt lên, rồi mở cửa buồng mình, không nhìn bà, đi ngang qua bà tới chỗ cửa mở ra buồng hiên, nơi ông bỏ củi, ông mò mẫm tìm chiếc thớt gỗ mà ông dùng để bỏ củi và chiếc rìu để dựa vào tường.

– Tôi sang ngay bây giờ, – ông nói, rồi đưa tay phải nắm lấy chiếc rìu, đặt ngón tay trở của bàn tay trái lên chiếc thớt gỗ, vung rìu lên và chém phập xuống dưới đốt ngón tay thứ hai. Ngón tay văng ra, nhẹ nhàng hơn là những mảnh gỗ cùng độ

dày như thế, bật ngược, rồi rơi xuống mép thớt, sau đó lăn xuống sàn nhà.

Ông nghe thấy tiếng đầu ngón tay rơi xuống trước khi cảm thấy đau. Nhưng ông chưa kịp ngạc nhiên, vì thấy không đau, thì đã cảm thấy cơn đau buốt bỏng rát và máu nóng trào ra. Ông vội vã dùng tà áo bọc lấy ngón tay bị chặt đứt, ép sát nó vào hông, rồi quay lại, bước qua cửa vào phòng, dừng lại trước mặt người đàn bà, sụp mắt xuống, khẽ hỏi:

– Bà cần gì?

Bà ta ngược nhìn khuôn mặt nhợt nhạt với má trái giàn giụa của ông và bỗng nhiên bà ta cảm thấy xấu hổ. Bà ta đứng bật dậy, chộp lấy chiếc áo choàng lông, choàng vào mình.

– Vâng, con đau lắm... con bị cảm lạnh... Thưa cha Serghi... con...

Ông ngược mắt nhìn bà ta, cặp mắt lóe lên niềm vui lặng lẽ và nói:

– Cô em đáng yêu ơi, vì sao cô muốn hủy hoại linh hồn bất tử của mình? Những sự cám dỗ phải đi vào thế gian, nhưng khổ thay cho kẻ nào bị sự cám dỗ thâm nhập... Cô hãy cầu kinh đi, xin Chúa tha thứ cho chúng ta.

Bà ta lắng nghe ông nói và nhìn ông. Bỗng nhiên bà ta nghe thấy có tiếng chất lỏng nhỏ giọt xuống. Bà ta nhìn và trông thấy máu chảy từ tay lên chiếc áo thụng của ông.

– Cha đã làm gì tay cha thế? – Bà ta sức nhớ tới cái âm thanh mà bà ta đã nghe thấy, chộp lấy ngọn đèn, bà ta chạy ra buồng hiên và trông thấy ngón tay dẫm máu ở trên sàn. Mặt tái nhợt hơn cả ông, bà ta quay lại và định nói với ông, nhưng ông lặng lẽ bước sang buồng xép và đóng chặt cửa lại.

– Cha hãy tha lỗi cho con. Con lấy gì chuộc lỗi của mình bây

giờ?

- Cô hãy đi đi.
- Cha để con băng bó vết thương cho.
- Cô hãy đi khỏi đây.

Bà ta vội vã và lặng lẽ mặc quần áo. Rồi khi đã mặc áo lông sẵn sàng, bà ta ngồi chờ đợi. Tiếng lục lạc vang lên ở trước sân.

- Thưa cha Serghi, cha hãy tha thứ cho con.
- Cô hãy đi đi. Chúa sẽ tha thứ.
- Thưa cha Serghi, con sẽ cải đổi đời mình. Cha đừng bỏ mặc con.

- Cô hãy đi đi.
- Cha hãy tha thứ và ban phước cho con.
- Nhân danh Cha, con và thánh thần, - nghe có tiếng nói sau bức vách. - Cô hãy đi đi.

Bà ta òa khóc và bước ra khỏi tu phòng. Viên luật sư tiến lại phía bà ta.

- Thế nào, mình thua rồi hả, chả làm gì được đâu. Bà đi đâu nào?

- Đi đâu cũng được.

Bà ta lên xe và cho tới lúc về tới nhà không nói một lời nào.

Một năm sau, bà ta cắt tóc ngắn và sống cuộc đời khổ hạnh trong tu viện dưới sự dìu dắt của ẩn sĩ Akxeni, người họa hoàn mới viết thư cho bà ta.

Cha Serghi còn trải qua cảnh tu hành ần dật thêm bảy năm nữa. Thoạt đầu, Serghi đã nhận nhiều thứ mà người ta đem tới cho ông, nào chè, đường, bánh mì trắng, nào sữa, áo quần và củi. Nhưng càng về sau ông càng quy định cuộc sống của mình một cách khắc khe hơn, từ chối mọi thứ không cần thiết và rốt cuộc ông đã đi tới chỗ không nhận cái gì ngoài bánh mì đen, mỗi tuần một lần. Mọi thứ người ta đem đến cho ông, ông đem phân phát cho những người nghèo đến với ông.

Cha Serghi đã dùng tất cả thì giờ của mình tại tu phòng để cầu kinh hoặc chuyện trò với các khách thăm viếng đến ngày càng đông. Mỗi năm, cha Serghi chỉ ra nhà thờ có ba lần, cha cũng đi lấy nước hoặc lấy củi khi cần thiết.

Ông sống như vậy được năm năm thì câu chuyện với Makovkina nhanh chóng lan rộng khắp nơi, chuyển viếng thăm ban đêm của bà ta, sự chuyển biến của bà ta sau chuyện đó và việc bà ta vào tu viện. Từ đó danh tiếng của cha Serghi bắt đầu lừng lẫy. Khách viếng thăm tới ngày càng nhiều, các tu sĩ đến trú ngụ cạnh tu phòng của ông, nhà thờ và nhà khách được xây dựng gần đó. Danh tiếng của cha Serghi, như thường lệ, ngày càng lừng lẫy, làm tăng thêm các công tích của ông. Từ phương xa, người ta bắt đầu lũ lượt kéo về chỗ ông và bắt đầu đưa người ốm tới chỗ ông, quả quyết rằng ông sẽ chữa khỏi cho họ.

Việc chữa lành bệnh lần đầu tiên xảy ra vào năm thứ tám trong cuộc đời ần dật của ông. Đó là việc chữa khỏi bệnh cho một chú bé mười bốn tuổi do bà mẹ đưa tới chỗ cha Serghi với lời cầu xin ông đặt tay lên đầu nó và ban phước. Cha Serghi

cũng không hề nghĩ là mình có thể chữa khỏi bệnh cho người ốm. Có lẽ ông coi ý nghĩ như thế là tội lỗi lớn của thói kiêu hãnh; nhưng người mẹ dẫn đứa trẻ tới cứ nằng nặc cầu xin ông, nằm lăn xuống chân ông, nói: Vì sao ông chữa lành bệnh cho những người khác, mà lại không muốn giúp đỡ con trai bà ta, bà cầu xin ông hãy vì Chúa mà cứu giúp. Khi nghe cha Serghi quả quyết rằng chỉ có Chúa mới chữa khỏi bệnh, bà ta nói rằng bà ta chỉ xin ông đặt tay lên đầu đứa trẻ và cầu kinh. Cha Serghi từ chối và đi vào tu phòng của mình. Nhưng hôm sau (hồi đó là mùa thu và đêm đã lạnh) khi bước ra khỏi tu phòng lấy nước, ông lại trông thấy người mẹ với đứa con trai của mình chú bé mười bốn tuổi nhợt nhạt, hốc hác, và ông lại nghe thấy vẫn những lời cầu xin đó. Cha Serghi sực nhớ tới câu chuyện ngụ ngôn nói về vị quan tòa không công minh, và trước đây vốn tin chắc rằng mình phải từ chối, bây giờ ông cảm thấy hoài nghi và một khi cảm thấy hoài nghi, ông bắt đầu cầu nguyện và ông đã cầu nguyện cho tới khi nảy ra quyết định trong lòng mình. Quyết định đó là: Ông phải thực hiện yêu cầu của người đàn bà, niềm tin của bà ta có thể cứu được đứa con trai, bản thân cha Serghi, trong trường hợp này chỉ là một công cụ nhỏ mọn do Chúa lựa chọn.

Thế là ông bước lại gần phía bà mẹ, thực hiện mong ước của bà ta, đặt tay lên đầu chú bé và bắt đầu cầu nguyện.

Bà mẹ đem con trai ra về và một tháng sau chú bé khỏi bệnh, danh tiếng của vị cha cả Serghi có sức mạnh thần thánh chữa khỏi bệnh vang khắp vùng. Từ đó không có tuần nào là những người ốm không đi bộ, đi xe tới chỗ cha Serghi. Và một khi đã không từ chối những người này, ông cũng không thể từ chối những người khác và ông đã đặt tay lên đầu người bệnh, cầu nguyện, nhiều người đã khỏi bệnh, danh tiếng của cha Serghi



càng ngày càng lan rộng.

Đã mấy tuần nay cha Serghi sống với một ý nghĩ ám ảnh: Liệu ông có làm được điều tốt không khi ông vâng theo cái hoàn cảnh do cha bề trên và tu viện trưởng đặt ông vào nhiều hơn là tự ý ông muốn. Điều đó bắt đầu sau khi chú bé mười bốn tuổi khỏi bệnh, từ đó tháng nào, tuần nào, ngày nào Serghi cũng cảm thấy cuộc sống nội tâm của mình bị thủ tiêu và thay thế bằng cuộc sống bề ngoài. Y như thể người ta đã lộn trái ông ra vậy.

Serghi thấy ông đã trở thành công cụ lôi cuốn khách viếng thăm và dâng cúng cho tu viện, và vì thế những người cai quản tu viện đã tạo cho ông những điều kiện để ông có thể có ích nhiều nhất. Chẳng hạn như người ta hoàn toàn không để cho ông phải lao động. Người ta cung cấp cho ông tất cả những thứ gì ông có thể cần tới và chỉ yêu cầu không từ chối ban phước cho các khách tới viếng thăm ông. Để thuận tiện cho ông, người ta đã quy định ngày tiếp khách của ông. Người ta đã xếp đặt phòng tiếp đón các khách nam và một nơi có các gióng ngăn cách để cho các khách nữ khỏi xô ngã ông, khi họ lao tới với ông, - một nơi để ông có thể ban phước cho các khách viếng thăm. Nếu như người ta nói rằng ông cần thiết cho mọi người, rằng để thực hiện luật lệ tình thương của Chúa Kito, ông không thể từ chối yêu cầu của mọi người muốn được gặp ông, rằng việc xa lánh những người đó có lẽ là tàn nhẫn, ông không thể không đồng ý như thế, nhưng càng dần mình vào cuộc sống đó ông càng cảm thấy cuộc sống nội tâm của mình đã chuyển thành cuộc sống bề ngoài, nguồn nước thần khô cạn ở trong ông, những gì ông đã làm là làm vì con người nhiều hơn,

chứ không phải vì Chúa.

Dù ông lên tiếng dạy bảo mọi người hay chỉ ban phước một cách đơn giản bằng việc cầu nguyện cho những người ốm, dù ông khuyên bảo mọi người về cách sống của họ hay ông lắng nghe lời cảm ơn của những con người đã được ông hoặc là chữa giúp cho lành bệnh, như người ta nói với ông, hoặc ban cho lời dạy bảo, ông đều không thể lấy đó làm vui, không thể không quan tâm tới những hiệu quả hoạt động của mình, tới ảnh hưởng của hoạt động đó đối với mọi người. Ông tưởng như mình là một ngọn đèn đang cháy, và càng nghĩ như thế ông càng cảm thấy ánh sáng thần của chân lý yếu ớt đi, lụi tắt ở trong ông. “Mình làm bao nhiêu vì Chúa và bao nhiêu vì con người?” - Đó là câu hỏi thường xuyên giày vò ông và chẳng những ông không bao giờ có thể trả lời được câu hỏi đó, mà ông còn không dám quyết định trả lời mình. Trong thâm tâm, ông cảm thấy rằng con quỷ đã đem hoạt động vì con người đánh tráo lấy toàn bộ hoạt động vì Chúa của ông. Ông cảm thấy thế bởi lẽ, cũng như trước đây ông thấy khó chịu khi người ta dứt ông ra khỏi cảnh cô tịch, thì bây giờ cảnh cô tịch của ông khiến ông khó chịu, ông thấy nặng nề vì khách khứa viếng thăm, ông mệt mỏi vì họ, nhưng trong thâm tâm ông thấy vui sướng vì họ, vui sướng vì những lời ca tụng vây bọc lấy ông.

Thậm chí đã có lúc ông quyết định bỏ đi trốn. Ông đã nghiên ngẫm mọi nhẽ xem nên trốn đi như thế nào. Ông chuẩn bị cho mình chiếc áo cánh của nông dân, những mảnh vải quần chân, áo choàng dài captan và chiếc mũ lông. Ông giải thích rằng ông cần tới những thứ đó để cho những người cầu xin. Và ông đã giữ những áo quần đó ở cạnh mình, nghĩ xem nên mặc như thế nào, cắt tóc và bỏ đi ra sao. Thoạt đầu ông sẽ đi xe lửa, đi được độ ba trăm versta thì xuống tàu, đi đến các làng. Ông đã hỏi

một người lính già xem nên đi như thế nào, người ta cho phép đi và bố thí ra sao. Người lính đã kể cho ông biết những nơi nào người ta cho đi dễ dàng và bố thí hậu hĩnh và thế là cha Serghi mong muốn làm theo lời chỉ dẫn đó. Thậm chí có lần vào ban đêm ông đã mặc quần áo và định ra đi, nhưng ông không biết: Ở lại hay bỏ đi, đằng nào hay hơn. Thoạt đầu ông do dự, sau đó sự do dự qua đi, ông đã quen dần và khuất phục con quỷ, và chiếc áo nông dân chỉ còn gợi nhắc cho ông nhớ tới những cảm nghĩ của mình.

Khách viếng thăm tới với ông mỗi ngày một nhiều và càng ngày ông càng ít có thì giờ để củng cố tinh thần và cầu nguyện. Đôi khi, trong những phút giây trong sáng, ông nghĩ rằng mình giống như cái nơi trước đây có ngọn nguồn của một con suối. “Đã từng có nguồn nước thần mảnh mai lặng lẽ chảy ra từ mình ta, qua mình ta. Đó là cuộc sống thật sự, khi “bà ta” (ông luôn luôn thấy hứng thú mỗi lần nhớ tới đêm hôm ấy, và nhớ tới bà ta, giờ đây là tu sĩ Agrina) cảm dỗ ta. Bà ta đã hấp thụ nước thần ấy. Nhưng từ đó nước còn chưa kịp dồn đọng lại, thì những người khát nước đã tới, chen chúc nhau, xô lẫn nhau. Và họ đã xéo nát tất cả, chỉ còn bùn tro lại”. Trong những giây phút trong sáng hiếm hoi, ông đã nghĩ như vậy, nhưng trạng thái bình thường nhất của ông là: Mệt mỏi và thương xót mình vì sự mệt mỏi đó.

Ấy là vào mùa xuân đêm trước ngày lễ Prepolovenie<sup>[19]</sup>. Cha Serghi làm lễ ban đêm tại nhà thờ đặt trong hang núi của mình. Mọi người chen vào cho kỳ bằng hết chỗ, khoảng độ hai chục người. Tất cả đều là các quý ông và thương gia, nghĩa là những người giàu có. Cha Serghi để cho tất cả mọi người vào dự lễ, nhưng sự lựa chọn này là do một tu sĩ được sắp xếp ở cạnh ông, và người trực nhật do tu viện hằng ngày cử tới chỗ ông,

quyết định. Đám đông dân chúng, khoảng độ tám chục người hành hương, đặc biệt là đàn bà, tụ tập ở phía ngoài, chờ cha Serghi ra và ban phước. Cha Serghi đã làm lễ xong và khi bước ra, ông lại gần quan tài vị tiên bối của mình để cầu kinh ca ngợi... ông lão đảo và suýt ngã, nếu như người lái buôn và vị tu sĩ làm trợ tế đứng sau ông không đỡ lấy ông.

– Cha làm sao thế, thưa Cha? Cha Serghi! Cha thân yêu! Lạy Chúa! – Nhiều giọng phụ nữ vang lên. – Người rũ ra như tàu lá kìa.

Nhưng cha Serghi đã hồi sức ngay và tuy nét mặt rất nhợt nhạt, cha gạt người lái buôn và viên trợ tế ra, rồi tiếp tục hát lễ. Cha Serapion, viên trợ tế, những người hát lễ và bà quý tộc Sophia Ivanovna – bà này luôn sống trong cảnh ẩn dật và chăm sóc cha Serghi, bèn yêu cầu ông ngừng làm lễ.

– Không sao, không sao, – cha Serghi thốt ra, thoáng mỉm cười sau hàng ria mép, – các vị đừng làm đứt quãng buổi lễ.

“Phải, các vị thánh vẫn thường làm như thế”. – Ông nghĩ.

– Vị thánh! Thiên thần! – Giọng nói của Sophia Ivanovna lập tức vang lên sau lưng ông và thêm cả giọng nói của người lái buôn đã đỡ ông. Ông không nghe lời khuyên nhủ của họ và tiếp tục làm lễ. Mọi người lại chen chúc nhau, tất cả kéo thành hàng dài quay trở về nhà thờ nhỏ, tại đó, cha Serghi đã làm hết lễ nguyện ban đêm, tuy có hơi rút ngắn lại.

Sau khi làm lễ, cha Serghi ban phước cho những người có mặt ở đó, rồi bước ra chiếc ghế dài đặt dưới cây du ở cửa hang. Ông muốn nghỉ ngơi, hít thở không khí trong lành, cảm thấy điều đó là cần thiết đối với mình, nhưng ông vừa bước ra cửa hang, đám đông dân chúng đã lao tới ông, xin ban phước và xin ông khuyên bảo, giúp đỡ. Trong số này có những người đàn bà

hành hương, luôn luôn đi từ đất thánh này tới đất thánh kia, từ vị cha cả này đến vị cha cả khác và bao giờ cũng cúi lòng trước bất kỳ vật thiêng nào và bất kỳ vị cha cả nào. Cha Serghi biết rõ hạng người bình thường, lạnh lùng, ước lệ, chẳng có tính chất tôn giáo tí nào này; ở đây có những người đàn ông hành hương, phần lớn là lính đã xuất ngũ, bị bật ra khỏi cuộc sống định cư, rơi vào cảnh túng quẫn và phần lớn là những ông già say bê tông, lang thang từ tu viện này đến tu viện khác chỉ cốt để no bụng; ở đây cũng có cả những nam nữ nông dân quen cùng với những đòi hỏi ích kỷ muốn chữa khỏi bệnh của mình là muốn giải quyết những mối nghi ngờ trong những công việc thực tiễn nhất, về việc gả chồng cho con gái, về việc thuê cửa hiệu, về việc chuộc ruộng đất, hay về việc gạt bỏ cho mình tội vô ý ngủ đè chết con, hoặc sinh ra đứa con hoang. Cha Serghi từ lâu đã quen thuộc và không thích thú tất cả những chuyện đó. Ông biết rằng ông sẽ chẳng hiểu thêm điều gì mới từ những nhân vật đó, họ không gợi trong ông một tình cảm tôn giáo nào, nhưng ông thích nhìn thấy họ như là nhìn một đám đông coi lời ban phước của ông, những lời lẽ của ông, là cần thiết và quý giá, bởi vậy tuy vất vả vì đám đông này, ông đồng thời vẫn thú vị với nó. Cha Serapion đã toan xua đuổi họ, nói rằng cha Serghi mệt, nhưng về phần ông, khi nhớ tới những lời nói trong kinh Phúc âm: “Đừng ngăn cản chúng (trẻ con) đến với ta”, ông thấy xúc động và đã bảo để người ta cho họ vào.

Ông đứng dậy, bước lại gần các gióng chắn - họ tụ tập ở cạnh đó - và bắt đầu ban phước cho họ và trả lời những câu hỏi của họ bằng giọng nói yếu ớt khiến chính ông cũng tự cúi lòng. Nhưng tuy có muốn tiếp tất cả mọi người, ông đã không thể làm được, mắt ông lại hoa lên, ông lão đảo và bám lấy gióng chắn. Ông lại cảm thấy máu dồn lên đầu, rồi thoát tiên mặt ông

tái nhợt, sau đó ông thấy người bỗng nhiên bừng bừng.

– Thôi, có lẽ mai nhé. Lúc này tôi không thể tiếp tục được, – ông nói và sau khi ban phước chung cho tất cả mọi người, ông đi tới chiếc ghế dài. Người lái buôn lại đỡ lấy ông, dìu ông đi và đặt ông ngồi xuống.

– Thưa cha! – Có tiếng nói vang lên trong đám đông. – Thưa cha! Xin cha đừng bỏ rơi chúng con. Không có cha chúng con sẽ tiêu ma!

Sau khi đặt cha Serghi ngồi lên chiếc ghế dài dưới cây du, người lái buôn lãnh lấy trách nhiệm cảnh sát và xua đuổi mọi người một cách rất kiên quyết. Quả thật ông ta nói khẽ đến nỗi cha Serghi không thể nghe thấy được, nhưng ông ta đã nói một cách kiên quyết và tức giận:

– Giải tán đi, giải tán đi. Cha đã ban phước rồi, các người còn cần gì nữa nào? Bước cả đi, không tôi sẽ vặn cổ, thật đấy. Này, này! Cái nhà mụ quán xà cạp đen kia, đi đi, đi đi. Mụ len đi đâu thế hả? Đã bảo đủ rồi mà lại. Đã bảo đến mai Chúa sẽ ban phước, còn bây giờ thì đi cả đi.

– Thưa ông tôi chỉ muốn được liếc mắt nhìn mặt Người một tí thôi ạ, – một bà lão nói.

– Tôi sẽ chú ý, mụ len đi đâu thế hả?

Cha Serghi nhận thấy người lái buôn hành động có phần nghiêm khắc, ông cất giọng yếu ớt bảo người giúp việc của tu phòng ngăn bác lái buôn đừng xua đuổi mọi người nữa. Cha Serghi biết rằng dẫu sao người lái buôn cũng sẽ xua đuổi và ông cũng rất muốn được ngồi một mình nghỉ ngơi, nhưng ông vẫn phải người giúp việc tu phòng ra bảo với người lái buôn như thế để gây ấn tượng.

– Được, được. Tôi không xua đuổi, tôi khuyên can họ đấy

chứ, - người lái buôn đáp, - bởi vì họ chỉ cốt làm cho người ta chết mệt. Họ có thương xót gì ai đâu, họ chỉ nghĩ đến mình thôi. Không được đâu, tôi đã bảo mà. Đi đi. Đến mai.

Và người lái buôn đã xua đuổi tất cả.

Người lái buôn sốt sắng như thế, bởi vì ông ta thích trật tự, thích xua đuổi dân chúng, ngược đãi họ, và chủ yếu vì ông ta cần tới cha Serghi. Ông ta góa vợ, có một đứa con gái độc nhất, ốm đau, chưa lấy chồng và ông ta dẫn nó đi một nghìn bốn trăm versta đường tới chỗ cha Serghi để cha chữa bệnh cho. Trong hai năm, ông ta đã chạy chữa cho con gái ở nhiều nơi. Thoạt đầu tại bệnh viện của trường đại học Tổng hợp ở tỉnh ly - không ăn thua; sau đó ông ta đem con đến chỗ một người mugich ở Xamara - hơi đỡ, sau đó ông ta đưa con tới một vị bác sĩ ở Moskva, trả nhiều tiền, - không ăn thua gì. Bây giờ người ta nói với ông rằng cha Serghi chữa lành bệnh, và thế là ông ta dẫn con tới. Bởi vậy, khi đã xua hết dân chúng đi, người lái buôn bước lại gần cha Serghi và không rào đón gì, quỳ sụp xuống, cất giọng oang oang nói:

- Thưa đức cha chí thánh, xin Người hãy ban phước cho đứa con gái đau ốm của tôi, chữa cho nó khỏi đởn đau bệnh hoạn. Tôi đánh bạo quỳ sụp dưới chân thánh thiện của Người. - Rồi ông ta khum lòng bàn tay nọ lên bàn tay kia. Ông ta nói và làm những điều đó tựa hồ như làm một việc gì đó đã được phong tục và luật lệ xác định rõ ràng chắc chắn, tựa hồ như cần phải cầu xin chữa bệnh cho con gái bằng chính cách thức đó, chứ không phải cách nào khác. Ông ta làm như thế với niềm tin vững chắc, đến nỗi ngay như cha Serghi cũng tưởng cần phải nói và làm đúng như thế. Tuy vậy cha đã bảo ông ta đứng dậy và kể cho rõ sự tình. Người lái buôn kể rằng con gái ông ta, cô gái hai mươi hai tuổi, bị bệnh hai năm trước đây, sau khi mẹ



chết đột ngột, nó kêu “ối” lên một tiếng, ông ta nói thế, và từ đó lâm bệnh. Và thế là ông ta đã đưa nó đi suốt một nghìn bốn trăm versta tới đây, hiện nay nó đang ở ngoài nhà khách chờ cha Serghi cho phép đưa nó vào. Ban ngày, nó không đi lại vì sợ ánh sáng, nó chỉ có thể ra ngoài sau lúc hoàng hôn.

– Thế ra nó yếu lắm à? - Cha Serghi hỏi.

– Không, cháu người to vóc và không yếu ớt gì đặc biệt, chỉ phải cái nó bị suy nhược thần kinh, như lời bác sĩ nói. Thưa cha, nếu bây giờ cha cho phép đưa nó tới, chắc con sẽ vô cùng phấn khởi. Thưa đức cha chí thánh, xin Người hãy làm cho trái tim của kẻ làm cha khỏi héo hắt. Người hãy phục hồi dòng giống cho nó, dùng lời cầu nguyện của mình cứu lấy đứa con đau ốm của con.

Và người lái buôn lại quỳ sụp xuống và nghiêng đầu trên hai bàn tay khum lại, lặng người đi. Cha Serghi lại bảo ông ta đứng dậy. Ông nghĩ bụng công việc của ông thật nặng nề xiết bao, và mặc dầu như vậy ông vẫn nhân nhục gánh lấy công việc đó, ông thở dài nặng trĩu, im lặng giây lâu, rồi nói:

– Thôi được, chiều tối ông hãy dẫn nó tới đây. Tôi sẽ cầu nguyện cho nó, còn bây giờ tôi mệt rồi. - Rồi ông nhắm mắt lại.  
- Lúc ấy tôi sẽ phái người ra.

Người lái buôn nhón chân đi trên cát, vì thế tiếng giày của ông ta nghe lạo xạo mạnh, ông ta đi ra và cha Serghi ở lại một mình.

Suốt đời cha Serghi bận bịu với các buổi lễ và khách khứa viếng thăm, nhưng hôm nay là một ngày đặc biệt vất vả. Buổi sáng, một quan chức quan trọng đã tới thăm và trò chuyện lâu với ông; sau đó là bà quý tộc cùng với con trai. Người con trai ấy là một giáo sư trẻ tuổi, không tín ngưỡng, mà bà mẹ - một

người sùng đạo nồng nhiệt và trung thành với cha Serghi - đã dẫn tới đây và cầu xin cha Serghi trò chuyện với anh ta. Cuộc trò chuyện rất nặng nề. Chàng thanh niên rõ ràng là không muốn tranh luận với vị tu sĩ, đã đồng ý với ông về tất cả mọi điều, như với một con người kém cỏi, nhưng cha Serghi thấy rằng anh ta không tin, tuy anh ta cũng cảm thấy thú vị, nhẹ nhõm và thanh thản. Giờ đây cha Serghi bực mình nhớ lại cuộc trò chuyện đó.

- Xin rước cha dùng bữa, - người giúp việc tu phòng nói.
- Được, anh đem cái gì tới đây.

Người giúp việc đi vào tu phòng xây cách cửa hang chừng một chục bước, còn cha Serghi ngồi lại một mình.

Đã qua lâu rồi cái thời cha Serghi sống một mình, tự mình làm lấy mọi việc và nuôi thân bằng độc có bánh lễ và bánh mì. Đã từ lâu người ta chứng minh với ông rằng ông không có quyền coi thường sức khỏe của mình và người ta đã nuôi ông bằng những món ăn chay, nhưng bổ béo. Ông ăn ít, nhưng nhiều hơn trước đây, và thường ăn với sự hài lòng đặc biệt, chứ không ăn với vẻ kinh tởm và ý thức về tội lỗi như trước đây. Lúc này cũng vậy. Ông ăn món cháo đặc, uống một cốc nước chè và dùng nửa chiếc bánh mì trắng.

Người giúp việc tu phòng đi ra ngoài và ông ngồi lại một mình trên chiếc ghế dài dưới gốc cây du.

Đó là một buổi tối tháng Năm kỳ diệu, tán lá cây chỉ vừa mới xò rộng ra trên những cây bạch dương, hoàn điệp liễu, dã anh, những cây du và cây sồi. Những bụi dã anh ở đằng sau cây du đã nở rộ hoa và chưa bị tàn lụi. Đàn chim họa mi, một con đậu rất gần và hai hay ba con khác ở ngay phía dưới bụi cây ven sông, hót ríu rít và lạnh lót. Từ mặt sông xa xa vang lên tiếng

hát, chắc là của những công nhân đi làm về, mặt trời đã khuất sau rừng cây, lóe những tia sáng xuyên qua đám lá cây xanh. Toàn bộ phía ấy đều xanh rờn, sáng rực, còn phía có cây du sẫm tối. Những con bọ dừa bay lên, đập cánh và rơi xuống.

Sau bữa ăn tối, cha Serghi bắt đầu đọc thâm kinh nguyện: “Lạy Chúa Jesu Kito, đức thánh con, xin Người hãy xá tội cho chúng con”, sau đó ông đọc thánh ca và bỗng nhiên, giữa lúc ông đang đọc, một con chim sẻ không biết từ đâu tới, bay từ bụi cây xuống đất, kêu lách chích và nhảy lách chách lao về phía ông, nó sợ sệt cái gì đó và vội bay đi. Ông đọc kinh nguyện trong đó nói về việc mình từ bỏ thế gian, và vội vã đọc nhanh cho hết để còn phải người ra gặp người lái buôn với đứa con gái đau ốm, ông quan tâm đến đứa con gái đó. Nó làm cho ông quan tâm vì đây là một sự giải trí, một nhân vật mới, bố nó và nó xem ông như một vị thánh mà lời nguyện cầu hằng được thực hiện. Ông đã phủ nhận điều đó, nhưng trong thâm tâm ông tự coi mình là một vị thánh như vậy.

Ông thường ngạc nhiên không hiểu vì sao điều đó đã xảy ra, vì sao ông Stefan Kasatski, đã trở thành một vị thánh phi thường như vậy và có thể nói là một người có phép lạ như vậy. Nhưng việc ông trở thành thánh như vậy thì chả còn có gì phải hoài nghi nữa cả, ông không thể không tin vào những phép lạ mà chính ông đã nhìn thấy, bắt đầu từ chú bé ốm đau cho tới một bà lão mù gần đây đã nhìn được do lời cầu nguyện của ông.

Dù điều đó kỳ quặc đến thế nào đi nữa, thì sự thật vẫn là như vậy. Bởi thế cô con gái người lái buôn khiến ông quan tâm, vì cô ta là một nhân vật mới, cô ta tin tưởng ở ông và cũng còn vì qua cô ta tài chữa bệnh và danh tiếng của ông lại được khẳng định. “Người ta đã đi hàng nghìn versta tới, họ viết trên báo, hoàng đế biết, mọi người ở châu Âu, ở cái châu Âu không tin ngưỡng

biết”, - ông nghĩ. Và bỗng nhiên ông thấy hổ thẹn vì thói háo danh của mình, ông lại bắt đầu cầu Chúa. “Lạy Chúa, vua ở trên trời, người an ủi linh hồn của chân lý, xin Người hãy tới và nhập vào chúng con, tẩy rửa cho chúng con khỏi mọi điều xấu và cứu rỗi cho linh hồn chúng con. Người hãy tẩy rửa cho chúng con khỏi hư danh xấu xa của người đời đang xâm chiếm con”, - ông lặp lại và sức nhớ ông đã cầu nguyện biết bao lần như thế và cho đến nay những lời cầu nguyện của ông về phương diện này vẫn vô hiệu: Những lời cầu nguyện của ông đã tạo nên phép lạ cho những người khác, nhưng ông đã không thể cầu xin Chúa giải thoát cho mình khỏi cái dục vọng nhỏ nhen này.

Ông sức nhớ tới những lời cầu nguyện của mình trong thời gian đầu tu hành ẩn dật, khi ông cầu nguyện Chúa ban cho ông sự trong sạch, sự nhẫn nhục và tình thương. Và lúc đó ông đã trở nên trong sạch, đã chặt đứt một ngón tay của mình, và đã nhặt máu ngón tay nhăn nheo đó lên, hôn nó, ông tưởng như ông cũng đã trở nên nhẫn nhục vào lúc ông luôn luôn xấu xa vì tội lỗi của mình, và ông tưởng như ông đã có được tình thương, khi ông sức nhớ tới hồi ấy ông đã cảm động xiết bao khi đón tiếp người lính già say rượu tới gặp ông xin tiền và khi đón tiếp bà ta. Nhưng bây giờ? Và ông tự hỏi mình, ông có yêu ai không, có yêu Sophia Ivanovna không, có yêu cha Serapion không, có yêu thương tất cả mọi người tới với ông ngày hôm nay không, có yêu chàng trẻ tuổi uyên bác mà ông đã trò chuyện để răn bảo, chỉ cốt phô trương trí tuệ của mình với anh ta và tỏ ra không lạc hậu về học vấn so với anh ta không? Ông thấy thú vị và cần đến tình yêu của họ, nhưng ông đã không cảm thấy tình yêu thương đối với họ. Giờ đây trong ông chẳng có tình thương yêu, chẳng có sự nhẫn nhục, cũng như chẳng có sự trong sạch.

Ông thú vị khi được biết rằng con gái người lái buôn hai mươi hai tuổi, và ông muốn biết cô ta có đẹp hay không. Và khi hỏi về sự ngăn ngở của cô ta, chính là ông muốn biết cô ta có cái vẻ hấp dẫn của phụ nữ hay không.

“Chả lẽ mình đã sa đọa đến thế? - Ông nghĩ. - Lạy Chúa, xin Người hãy giúp đỡ con, xin Người hãy phục hồi con, vị chúa tể và đức chúa của con”. Rồi ông chấp tay lại và bắt đầu cầu nguyện. Bầy chim họa mi hót lạnh lót. Một con bọ dừa bay lên người ông và bò lên gáy. Ông gạt nó đi. “Có Chúa hay không nhỉ? Sự thể sẽ ra sao, khi ta gõ cửa một ngôi nhà khóa chặt ở ngoài... Khóa ở trên cửa ra vào và có lẽ ta đã nhìn thấy cái khóa ấy. Cái khóa đó là bầy chim họa mi, những con bọ dừa, thiên nhiên. Có lẽ anh chàng thanh niên ấy nói đúng”. Ông bắt đầu lớn tiếng cầu nguyện và cầu nguyện mãi cho tới khi những ý nghĩ đó biến mất và ông cảm thấy mình trở lại thật bình tĩnh, tin tưởng. Ông kéo chuông và bảo người giúp việc tu phòng là lúc này hãy để cho người lái buôn dẫn con gái vào.

Người lái buôn khoác tay con gái, dẫn nó vào tu phòng rồi lập tức đi ra ngay.

Đó là một cô gái tóc vàng, trắng nõn, tái nhợt, phốp pháp, cực kỳ hiền lành với vẻ mặt trẻ thơ sợ sệt và với thân hình phụ nữ rất phát triển. Cha Serghi ngồi lại trên ghế dài ở cửa ra vào. Khi cô gái đi ngang qua và dừng lại gần ông, ông đã ban phước cho cô, và ông thấy khiếp sợ bản thân mình, khi ông ngắm nghía cơ thể cô ta. Cô ta đã đi qua, còn ông cảm thấy mình như bị ong đốt. Qua nét mặt cô ta, ông thấy cô ta là người ham tình dục và ngăn ngở. Ông đứng dậy và đi vào tu phòng. Cô ta ngồi trên chiếc ghế đầu và chờ ông.

Khi ông vào phòng, cô ta đứng dậy.

– Con muốn đến với ba con cơ, – cô nói.

– Con đừng sợ, – ông nói. – Con đau thế nào?

– Con đau khắp cả, – cô nói và bỗng nhiên khuôn mặt cô ta ánh lên nụ cười.

– Con sẽ khỏe mạnh, – ông nói. – Con hãy cầu nguyện đi.

– Cầu nguyện làm gì, con đã cầu nguyện rồi, chẳng ăn thua gì. – Và cô ta vẫn cứ mỉm cười. – Cha hãy cầu nguyện và đặt tay lên mình con đi. Con đã nằm mơ thấy cha.

– Con đã thấy như thế nào?

– Con thấy cha đã đặt tay lên ngực con như thế này này. – Cô cầm lấy tay ông và áp lên ngực của mình. – Đây, chỗ này.

Ông chìa tay phải cho cô.

– Tên con là gì? – Ông hỏi, toàn thân run bắn lên và cảm thấy mình đã chiến bại, tình dục đã vượt ra khỏi sự kiềm chế.

– Maria. Sao cơ ạ?

Cô ta cầm lấy tay ông và hôn, sau đó dùng một tay ôm lấy ngang lưng ông và ép sát vào mình.

– Con làm gì thế? – Ông nói. – Maria. Con là ma quỷ.

– Chà, có lẽ chả sao đâu.

Và cô ta ôm lấy ông, ngồi cùng với ông ở trên giường.

Lúc rạng sáng ông bước ra ngoài thêm.

“Chả lẽ mọi chuyện đó đã xảy ra? Ông bố sẽ tới. Cô ta sẽ kể chuyện lại. Cô ta là ma quỷ. Mình sẽ làm gì nhỉ? Đây kia, chiếc rìu mình đã dùng để chặt đứt ngón tay”. Ông vớ lấy chiếc rìu và đi vào tu phòng.

Người giúp việc tu phòng gặp ông.

– Cha sai bố củi ạ? Cha cứ để rìu đấy cho con.

Ông trao chiếc riu. Ông bước vào tu phòng. Cô ta nằm ngủ. Ông khiếp sợ nhìn cô ta. Ông đi vào cuối phòng, lấy chiếc áo nông dân mặc vào, lấy kéo cắt tóc, rồi bước ra lần theo con đường nhỏ ở sườn đồi dẫn xuống sông, nơi đã bốn năm nay ông không đặt chân đến.

Con đường lớn chạy dọc ven sông; ông đi theo con đường đó đến tận giờ ăn trưa. Tới giờ ăn trưa ông bước vào ruộng lúa mạch và nằm trong đó. Chiều tối ông đi tới một làng ở ven sông. Ông không đi vào trong làng, mà đi tới chỗ bờ dốc đứng ở ven sông.

Đó là buổi sáng sớm, trước lúc mặt trời mọc độ nửa tiếng đồng hồ. Mọi vật đều mờ xám và ảm đạm, ngọn gió lạnh lẽo lúc ban mai thổi từ phía Tây tới. “Phải rồi, cần phải kết thúc. Không có Chúa. Kết thúc thế nào nhỉ? Lao mình xuống sông à? Mình biết bơi, nên sẽ không chết đuối. Tự treo cổ chẳng? Ừ, dây lưng đây, treo mình lên cành cây kia”. Điều đó tưởng như có thể và gần gũi quá, đến nỗi ông thấy khiếp sợ. Ông muốn cầu kinh như thường lệ, vào những giây phút tuyệt vọng, nhưng chẳng có ai để mà cầu nguyện. Có Chúa đâu. Ông nằm, chống khuỷu tay. Và bỗng nhiên ông cảm thấy buồn ngủ đến mức không thể dùng tay đỡ đầu lâu hơn nữa, ông duỗi tay ra, kê dưới đầu và lập tức thiếp đi ngay. Nhưng giấc ngủ đó chỉ kéo dài trong khoảnh khắc, ông lập tức bừng tỉnh dậy và bắt đầu nhìn thấy nửa như trong giấc mơ, nửa như trong hồi tưởng.

Và thế là ông nhìn thấy mình hầu như hãy còn là một chú bé ở trong nhà mẹ tại làng quê. Một chiếc xe ngựa đi tới gần nhà và từ trên xe bước xuống là bác Nikolai Sergeievich với chòm râu đen rậm, xòe ra như cái quạt, cùng với cô bé Pasenka gầy gò với cặp mắt to hiền lành và bộ mặt bẽn lẽn tội nghiệp. Thế là họ đưa cô bé Pasenka này tới nhập bọn với lũ trẻ con trai. Phải

chơi đùa với cô bé, nhưng chán ngắt. Cô ta ngốc nghếch. Rốt cuộc lũ trẻ trêu chọc cô bé, bắt cô ta phải tỏ là cô biết bơi. Cô ta nằm trên sàn và làm động tác trên cạn. Lũ trẻ cười khanh khách và biến cô thành con bé lố bịch. Cô ta thấy rõ như vậy, nên đỏ bừng mặt và trở nên đáng thương, đáng thương đến mức xấu hổ, và không bao giờ có thể quên được nụ cười nhả nhó hiền lành, nhẫn nhục ấy của cô ta. Và Serghi nhớ lại lúc gặp cô ta sau đó. Ông đã gặp cô ta rất lâu về sau, trước khi ông trở thành tu sĩ. Cô ta lấy một điền chủ nào đó, người này phá tán hết tài sản của cô và đánh đập cô. Cô có hai đứa con: một trai và một gái. Đứa con trai chết lúc còn nhỏ.

Serghi nhớ lại ông đã trông thấy người đàn bà bất hạnh đó như thế nào. Sau đó ông gặp bà ta ở tu viện, lúc này bà đã góa chồng. Bà vẫn như thế - không thể nói là ngốc nghếch, nhưng vô duyên, tầm thường và đáng thương. Bà đã cùng với con gái và chồng chưa cưới của nó tới thăm tu viện. Họ đã nghèo túng rồi. Sau đó ông nghe nói bà sống đâu như ở một huyện lỵ và bà rất nghèo túng. “Mà tại sao mình nghĩ tới bà ta nhỉ? - Ông tự hỏi. Nhưng ông không thể thôi nghĩ tới bà. - Bà ta ở đâu? Tình cảnh của bà ta ra sao? Bà ta vẫn bất hạnh như khi phải nhồi mình trên sàn nhà làm động tác bơi lội chẳng? Vì sao mình lại nghĩ tới bà ta? Mình làm sao thế? Phải kết thúc thôi”.

Ông lại cảm thấy khiếp sợ và để thoát ra khỏi ý nghĩ đó, ông lại xoay ra nghĩ về Pasenka.

Ông nằm như thế hồi lâu, suy nghĩ khi thì về cái kết cục không thể tránh được của mình, khi thì về Pasenka. Ông hình dung Pasenka như là một sự cứu rỗi. Sau cùng ông ngủ thiếp đi. Trong giấc mơ ông thấy một vị thiên thần bay tới với ông và nói: “Con hãy tới chỗ Pasenka và hỏi bà ta xem con cần phải làm gì, tội lỗi của con do đâu và đâu là sự cứu rỗi của con”.



Ông bừng tỉnh dậy và sau khi quyết định rằng đây là sự báo mộng của Chúa, ông cảm thấy vui mừng và quyết tâm làm theo những điều Chúa phán bảo ông trong giấc mơ. Ông biết cái huyện lỵ, nơi bà sinh sống, - huyện đó ở cách đây khoảng ba trăm versta, - và ông đi tới đó.

Đã lâu Pasenka không còn là Pasenka nữa mà là Praskovia Mikhailovna già nua, héo hắt, da nhăn nheo, mẹ vợ của Mavrikiev, một viên chức nghiện rượu, một kẻ không thành đạt. Bà sống ở huyện lỵ, nơi làm việc cuối cùng của con rể, và tại đây bà làm lụng nuôi sống gia đình: Nuôi cả con gái, con rể đau ốm vì bệnh loạn thần kinh, lẫn năm đứa cháu.

Bà nuôi sống họ bằng cách đi dạy âm nhạc cho các cô gái con lái buôn, mỗi giờ năm mươi kopek. Mỗi ngày bà dạy bốn, đôi khi năm tiếng đồng hồ, bởi thế mỗi tháng bà kiếm được khoảng sáu chục rúp. Cho tới nay trong khi chờ xin một chỗ làm mới, họ sống bằng số tiền đó. Để kiếm việc cho con rể, Praskovia Mikhailovna đã gửi thư cầu xin tới tất cả bà con thân thuộc và những người quen biết của mình, trong đó có Serghi. Nhưng bức thư đó đã không đến tay ông.

Đã thứ bảy rồi, Praskovia Mikhailovna tự mình nhào bột mì với sữa và nho khô để làm thứ bánh mà người đầu bếp nông nô của cha bà đã từng làm rất khéo. Praskovia Mikhailovna muốn chiêu đãi các cháu nhân dịp ngày lễ sáng hôm sau.

Masa, con gái bà, đang chăm sóc đứa con nhỏ nhất, những đứa lớn, một trai một gái, đi học. Người con rể đêm không ngủ được, nên bây giờ ngủ thiếp đi. Tối hôm qua Praskovia Mikhailovna mãi vẫn không ngủ được, vì còn phải cố dẹp cơn thịnh nộ của con gái đối với chồng.

Bà thấy con rể là một kẻ yếu đuối, không thể nói năng và sống khác thế được, những lời trách móc của vợ đối với anh ta chẳng ăn thua gì và bà đã đem hết sức ra để xoa dịu họ, để

không có những lời trách móc, không có chuyện độc ác. Hầu như bà không thể chịu đựng được về mặt thể chất những quan hệ không tốt đẹp giữa người với người. Bà thấy rõ rằng những quan hệ kiểu đó không thể dẫn tới điều gì tốt đẹp hơn, mà tất cả sẽ ngày càng tệ hơn. Thậm chí bà cũng không nghĩ tới chuyện đó, bà chỉ cảm thấy đau khổ trước cảnh hằn thù, giống như bà khổ sở trước mùi hôi, âm thanh chói tai, hoặc những đòn đánh vào người.

Bà vừa mới đặc ý dạy cho Lukeria cách nhào bột như thế nào thì Misa, đứa cháu lên sáu tuổi, mặc áo có yếm, chân đi đôi tất đã mạng vá, chạy vào bếp với vẻ mặt sợ hãi:

– Bà ơi, có một ông lão trông kinh lắm hỏi bà.

Lukeria nhìn ra ngoài.

– Đúng thế, một người hành hương nào ấy, thưa bà.

Praskovia Mikhailovna cọ hai cẳng tay gầy guộc vào nhau, lau tay vào tạp dề và đã toan bước vào trong nhà tìm ví lấy năm kopek để bố thí, nhưng sau bà sực nhớ là không có tiền lẻ nhỏ hơn đồng một hào, nên bà quyết định sẽ cho bánh mì và bà quay lại phía chiếc tủ, nhưng bỗng nhiên bà đỏ mặt khi thấy mình tiếc của, thế là bà ra lệnh cho Lukeria cắt một khoanh bánh mì, rồi tự mình leo lên lấy mười kopek. “Thế là nhà người bị trừng phạt nhé, – bà tự nhủ, – lại phải cho gấp đôi”.

Bà đã đem những thứ đó cho người hành hương, vừa cho vừa xin lỗi và khi đem cho như vậy, không những bà không thấy hãnh diện vì sự hào phóng của mình, mà ngược lại bà cảm thấy hổ thẹn vì mình cho quá ít. Vẻ mặt người hành hương trông trang trọng quá. Mặc dầu ông đã nhân danh Chúa đi suốt ba trăm versta tới đây, quần áo rách rưới, người gầy tọp đi, da đen nhem, mái tóc ông đã cắt ngắn, chiếc mũ lông kiểu nông dân

cũng tàng tàng như thế, mặc dầu ông đã nghiêng chào một cách khiêm nhường, Serghi vẫn giữ được vẻ trang trọng đầy sức hấp dẫn như vậy. Nhưng Praskovia Mikhailovna không nhận ra ông. Bà không thể nào nhận ra ông được, vì hầu như đã ba chục năm nay bà không gặp ông.

– Xin ông lượng thứ cho. Có lẽ ông muốn ăn phải không?

– Praskovia. Tôi đến với bà. Xin bà hãy đón nhận tôi.

Và cặp mắt đen đẹp của ông nhìn bà chăm chăm, ra ý khẩn cầu, long lanh nước mắt. Dưới hàng ria bạc trắng, đôi môi ông run lên một cách đáng thương. Praskovia Mikhailovna ôm lấy bộ ngực héo hắt, hé miệng và sụp tròng mắt xuống, lặng người đi nhìn khuôn mặt người hành hương.

– Chả có lẽ nào! Stefan! Serghi! Cha Serghi.

– Đúng, chính hấn đấy, – Serghi khẽ thốt lên. – Chỉ có điều đây không phải là Serghi, không phải là cha Serghi mà là kẻ tội trọng Stefan Kasatski, con người đã chết rồi, kẻ có tội trọng. Xin bà hãy đón nhận, hãy giúp đỡ tôi.

– Nhưng chả có lẽ nào, mà sao trông ông cam phận như thế? Ta vào nhà đi.

Bà chìa tay ra, nhưng ông không nắm lấy bàn tay đó và đi theo sau bà.

Nhưng biết dẫn ông vào đâu? Căn hộ quá nhỏ. Thoạt đầu đã ngăn ra một phòng nhỏ xíu, gần như cái buồng xép nho nhỏ, dành riêng cho bà, nhưng sau đó ngay cả cái buồng xép nho nhỏ đó bà cũng cho nốt đứa con gái. Và lúc này Masa ngồi trong đó, đưa nôi cho đứa con còn bú.

– Ông ngồi đây, hiện giờ thì thế đã, – bà nói với Serghi, chỉ tay lên chiếc ghế dài ở trong bếp.

Serghi lập tức ngồi xuống và tháo gỡ chiếc túi dết khỏi vai

này, rồi đến vai kia, rõ ràng là bằng động tác quen thuộc.

– Trời ơi, trời ơi, sao mà trông ông cam phận quá! Danh tiếng vang lừng như thế, ấy thế mà bỗng đứng lại.

Serghi không đáp và chỉ mỉm cười một cách hiền lành, đặt chiếc túi ở gần mình.

– Masa, con có biết ai đây không?

Rồi Praskovia Mikhailovna thì thảo kể cho con gái biết Serghi là ai và họ cùng nhau đem chăn nệm và chiếc nôi ra khỏi buồng xếp, dọn sạch cho Serghi.

Praskovia Mikhailovna dẫn Serghi vào căn buồng bé tí đó.

– Ông sẽ nghỉ ở đây. Xin ông lượng thứ cho. Còn tôi có việc phải đi.

– Bà đi đâu?

– Tôi có giờ dạy ở đây, nói ra thật xấu hổ - tôi dạy âm nhạc.

– Dạy âm nhạc thì tuyệt quá. Chỉ có điều, Praskovia Mikhailovna ạ, tôi đến chỗ bà có chút việc. Khi nào thì tôi có thể nói chuyện với bà?

– Tôi rất sung sướng được ông tới thăm. Chiều được không?

– Được, chỉ xin bà một điều nữa: Bà đừng nói tôi là ai. Tôi chỉ bộc lộ với bà thôi. Không ai biết tôi đi đâu. Cần phải như vậy.

– Chao, thế mà tôi đã nói với con gái tôi rồi.

– Vậy thì bà hãy xin cô ấy đừng nói.

Serghi tháo giày, nằm xuống và lập tức thiếp đi ngay sau một đêm không ngủ và chặng đường bốn chục versta. Khi Praskovia Mikhailovna trở về nhà, Serghi đã ngồi trong căn buồng nhỏ xíu của mình và chờ đợi bà. Ông không ra dùng bữa trưa mà ăn cháo và súp do Lukeria đưa vào cho ông.

– Sao bà về sớm hơn giờ đã hẹn thế? – Serghi nói. – Bây giờ có thể nói chuyện được không?

– Do đâu mà tôi có diễm phúc được đón một vị khách như thế này? Tôi đã bỏ giờ dạy. Để sau... Tôi đã từng luôn mơ ước đi tới chỗ ông, viết thư cho ông, thế mà bỗng nhiên lại có cái may mắn này.

– Praskovia ! Xin bà hãy xem những lời tôi nói với bà lúc này đây là lời thú tội, là lời tôi nói trước mặt Chúa lúc lâm chung. Praskovia! Tôi không phải là một con người thánh thiện, thậm chí cũng không phải là một con người bình dị, thông thường: Tôi là kẻ có tội bản thủ, xấu xa, lầm lạc, kiêu hãnh, tôi không biết mình có xấu hơn tất cả không, nhưng xấu hơn những con người tồi tệ nhất.

Thoạt đầu Praskovia trở mắt ra nhìn, bà đã tin. Sau đó, khi đã tin hoàn toàn, bà chạm bàn tay vào tay ông và mỉm cười thương hại, nói:

– Stefan, có lẽ ông nói quá chằng?

– Không, Praskovia ạ. Tôi là một kẻ lầm lạc, một tên giết người, một đứa sàm báng và một thằng lừa dối.

– Trời ơi! Sao lại như vậy? – Praskovia Mikhailovna thốt lên.

– Nhưng cần phải sống. Và tôi, kẻ từng nghĩ rằng mình hiểu biết hết, mình đã dạy người khác nên sống như thế nào, – tôi chẳng hiểu gì hết và tôi xin bà dạy bảo tôi.

– Sao thế, Stefan. Ông cứ giấu cọt. Vì sao bao giờ ông cũng giấu cọt tôi như vậy?

– Thôi được, cứ cho là tôi giấu cọt đi; chỉ có điều bà hãy nói cho tôi biết bà sống như thế nào và cuộc sống đã trôi qua ra sao?

– Tôi ấy à? Tôi đã sống cuộc đời ti tiện, xấu xa nhất và bây giờ Chúa trừng phạt tôi, quả là đáng đời, tôi sống tội tệ quá, tội tệ quá...

– Thế bà đã đi lấy chồng như thế nào? Bà đã sống với chồng ra sao?

– Tất cả đều tội tệ. Tôi đã đi lấy chồng, đã yêu một cách xấu xa nhất. Ba tôi không tán thành chuyện đó. Tôi đã không suy xét gì cả và đi lấy chồng. Và khi lấy chồng rồi, đáng lẽ phải giúp đỡ chồng, tôi đã giày vò nhà tôi bởi cái máu ghen mà tôi không thể nào chế ngự được.

– Tôi nghe nói ông ấy rượu chè.

– Phải, nhưng còn tôi thì đã không biết cách can ngăn ông ấy. Tôi đã trách móc nhà tôi. Mà đó là một căn bệnh. Ông ấy không thể kìm mình được, còn tôi bây giờ nhớ lại, lúc ấy tôi đã không cho ông ấy tiền để uống. Thế là giữa chúng tôi xảy ra những cảnh lục đục khủng khiếp.

Và khi hồi tưởng lại chuyện đó, bà ngược cặp mắt đẹp, đau khổ nhìn Kasatski.

Kasatski nhớ lại, người ta đã kể cho ông biết chồng Praskovia đánh đập bà ta. Và giờ đây khi nhìn cái cổ gầy gò, héo hắt với những mạch máu lớn ở phía dưới tai và cụm tóc thưa màu hung nhạt đã điểm bạc, tựa hồ ông đã nhìn thấy cảnh đánh đập đó diễn ra như thế nào.

– Sau đó tôi sống một mình với hai đứa con và chẳng có chút của nả gì cả.

– Bà có trang trại cơ mà?

– Ngay từ thời còn sống với nhà tôi, chúng tôi đã bán sạch hết cả... và đã tiêu hết ráo... Cần phải sống, vậy mà tôi chả biết làm gì, giống như tất cả lũ tiểu thư chúng tôi. Nhưng lúc ấy

tình cảnh của tôi đặc biệt tồi tệ và bất lực. Chúng tôi sống cực khổ, tôi dạy dỗ lũ trẻ - bản thân tôi cũng đã học hành được chút ít. Mitia học đến lớp bốn thì bị ốm và Chúa đã rước nó đi. Masa yêu Vania, anh con rể tôi. Biết làm sao được, anh ta là người tốt, chỉ có điều bất hạnh, anh ta ốm đau.

- Mẹ ơi, - con gái bà ngắt lời bà. - Mẹ hãy đón thằng Misa cho con, con không thể xẻ mình làm đôi làm ba được.

Praskovia Mikhailovna giật mình, đứng dậy và đi nhanh trên đôi giày vệt gót, bước qua cửa và quay trở lại ngay, bế chú bé trên hai tay, chú bé ngật người về đằng sau và đưa đôi bàn tay bé xíu túm lấy đuôi khăn của bà.

- À mà tôi nói đến đâu rồi nhỉ? Ấy thế, con rể tôi cũng đã kiếm được một chỗ làm tốt đáo để, quan trên cũng dễ thương, nhưng Vania không thể đi làm được và đã xin về hưu.

- Anh ta ốm bệnh gì?

- Suy nhược thần kinh, đấy là một căn bệnh khủng khiếp lắm. Chúng tôi đã bàn bạc là cần phải đi nơi khác, nhưng tiền nong không có. Tuy vậy tôi vẫn hy vọng rồi mọi việc sẽ qua đi. Anh ấy không đau đớn gì đặc biệt, nhưng...

- Lukeria! - Giọng nói của anh ta vang lên, tức bực và yếu ớt. - Lúc cần đến nó là y như rằng bao giờ người ta cũng sai nó đi đâu đấy ấy. Mẹ đi!...

- Tôi vào ngay đây, - Praskovia Mikhailovna lại ngắt lời. - Anh ấy chưa ăn trưa. Anh ấy không thể ăn cùng với chúng tôi được.

Bà bước ra ngoài, thu xếp gì ở đó, rồi quay trở lại, lau đôi tay gầy guộc, rám nắng.

- Đấy, tôi sống như vậy đó. Cứ luôn luôn phàn nàn và luôn luôn không hài lòng, ấy thế nhưng, lạy Chúa, lũ cháu tôi tất cả



đều khá khinh khỏe mạnh, nên còn có thể sống được. Với lại nói đến tôi làm gì.

– Vậy thì bà sống bằng cái gì?

– Tôi cũng kiếm ăn được chút ít. Tôi đã từng chán ngấy âm nhạc, vậy mà nay âm nhạc cũng có ích cho tôi đấy.

Bà đặt bàn tay nhỏ nhắn lên chiếc tủ nhỏ cạnh chỗ bà ngồi và lướt những ngón tay gầy guộc như thể dạo một bài tập về âm nhạc.

– Thế người ta trả bà bao nhiêu một giờ?

– Người ta trả khi thì một rúp, khi thì năm mươi kopek, cũng có khi ba chục kopek. Tất cả bọn họ đều tốt bụng với tôi lắm cơ.

– Thế học trò học hành tiến bộ chứ? – Mắt thoáng cười, Kasatski hỏi.

Praskovia Mikhailovna không tin ngay rằng đó là một câu hỏi nghiêm chỉnh và bà ngược mắt nhìn ông có ý dò hỏi.

– Học trò cũng có tiến bộ. Có một cô bé cừ khôi lắm, con gái ông hàng thịt. Cô bé hồn hậu, tốt bụng. Giá như tôi là một phụ nữ chín chắn thì cố nhiên, dựa vào những chỗ quen biết của cha tôi, chắc tôi đã có thể tìm được chỗ làm cho con rể. Ấy thế nhưng tôi chả biết cách gì cả, và thế là tôi đã dẫn tất cả chúng nó đến nông nôi này.

– Ra thế, – Kasatski cúi đầu. – À, bà Praskovia này, bà có tham dự vào sinh hoạt của nhà thờ không? – Ông hỏi.

– Chao ôi, ông đừng nói làm gì. Tôi đã xao nhãng, tôi tệ lắm. Tôi cũng ăn chay cùng với lũ trẻ và đi nhà thờ, ấy thế nhưng có khi hàng tháng tôi không đi. Tôi cho lũ trẻ đi. Thật tình mà nói, – bà đỏ mặt lên, – đi nhà thờ mà ăn vận rách rưới thì ngượng với con cái và lũ cháu lắm, quần áo mới không có.

Với lại chẳng qua là tôi lười thôi.

– Vậy bà cầu nguyện ở nhà à?

– Tôi cầu nguyện, mà kinh kệ gì đâu, tôi đọc một cách máy móc thế thôi. Tôi biết là không nên thế, nhưng không có tình cảm thật sự, chỉ có tất cả sự xấu xa của mình thôi, ông ạ...

– À, ra thế, ra thế đấy, - Kasatski đế vào như thể tán thành.

– Tôi vào ngay, vào ngay đây, - bà đáp lại tiếng gọi của con rể và sau khi sửa lại bím tóc trên đầu, bà bước ra khỏi phòng.

Lần này mãi bà mới trở lại. Khi bà quay lại, Kasatski vẫn ngồi nguyên trong tư thế đó, khuỷu tay tựa trên đầu gối và đầu cúi xuống. Nhưng chiếc túi đi đường của ông ta đã được đeo lên lưng.

Khi bà bước vào phòng cùng với chiếc đèn sắt tây không có chụp, ông ngược cặp mắt đẹp, mệt mỏi của mình nhìn bà, rồi thở dài rõ sâu.

– Tôi không nói cho chúng nó biết ông là ai, - bà bắt đầu nói một cách rụt rè, tôi chỉ nói rằng đây là một người hành hương trong số những con người cao quý và tôi có quen biết. Ta đi sang phòng ăn uống trà đi.

– Không...

– Thế để tôi đem đến đây vậy. - Không, không cần gì cả. Chúa sẽ cứu vớt bà, Praskovia ạ. Tôi đi đây. Nếu bà thương tôi, bà đừng nói với ai là đã gặp tôi. Nhân danh Chúa hằng sống, tôi van xin bà, bà đừng nói với ai. Cám ơn bà. Giá tôi quỳ sụp xuống chân bà thì phải, nhưng tôi biết rằng làm như thế khiến bà bối rối. Cám ơn, vì Chúa, xin bà lượng thứ cho.

– Xin ông hãy ban phước.

– Chúa sẽ ban phước. Vì Chúa, xin bà hãy lượng thứ cho. Ông định đi, nhưng bà không cho ông đi và đem bánh mì, bánh

vòng và bơ tới cho ông. Ông nhận tất cả bà mới bước ra khỏi phòng.

Trời đã tối và ông ra đi mới cách độ hai nhà, bà đã không nhìn thấy ông nữa, và chỉ căn cứ vào tiếng con chó của vị tu sĩ trưởng sửa theo ông, bà mới biết là ông đang đi.

“Đấy, giấc mộng của ta có nghĩa là như vậy đấy. Praskovia chính là mẫu người mà ta phải đạt tới và ta đã không đạt được. Ta đã sống vì người đời, lấy cớ là sống vì Chúa, bà sống vì Chúa, nhưng lại tưởng tượng rằng mình sống vì người đời. Phải rồi, chỉ một việc làm tốt đẹp, một chén nước đem cho mà không nghĩ tới phần thưởng, còn quý hơn những gì ta đã ban ơn cho mọi người. Nhưng cũng có một phần ý muốn thành thực phụng sự Chúa chứ?” - Ông tự hỏi và trả lời: “Phải, nhưng tất cả những cái đó đã bị hư danh của người đời bám vào, làm cho nhơ nhớp. Phải, đối với những kẻ như ta, sống vì hư danh của người đời, thì không có Chúa. Ta sẽ đi tìm Chúa”.

Và ông ra đi, như ông đã đi tới nhà Praskovia, từ làng này tới làng kia, gặp gỡ và chia tay với những người đàn ông và đàn bà hành hương và cầu Chúa kiếm miếng bánh ăn và chỗ nghỉ đêm. Thỉnh thoảng một bà chủ độc ác xỉ vả ông, một bác nông dân say bét nhè chửi bới ông, nhưng phần lớn người ta cho ông ăn uống, thậm chí cho ông thức ăn đi đường. Bộ dạng quý tộc của ông khiến một số người có thiện cảm với ông. Ngược lại, một vài người chùng như thể hể hả vì thấy một nhà quý tộc cũng đã rơi vào cảnh cùng khốn. Nhưng vẻ hiền lành của ông đã chinh phục tất cả mọi người.

Thường thường khi thấy trong nhà có cuốn kinh Phúc âm, ông đọc to lên, và mọi người ở khắp nơi, bao giờ cũng xúc động và ngạc nhiên như thể họ nghe ông đọc một cái gì mới mẻ, đồng thời đã quen thuộc từ lâu.

Nếu như ông đã giúp đỡ được mọi người hoặc bằng lời khuyên bảo, hoặc bằng vốn học vấn, hay bằng lời can ngăn những kẻ cãi nhau, thường ông không nhận sự cảm ơn, vì trước đó ông đã bỏ đi. Và Chúa đã bắt đầu thoáng xuất hiện ở trong ông.

Có lần ông đi cùng với hai bà già và một người lính. Một ông và một bà quý tộc ngồi trên chiếc xe ngựa hai bánh thẳng con ngựa chạy nước kiệu và một người đàn ông cùng một cô gái cưỡi ngựa chặn bọn ông lại. Chồng của bà quý tộc cùng với cô con gái cưỡi ngựa, còn trên xe có lẽ là bà quý tộc đi cùng với một nhà du lịch người Pháp.

Đám người quý tộc chặn bọn ông lại để chỉ cho nhà du lịch Pháp thấy *les pèlerins*<sup>[20]</sup> theo thói mê tín cổ hữu của dân Nga, những người hành hương này đáng nhẽ làm việc thì lại đi lang thang từ nơi này đến nơi kia.

Đám quý tộc nói tiếng Pháp, tưởng rằng bọn ông không hiểu họ nói gì.

– *Demandez leur, – người Pháp nói, – s'ils sont bien sûrs de ce que leur pèleri- nage est agréable à dieu.*<sup>[21]</sup>

Đám quý tộc hỏi bọn ông. Các bà lão đáp:

– Chúa tiếp nhận như thế nào là tùy ý Người. Chúng tôi đi bằng đôi chân mình, thành tâm là ở đấy chăng.

Đám quý tộc hỏi người lính. Người lính nói rằng có một mình biết đi đâu được.

Đám quý tộc hỏi Kasatski rằng ông là ai.

– Nô lệ của Chúa.

– *Qu'est ce qu'il dit? Il ne répond pas.*<sup>[22]</sup>

– *Il dit qu'il est un serviteur de dieu.*<sup>[23]</sup>

– *Cela doit être un fils de prêtre. Il a de la race. Avez vous de la petite mon-naie?*<sup>[24]</sup>

Người Pháp có tiền lẻ. Và hắn phân phát cho tất cả mọi người, mỗi người hai mươi kopek.

– *Mais dites leur que ce n'est pas pour des cierges que je leur donne, mais pour qu'ils se régalent de thé Chè, chè,*<sup>[25]</sup> – hắn ta mỉm cười, – *pour vous, mon vieux*<sup>[26]</sup> – hắn nói, đưa bàn tay đeo găng vỗ vai Kasatski.

– Chúa sẽ cứu rồi, – Kasatski đáp, không đội mũ lông vào và nghiêng mái đầu hỏi của mình cúi chào.

Kasatski đặc biệt vui mừng vì cuộc gặp gỡ đó, bởi vì ông đã khinh thường dư luận của người đời và đã làm cái việc hời hợt, hão huyền nhất – ông đã nhẫn nhục cầm lấy hai mươi kopek và đã cho một người bạn của họ, một người hành khất mù. Càng ít coi trọng dư luận của người đời, thì càng được cảm nhận thấy Chúa một cách mạnh mẽ hơn.

Kasatski đã đi phiêu bạt như vậy được tám tháng, tới tháng thứ chín ông bị người ta bắt giữ tại một quán trọ ở tỉnh ly, nơi ông nghỉ đêm cùng với những người hành hương, và vì không có giấy thông hành nên người ta đã đưa ông về đồn cảnh sát... Trả lời câu hỏi giấy thông hành của ông đâu và ông là ai, ông đáp rằng ông không có giấy thông hành và ông là nô lệ của Chúa. Người ta xếp ông vào hạng người lang thang, kết án và đày ông đi Xibir.

Tại Xibir, ông ngụ trong trại của một nông phu giàu có và bây giờ vẫn sống tại đó. Ông làm lụng trong vườn rau của chủ nhà, dạy trẻ học và đi chăm sóc người ốm.

# CÁI CHẾT CỦA IVAN I LYICH

## 1

Trong tòa nhà lớn của tòa án, vào lúc phiên tòa xử vụ Menvinski nghỉ giữa chừng, các quan tòa và biện lý tụ tập trong phòng làm việc của Ivan Êgôrôvích Sêbêch và trò chuyện về vụ án Krasôv nổi tiếng. Phêđo Vasiliêvích nổi nóng lên, chứng minh rằng đó là một vụ án không thể xét xử, Ivan Êgôrôvích khẳng khẳng giữ ý kiến của mình, còn Piốt Ivanôvích lúc đầu không tham gia tranh luận và chỉ ngó qua tờ báo “Tin tức” mà người ta mới đưa vào.

– Thưa các ngài! – Ông nói, – Ivan I lyich đã chết rồi.

– Lẽ nào lại như thế?

– Đây, các ngài đọc mà xem, – ông nói với Phêđo Vasiliêvích và trao cho ông này số báo mới còn thơm mùi mực.

Bản cáo phó in trong khung đen: “Praskôvia Phêđôrôvna Gôlôvina đau đớn báo tin để bà con thân thuộc và bạn bè biết phu quân yêu quý của tôi, Ivan I lyich Gôlôvin, ủy viên Viện tư pháp<sup>[27]</sup> đã từ trần ngày 4 tháng Hai năm 1882. Lễ tang sẽ cử hành vào một giờ trưa ngày thứ sáu”.

Ivan I lyich là đồng sự của các ngài ngồi ở đây và mọi người đều yêu mến ông. Ông ốm đã mấy tuần nay rồi, người ta bảo rằng bệnh của ông không chữa khỏi được. Chỗ của ông vẫn để dành đấy, nhưng có ý kiến cho rằng trong trường hợp ông chết,

Aléchsêev có thể được bổ nhiệm thay ông. Vinikốp hoặc Staben sẽ thay chân Aléchsêev. Bởi thế khi nghe tin Ivan I lyich chết, ý nghĩ đầu tiên của mỗi vị tុ tập trong căn phòng này là cái chết đó có thể có ý nghĩa như thế nào đối với việc thay đổi địa vị hoặc thăng trật của chính các thành viên tòa án hoặc những người quen biết họ.

“Bây giờ nhất định mình sẽ thay chân Staben hay Vinikôv, - Phêđo Vasiliêvich nghĩ. - Người ta đã hứa với mình như thế từ lâu và việc thăng chức này sẽ khiến cho mình được hưởng thêm 800 rúp, ngoài tiền lương lĩnh ở bộ”.

“Bây giờ phải xin chuyển cậu em vợ mình từ Kaluga về mới được, - Piốt Ivanôvich nghĩ. - Vợ mình sẽ rất mừng. Bây giờ thì bà ấy không thể nói là mình chẳng bao giờ làm gì giúp họ hàng nhà bà ấy”.

- Tôi cũng đã nghĩ rằng ông ấy không bình phục được, - Piốt Ivanôvich nói to lên. - Tiếc thật.

- Này, thế ông ấy bị bệnh gì nhỉ?

- Các bác sĩ cũng không xác định được. Nghĩa là họ cũng có xác định đấy nhưng ý kiến khác nhau lắm. Khi gặp ông ta lần cuối, tôi cứ tưởng ông ta sẽ qua khỏi được.

- Còn tôi từ dạo tết đến giờ chưa đến thăm ông ấy, mặc dù lúc nào cũng định đi.

- Gia sản của ông ấy thế nào nhỉ?

- Hình như bà vợ cũng có chút ít. Nhưng không đáng kể.

- Phải, rồi ta phải đi thăm gia đình ông ấy một chút. Phải cái họ ở xa khiếp.

- Xa là xa với ông thôi. Đối với ông thì ai mà chả ở xa.

- Thế không thể miễn thứ cho tôi, vì tôi ở tận bên kia sông được sao, - Piốt Ivanôvich nói, mỉm cười với Sêbêch. Và họ

xoay ra nói về những khoảng cách xa xôi trong thành phố, rồi tiếp tục quay về phòng xử án.

Ngoài việc gợi lên trong mỗi người ý nghĩ về việc thuyên chuyển hoặc khả năng thay đổi chức vị trong hoạn lộ có thể xảy ra tiếp liền sau cái chết đó, bản thân cái chết của một người quen thuộc gần gũi, như thường xảy ra, đã đẩy lên trong lòng mỗi người cảm giác vui mừng, khi nghĩ rằng hẳn ta chết, chứ không phải mình.

“Người ấy người nọ chết, chứ không phải là mình”, - mỗi người đều cảm nghĩ như vậy. Những người gần gũi quen biết, những kẻ gọi là bạn bè của Ivan I lyich, nghe tin ông mất, bất giác đã nghĩ rằng giờ đây bắt buộc họ phải thực hiện phép xã giao rất đáng ngán, phải đi dự lễ cầu hồn và đến chia buồn với bà quả phụ.

Gần gũi nhất với người quá cố là Phêđo Vasiliêvích và Piốt Ivanôvích.

Piốt Ivanôvích là bạn cùng học với Ivan I lyich ở Trường tư pháp<sup>[28]</sup> và tự coi mình là người chịu ơn bạn.

Trong suốt bữa ăn trưa, Piốt Ivanôvích nói cho vợ biết tin Ivan I lyich đã chết và khả năng chuyển cậu em vợ về làm trong khu của họ, rồi không đi nằm nghỉ, ông mặc áo đuôi tôm, đi tới nhà Ivan I lyich.

Chiếc xe ngựa và hai chiếc xe tải đậu ở gần lối vào nhà Ivan I lyich. Chiếc nắp quan tài bọc gấm thêu kim tuyến, có tua và đính chiếc lon đánh bóng loáng dựng sát tường căn phòng phía ngoài, nơi treo quần áo. Hai bà mặc đồ đen đang cởi áo choàng. Một người quen mặt là em của Ivan I lyich, người kia là một bà lạ không quen biết. Svátxơ bạn của Piốt Ivanôvích, đi từ trên gác xuống, từ bậc thang trên cao nhìn thấy bạn đi vào, ông ta



dừng lại, nháy mắt với bạn như có ý nói: “Cái tay Ivan I lyich thu xếp góc ghếch thật, tôi với anh chúng ta còn cừ hơn nhiều”.

Vẻ mặt Svátxơ với bộ râu quai nón kiểu Anh và cả hai thân hình gầy guộc trong chiếc áo đuôi tôm, trông lúc nào cũng có dáng trang trọng phong nhã, và cái vẻ trang trọng này bao giờ cũng trái ngược với tính cách vui nhộn của Svátxơ, nhưng ở đây nó lại tỏ ra đặc biệt có ý vị. Piốt Ivanôvích nghĩ như vậy.

Piốt Ivanôvích nhường bước cho các bà đi lên trước, rồi thong thả theo họ lên cầu thang gác. Svátxơ không đi xuống, mà dừng lại ở trên cầu thang. Piốt Ivanôvích hiểu vì sao như vậy, rõ ràng là Svátxơ muốn trao đổi xem hôm nay nên chơi bài uyn-tơ<sup>[29]</sup> ở đâu. Các bà lên cầu thang đến với người quả phụ, còn Svátxơ cặp môi mím chặt một cách nghiêm chỉnh, cặp mắt suồng sã nhíu mày ra hiệu cho Piốt Ivanôvích đi về bên phải, vào phòng để thi hài.

Cũng như mọi khi, khi bước vào phòng, Piốt Ivanôvích băn khoăn không hiểu mình sẽ làm gì ở đây. Ông chỉ biết có một điều là không những trường hợp này, làm dấu sẽ chẳng bao giờ gây phiền hà gì. Còn về việc có cần phải chào không thì ông không tin chắc lắm, vì thế ông đã chọn một lối nước đôi: Khi bước vào phòng ông bắt đầu làm dấu và khẽ nghiêng mình tựa hồ như cúi chào, vẫn giữ nguyên tư thế tay và đầu, ông đồng thời ngoái nhìn căn phòng. Hai chàng thanh niên hình như là những người cháu, một là học sinh trung học, làm dấu, rồi đi ra khỏi phòng. Một bà già đứng bất động. Một vị phu nhân có cặp lông mày rướn lên một cách kỳ quặc đang thì thào nói gì đó với bà cụ. Viên trợ tế linh lợi, kiên quyết, vận áo lễ đang đọc to cái gì đó với vẻ không chấp nhận bất kỳ sự phản đối nào. Anh hầu bàn Ghêrasim nhẹ nhàng đi qua trước mặt Piốt Ivanôvích,

rắc cái gì đó lên trên sàn. Trông thấy thế, Piốt Ivanovich lập tức cảm thấy ngay là thoang thoảng có mùi xác chết đã rữa. Trong dịp đến thăm Ivan I lyich lần cuối cùng, Piốt Ivanovich đã thấy anh này trong phòng làm việc. Anh ta đóng vai hộ lý và Ivan I lyich đặc biệt yêu quý anh ta. Piốt Ivanovich vẫn luôn tay làm dấu và khẽ cúi chào hướng về giữa quan tài, viên trợ tế và các ảnh thánh đặt trên bàn kê ở góc phòng. Sau đó, thấy mình hình như đã làm dấu quá lâu, ông ta dừng lại và bắt đầu ngó nhìn thi hài.

Người chết nằm như mọi người chết thường nằm, đặc biệt nặng nề lặng ngắt, chân tay lạnh cứng, chìm lút trong nệm quan tài, đầu ngả vĩnh viễn trên chiếc gối và phới ra vàng trán vàng như sáp ong với hai bên thái dương hói và lõm, chiếc mũi nhô ra như đè lên môi trên. Ông ta đã thay đổi rất nhiều, càng gầy thêm kể từ khi Piốt Ivanovich không gặp ông ta, nhưng cũng như ở mọi người chết, vẻ mặt ông ta đẹp hơn, chủ yếu là có ý nghĩa hơn vẻ mặt lúc sống. Vẻ mặt đó như muốn nói rằng những gì cần phải làm đã được làm và làm đúng. Ngoài ra vẻ mặt đó còn chứa đựng lời trách móc hoặc sự nhắc nhở những người sống. Piốt Ivanovich tưởng như lời nhắc nhở đó không thích hợp hoặc chí ít không liên quan đến mình. Piốt Ivanovich cảm thấy khó chịu thế nào ấy, vì vậy ông vội vã làm dấu một lần nữa và quá vội vã, ông ta tưởng như vậy, không hợp với phép lịch sự, quay người lại và đi ra cửa. Svátxơ chờ ông ở phòng ngoài, đứng choãi chân, hai tay quặt ra sau lưng, nghịch nghịch chiếc mũ lễ của mình. Trông thấy dáng người vui nhộn, bảnh bao và diêm dúa của Svátxơ, Piốt Ivanovich tươi hẳn lên. Ông hiểu rằng Svátxơ đứng cao hơn sự việc và không để mình bị chi phối bởi những ấn tượng nặng nề. Vẻ mặt Svátxơ như muốn bảo ông rằng: Việc làm lễ cầu hồn cho Ivan I lyich không

thể nào là một cái cớ đủ để chúng ta phá bỏ lệ hội họp, nghĩa là không gì có thể ngăn cản chúng ta ngã cổ bài ra và tráo bài tanh tách vào chiều tối hôm nay, khi tên đầy tớ thấp lên bốn ngọn nến; nói chung chẳng có cơ sở gì để cho rằng vụ này có thể cản trở chúng ta tiến hành cuộc vui chơi thú vị vào tối hôm nay. Khi Piốt Ivanôvích đi ngang qua, Svátxơ đã nói thầm với ông như vậy và mời ông tới chơi bài ở nhà Phêđo Vasiliêvích. Nhưng hình như cái số của Piốt Ivanôvích là không được chơi bài uyn-tơ buổi tối hôm nay. Praskôvia Phêđôrôvna là một người đàn bà tầm thước béo núc ních, tuy bà đã hết sức cố gắng ngăn ngừa, thân hình bà vẫn cứ bè bè ra. Bà vận toàn đồ đen, đầu phủ chiếc khăn ren và lông mày cũng rướn cao một cách kỳ quặc như vị phu nhân đứng ở gần quan tài. Bà cùng với các phu nhân khác bước ra khỏi phòng mình, dẫn họ tới cửa phòng để thi hài và nói:

– Lễ cầu hôn sẽ tổ chức ngay bây giờ, xin mời các vị vào.

Svátxơ dừng lại, nghiêng mình vẻ do dự, rõ ràng ông ta không chấp nhận và cũng không gạt bỏ lời mời đó. Nhận ra Piốt Ivanôvích, bà Praskôvia Phêđôrôvna thở dài, bước sát lại gần ông, cầm tay ông mà nói:

– Tôi biết bác là người bạn thực sự của Ivan I lyich... – Bà nhìn ông ta, chờ đợi ông ta có những cử chỉ thích hợp với lời bà nói.

Piốt Ivanôvích biết rằng lúc này mình phải làm dấu, phải bắt tay, phải thở dài và nói: “Xin bà cứ tin ở tôi!”, và ông đã làm như vậy. Làm xong ông cảm thấy mình đã đạt kết quả mong muốn, ông thấy cảm động và bà chủ cũng cảm động.

– Mời bác vào đây kéo lễ sắp bắt đầu, tôi cần nói chuyện với bác, – bà quả phụ nói. – Bác đưa tay cho tôi nào.

Piốt Ivanôvích đưa tay cho bà vịn và họ đi vào trong phòng ngang qua mặt Svátxơ đang buồn bã nháy mắt với Piốt Ivanôvích ra hiệu bảo ông: “Thế còn bài uyn-tơ! Đừng có trách nhé, chúng tôi sẽ tìm một chân khác. Hễ anh thoát nợ, chúng ta lại chơi tay năm nhé”.

Piốt Ivanôvích thở dài càng sâu hơn, buồn bã hơn và Praskôvia Phêđrôvna siết chặt tay ông tỏ vẻ biết ơn. Khi bước vào phòng khách tường lót bọc bằng vải màu hồng có thắp một ngọn đèn ảm đạm, họ ngồi cạnh chiếc bàn, bà ngồi ở đi văng, còn Piốt Ivanôvích ngồi trên chiếc ghế đệm thấp hồng lò xo mà người ta đã kê nhầm làm chỗ ngồi cho ông. Praskôvia Phêđrôvna đã toan báo trước để ông ngồi sang một chiếc ghế tựa khác, nhưng bà thấy làm như vậy không hợp với tình cảnh của mình, nên lại thôi. Ngồi trên chiếc ghế đệm thấp ấy, Piốt Ivanôvích nhớ lại Ivan I lyich đã bài trí phòng khách này như thế nào, đã trao đổi với ông về những tấm vải màu hồng và xanh lá cây để lót tường như thế nào. Khi lách qua bàn để ngồi xuống đi văng (nói chung cả phòng khách này đều ngổn ngang đồ gỗ và đồ dùng), mảnh đăng-ten đen trên chiếc áo choàng đen của bà quả phụ vướng vào chỗ chạm trổ ở mặt bàn. Piốt Ivanôvích nhồm người lên để gỡ áo cho bà và chiếc ghế thấp được giải thoát bắt đầu hồi hộp hát ông lên. Bà quả phụ tự gỡ mảnh đăng-ten của mình và Piốt Ivanôvích lại ngồi xuống, đè lên chiếc ghế đệm thấp đang nổi loạn dưới móng mình. Nhưng bà quả phụ vẫn chưa gỡ xong được áo, Piốt Ivanôvích lại nhồm lên, chiếc ghế đệm thấp lại hát tung ông lên, thậm chí nó còn kêu ken két. Khi mọi việc đã ổn thỏa, bà rút chiếc khăn tay sạch bằng nhiễu ra và bắt đầu khóc. Chuyện mảnh đăng-ten bị vướng và cuộc vật lộn của ông với chiếc ghế đệm thấp khiến Piốt Ivanôvích đâm ra nguội lạnh và ông cau có, ngồi yên.

Sôkôlôv, một người hầu phòng của Ivan I lyich đã gỡ cho Piốt Ivanôvích ra khỏi tình thế lúng túng đó, bác ta vào để thưa với Praskôvia Phêđrôvna rằng người ta tính nơi chôn cất ở nghĩa trang hết hai trăm rúp. Bà thối khóc và nhìn Piốt Ivanôvích với vẻ mặt của một nạn nhân, nói với ông bằng tiếng Pháp rằng bà rất đau buồn. Piốt Ivanôvích phác một cử chỉ lạnh lẽ biểu lộ niềm tin chắc chắn rằng tất nhiên không thể nào khác thế được.

– Xin ông cứ hút thuốc tự nhiên, – bà nói bằng một giọng độ lượng và đồng thời đau buồn, rồi bà quay ra hỏi Sôkôlôv về giá cả nơi chôn cất. Piốt Ivanôvích vừa hút thuốc lá vừa nghe bà hỏi han rất kỹ lưỡng về các loại giá cả thuê đất và bà quyết định nên thuê loại nào. Ngoài ra, sau khi bàn xong nơi chôn cất, bà sai bảo cả việc thuê những người hát lễ. Sôkôlôv đi ra.

– Tôi tự làm lấy tất cả, – bà vừa nói với Piốt Ivanôvích vừa đẩy quyển Album ở trên bàn sang một bên. Thấy tàn thuốc có cơ làm cháy bàn, bà vội vã đẩy ngay chiếc gạt tàn tới gần Piốt Ivanôvích và nói tiếp: – Tôi coi là giả dối nếu nói rằng vì đau buồn quá tôi không thể lo liệu được việc tang ma. Ngược lại, việc đó nếu như không an ủi tôi... thì cũng khiến tôi khuây khỏa, vì đó là việc lo liệu cho chính nhà tôi mà. – Bà lại rút khăn tay tựa hồ như định khóc, nhưng bỗng nhiên bà lắc lắc người như thể kiểm chế mình và bắt đầu nói một cách bình thản:

– À, tôi có chuyện muốn thưa với bác.

Piốt Ivanôvích nghiêng người đáp lễ, không để cho lò-xo của chiếc ghế đệm thấp đang đung đậy dưới mông trôi bật lên.

– Trong những ngày cuối cùng, nhà tôi đau đớn kinh khủng.

– Bác ấy đau lắm à? – Piốt Ivanôvích hỏi.

– Chao ôi, thật khủng khiếp! Trong những ngày cuối, nhà tôi kêu la hàng giờ liền. Ông ấy kêu la suốt ba ngày đêm không chuyển giọng. Chịu không nổi. Tôi không hiểu vì sao tôi đã chịu đựng nổi. Cách ba lần cửa vẫn nghe rõ tiếng kêu la. Chao ôi! Cực quá chừng!

– Chẳng lẽ bác ấy vẫn tỉnh à? – Piốt Ivanôvích hỏi.

– Vâng, – bà thì thào, – nhà tôi tỉnh cho đến phút chót. Ông ấy vĩnh biệt chúng tôi mười lăm phút trước khi mất và còn yêu cầu đưa Vladimira ra ngoài.

Ý nghĩ về sự đau khổ của một con người mà ông gần gũi quen biết từ lúc người đó còn là một đứa trẻ vui tính, một chú học sinh, rồi một người đồng sự lớn tuổi bỗng nhiên làm cho Piốt Ivanôvích khiếp sợ, mặc dầu ông thấy khó chịu về sự giả dối của mình và của người đàn bà này. Ông lại hình dung ra vầng trán, cái mũi đẽ lên môi ấy và ông đâm ra hoảng sợ cho bản thân mình.

“Ba ngày đêm đau đớn kinh khủng rồi chết. Việc đó có thể ập đến cả với mình ngay bây giờ, bất cứ giây phút nào”, – ông nghĩ và trong giây lát ông đâm ra hoảng sợ. Nhưng chính ông cũng chẳng biết tại sao, một ý nghĩ thường tình tức thời đến cứu giúp ông: Việc đó xảy ra với Ivan I lyich, chứ không phải xảy ra với ông, với ông chắc sẽ không có chuyện như vậy; với lại nếu cứ nghĩ thế ông sẽ sinh ra buồn phiền, đó là điều không nên, rõ ràng là nét mặt của Svátxơ có ý nhấn nhủ ông như vậy. Suy luận như thế rồi, Piốt Ivanôvích thấy yên tâm và ông bắt đầu hào hứng hỏi tỉ mỉ về phút lâm chung của Ivan I lyich, tựa hồ như cái chết là một điều rủi ro bất ngờ chỉ liên quan đến Ivan I lyich, chứ hoàn toàn không dính líu gì đến ông.

Sau khi đã kể tỉ mỉ về những đau đớn thể xác thực sự khủng khiếp mà Ivan I lyich đã phải chịu đựng, (những chi tiết tỉ mỉ này Piốt Ivanôvích chỉ được biết thông qua tác động của những đau đớn của Ivan I lyich tới thần kinh bà Praskôvia Phêđôrôvna), bà quả phụ thấy rõ ràng cần phải chuyển sang chuyện công việc.

– Chao ôi, bác Piốt Ivanôvích, đau buồn lắm, đau buồn kinh khủng, kinh khủng, – và bà lại khóc.

Piốt Ivanôvích thở dài và chờ bà xỉ mũi, khi bà đã xỉ mũi xong, ông nói:

– Xin bác hãy tin ở tôi... – và bà lại nói miên man, trình bày việc rõ ràng là chính yếu mà bà muốn nói với ông. Việc đó gồm một loạt câu hỏi: Làm sao có thể lấy được tiền ở công quỹ nhân dịp chồng chết. Bà ta làm ra bộ hỏi ý kiến Piốt Ivanôvích về tiền tuất, nhưng ông thấy bà đã am hiểu việc này một cách chi ly, cả đến những chi tiết mà ông không biết. Bà am hiểu tất cả những cách có thể dùng để rút tiền ở công quỹ nhân cái chết của chồng bà. Nhưng điều bà muốn biết thêm, là có thể làm thế nào để rút được nhiều hơn thế nữa không. Piốt Ivanôvích cố gắng nghĩ ra phương cách để làm việc đó, nhưng nghĩ một lúc, rồi vì phép xã giao ông xoay ra xỉ vả chính phủ keo kiệt và nói với bà rằng hình như không thể rút hơn được. Nghe vậy bà thở dài và rõ ràng đã bắt đầu nghĩ cách tống khứ ông khách. Ông ta hiểu ý, giục tắt điếu thuốc lá, đứng dậy bắt tay bà và bước ra phòng ngoài.

Trong phòng ăn có treo chiếc đồng hồ mà Ivan I lyich rất thích vì đã mua được ở hiệu đồ cũ, Piốt Ivanôvích gặp vị linh mục và vài người quen biết khác tới dự lễ cầu hồn, trông thấy cô tiểu thư xinh đẹp quen biết, con gái của Ivan I lyich, cô ta vận toàn đồ đen. Thân hình cô vốn rất thanh mảnh lại càng

thanh mảnh hơn. Vẻ mặt cô rầu rĩ, quả quyết và hầu như tức giận. Cô nghiêng mình chào Piốt Ivanovich, cứ như thể ông là người có lỗi gì đó. Một chàng thanh niên giàu có mà Piốt Ivanovich có quen biết, làm dự thẩm ở tòa án, nghe nói là chồng chưa cưới của cô ta, đứng đằng sau cô, cũng với vẻ mặt bất mãn như vậy. Ông buồn bã nghiêng mình chào họ và muốn đi sang phòng người chết, đúng lúc ấy cậu con trai, học sinh trung học, giống Ivan I lyich như lột, nhô mình lên khỏi cầu thang. Thằng bé khiến Piốt Ivanovich nhớ lại Ivan I lyich lúc nhỏ, khi còn học ở trường tư pháp. Cặp mắt của chú bé khóc sưng húp và cũng kèm nhèm giống mắt các chú bé sớm hư hỏng tuổi mười ba, mười bốn. Trông thấy Piốt Ivanovich, chú bé cau mặt một cách nghiêm nghị và sượng sùng. Piốt Ivanovich khẽ gật đầu với chú và bước vào phòng người chết. Lễ cầu hồn bắt đầu: Nào thắp nến, khóc than, hương khói, nào nước mắt, tiếng sụt sịt. Piốt Ivanovich chau mày đứng yên, nhìn bàn chân trước mặt mình. Ông không nhìn thi hài lần nào và cho đến cuối buổi lễ không để mình rơi vào những ảnh hưởng làm yếu lòng người, và ông là một trong những người đầu tiên đi ra khỏi phòng. Ở phòng ngoài chả có ai. Ghêrasim, người hầu bàn nhảy từ trong phòng người quá cố ra, dùng bàn tay khỏe khoắn của mình bới tất cả đồng áo choàng lông để tìm chiếc áo choàng của Piốt Ivanovich, rồi trao cho ông.

– Thế nào, anh Ghêrasim? – Piốt Ivanovich nói để mà nói. – Thương nhỉ?

– Đó là ý Chúa. Mọi người chúng ta rồi sẽ đi tới bước đó, – Ghêrasim nói, nhe hàm răng nông dân đều đặn trắng muốt của mình và như một người đang lúc công việc bận rộn căng thẳng, nhanh nhẹn mở cửa, gọi người đánh xe, đỡ Piốt Ivanovich lên xe, rồi nhảy xuống, quay lại bậc thêm tựa hồ như để nghĩ xem



mình còn phải làm gì nữa.

Sau khi phải chịu đựng mùi hương, mùi xác chết và mùi phê-nôn, Piốt Ivanôvích đặc biệt khoan khoái hít thở khí trời trong sạch.

– Ngài đi đâu ạ? – Người đánh xe hỏi.

– Chưa muộn lắm. Tôi ghé đến Phêđo Vasiliêvích hãy còn kịp.

Piốt Ivanôvích đi, và quả thực lúc ông tới họ mới chơi được một hội, vì thế ông ngồi vào chân thứ năm vừa tiện.

Câu chuyện về cuộc đời đã qua của Ivan I lyich là một câu chuyện đơn giản, bình thường nhất và khủng khiếp nhất.

Ivan I lyich chết vào quãng bốn mươi lăm tuổi, lúc ông ta là ủy viên của Viện Tư pháp. Ông là con của một quan chức đã đạt được công danh tại nhiều bộ và vụ khác nhau ở Peterburg. Bước đường công danh này đã dẫn nhiều người tới tình trạng là tuy rõ ràng họ là vô dụng, không hoàn thành được một trách nhiệm đáng kể nào, nhưng do đã làm quan lâu năm và do chức tước của họ, họ vẫn không thể bị thải hồi được và vì thế họ vẫn được giao những địa vị giả tạo và được nhận bạc nghìn thật sự - khoảng từ sáu tới mười nghìn, với số tiền đó, họ có thể sống cho đến khi đầu bạc răng long.

Ilia Êphimôvích Gôlôvin là một con người như thế. Ông là cố vấn cơ mật<sup>[30]</sup> nhân viên vô tích sự của nhiều công sở vô tích sự khác nhau.

Ông có ba con trai. Ivan I lyich là con trai thứ hai. Người con trai cả cũng đạt được công danh như ông bố, chỉ có điều anh ta làm ở bộ khác và đã xấp xỉ tới cái tuổi mà lương bổng đã khó được tăng. Người con trai thứ ba thất cơ lỡ vận. Anh ta đã trải qua nhiều nơi khác nhau, ở chỗ nào cũng tự làm hại mình và hiện nay anh ta làm trong ngành đường sắt. Ông bố, những người anh và đặc biệt là các bà chị dâu không những không thích gặp gỡ anh ta, mà nếu không thật cần thiết họ cũng chẳng buồn nhắc đến anh ta nữa. Cô con gái lấy nam tước Grép, cũng là một quan chức Peterburg như ông bố vợ anh ta. Ivan I lyich là *le phenix de la famille*<sup>[31]</sup>, như người ta thường nói.

Anh ta không phải là một người lạnh lùng và đứng đắn như người anh cả, nhưng cũng không phải là một kẻ bất trị như cậu em út. Anh ta ở khoảng giữa hai người đó, là một con người thông minh, linh hoạt, dễ mến và lịch sự. Anh cùng với người em út được học ở Trường Tư pháp. Người em út không học hết và đến năm thứ năm thì bị loại khỏi trường. Còn Ivan I lyich đã kết thúc tốt đẹp khóa học. Lúc ở trường anh ta như thế nào thì sau này suốt đời anh ta vẫn như thế. Anh ta là người có năng lực, vui tính, tốt bụng, chan hòa với mọi người, nhưng hoàn thành nghiêm chỉnh cái mà anh coi là bổn phận của mình. Mọi cái mà cấp trên coi là bổn phận thì anh cũng xem đó là bổn phận của mình. Anh không phải là một đứa trẻ xun xoe, cả sau này khi là một người lớn cũng vậy, nhưng ngay từ thời thanh niên, anh đã có thói quen bị cuốn hút tới những người có địa vị cao sang trong giới thượng lưu, giống như ruồi bị ánh sáng hấp dẫn, anh học đòi những cung cách của họ, chấp nhận cách nhìn cuộc sống của họ và gây dựng quan hệ bạn bè với họ. Mọi say mê của tuổi trẻ và thời thanh niên đều qua đi không để lại dấu vết gì đáng kể trong anh. Anh bị nhiễm cả thói hiếu sắc lẫn thói háo danh và sau hết, khi giao du với các tầng lớp thượng lưu, anh nhiễm cả thói tự do chủ nghĩa. Nhưng anh chỉ nhiễm những thói đó đến chừng mức mà anh cảm thấy vừa phải thôi.

Khi ở Trường Tư pháp, anh đã có những hành vi mà trước đây anh cho là rất xấu và đã khiến anh ghê tởm mình. Nhưng về sau, anh thấy rằng cả những người ở tít tận cấp trên cũng có những hành vi như vậy và họ không coi những hành vi đó là xấu, vì thế chẳng những anh thừa nhận hành vi trước đây của mình là tốt, mà anh còn quên bẵng chúng đi và không hề buồn phiền khi nhớ đến chúng.

Tốt nghiệp Trường Tư pháp với phẩm hàm bậc 10<sup>[32]</sup> và nhận

được tiền của bố cho để may sắm quần áo, Ivan I lyich đặt may chiếc áo dài ở hiệu của Sarmer<sup>[33]</sup> đeo ở dây đồng hồ một chiếc huy chương có khắc dòng chữ: *respice finem*<sup>[34]</sup> chia tay vị hoàng thân và thầy học, ăn uống với các bạn học ở tiệm ăn Đônôn<sup>[35]</sup> rồi mang theo chiếc va-li áo quần, áo dài, đồ cạo râu và trang sức, khăn choàng len, tất cả đều theo một mối do anh đặt may hoặc mua ở những cửa hàng sang trọng nhất, đi về tỉnh nhận chức phái viên đặc biệt của quan tổng trấn, một địa vị do bố anh kiếm cho.

Tại tỉnh lỵ, Ivan I lyich đã thu xếp ngay cho mình một hoàn cảnh sống nhẹ nhõm dễ chịu như hồi anh ở Trường tư pháp. Anh thừa hành công vụ, tấn tới trên bước hoạn lộ và đồng thời vẫn vui chơi một cách thoải mái và lịch sự. Thỉnh thoảng cấp trên phái anh xuống các huyện, anh xử sự đàng hoàng với cả cấp trên lẫn cấp dưới, hoàn thành các công việc được giao một cách chính xác và liêm khiết khiến anh không thể không lấy thế làm kiêu hãnh. Công việc anh được giao chủ yếu dính đến những người ly giáo<sup>[36]</sup>.

Tuy còn trẻ tuổi, và tính thích vui chơi thoải mái, vậy mà trong mọi công vụ anh tỏ ra cực kỳ dè dặt, giữ đúng nghi thức, thậm chí còn nghiêm khắc nữa. Nhưng trong quan hệ xã hội anh thường tỏ ra vui tính, hóm hỉnh, bao giờ cũng tốt bụng, lịch sự và là một *bon enfant*<sup>[37]</sup> như quan thầy và phu nhân của ông ta thường nói về anh. Anh đi lại nhà quan thầy như người nhà.

Tại tỉnh lỵ, nhà tư pháp ăn diện bảnh bao cũng có dan díu với một phu nhân. Cũng có một cô chuyên may trang phục phụ nữ, có những bữa chè chén với các vị sĩ quan phụ tá ngự tiền tới công cán và những chuyến xuống xóm “chị em” sau bữa ăn tối, có việc quy lụy quan thầy, thậm chí quy lụy cả bà vợ ông ta,

nhưng tất cả những việc đó đều mang màu sắc thanh lịch tao nhã, đến nỗi không thể dùng những lời lẽ xấu để nói về chúng, tất cả những việc đó phù hợp với một câu nói của người Pháp: *il faut que jeunesse se passe* [38] Mọi việc đều diễn ra với những bàn tay sạch sẽ, với những chiếc sơ-mi sạch sẽ, với những câu nói bằng tiếng Pháp và chủ yếu đều diễn ra trong giới thượng lưu, do đó được những người ở cấp trên tán thành.

Ivan I lyich làm việc như thế được năm năm, rồi có sự thay đổi trong công vụ. Những cơ quan tư pháp mới xuất hiện cần phải có những con người mới.

Và Ivan I lyich trở thành một con người mới đó.

Ivan I lyich được bổ nhiệm vào làm dự thẩm tại tòa án, anh chấp nhận điều đó, tuy phải chuyển sang một tỉnh khác và phải vứt bỏ những quan hệ đã được thiết lập, để gây dựng những quan hệ mới. Bạn bè góp tiền, tổ chức bữa tiệc mừng Ivan I lyich, tặng anh một hộp đựng thuốc lá bằng bạc và anh đi tới chỗ làm mới.

Khi làm dự thẩm ở tòa án, Ivan I lyich vẫn trang nhã và lịch thiệp như vậy, anh biết phân biệt những trách nhiệm công vụ với đời sống riêng tư và làm cho mọi người kính trọng mình giống như khi anh làm phái viên đặc biệt vậy. Bản thân công việc của người dự thẩm đối với Ivan I lyich còn hứng thú và hấp dẫn hơn nhiều so với công việc trước đây. Khi làm đặc phái viên, anh vận bộ lễ phục may ở hiệu Sarmer, ung dung đi ngang qua mặt những người đến kêu cầu hỏi hộp chờ được tiếp và những người có chức vụ đang phát ghen lên với anh, đi thẳng vào phòng làm việc của quan trên, ngồi uống nước trà, hút thuốc lá với quan. Nhưng số người trực tiếp lệ thuộc vào sự độc đoán của anh ít lắm. Khi được phái đi công cán thì những người đó chỉ là những viên cảnh sát trưởng hàng huyện và

những người ly giáo. Anh thích xử sự một cách lễ độ, hầu như thân ái với những người lệ thuộc mình. Anh thích tỏ cho họ biết rằng tuy có thể nghiền nát họ đấy, nhưng anh vẫn xử sự một cách giản dị, thân ái đối với họ. Lúc đó, những người như vậy ít lắm. Bây giờ, khi làm dự thẩm, Ivan I lyich cảm thấy rằng tất cả, không trừ một ai, những người quan trọng nhất, những kẻ tự đắc nhất, tất cả đều nằm trong tay anh và anh chỉ cần viết ít chữ nhất định lên một tờ giấy có tiêu ngữ in sẵn là người ta sẽ triệu con người quan trọng, tự đắc đó đến trình diện anh như là một bị cáo hoặc một nhân chứng và nếu như kẻ đó không muốn bị anh bỏ tù, sẽ phải đứng trước mặt anh mà trả lời các câu hỏi của anh. Ivan I lyich không bao giờ lạm dụng quyền hành của mình, ngược lại anh cố gắng giảm nhẹ biểu hiện của quyền hành. Nhưng ý thức về quyền hành đó và khả năng giảm nhẹ nó đi khiến anh đặc biệt hứng thú và say mê công việc mới của mình. Trong công việc điều tra, Ivan I lyich đã tiếp thu được rất nhanh cách tách mình ra khỏi mọi tình huống không liên quan đến công vụ, cách trình bày bất kỳ một sự việc phức tạp nhất nào bằng cách cái hình thức trong đó sự việc chỉ được phản ánh một cách bề ngoài trên giấy tờ, trong đó mọi quan điểm cá nhân của anh đã hoàn toàn bị gạt bỏ và cái chính là thủ tục giấy tờ đó được làm đúng theo yêu cầu. Đây là một công việc mới mẻ. Và trên thực tế, Ivan I lyich là một trong những người đầu tiên khởi thảo phần phụ lục cho những quy chế năm 1864.

Khi chuyển sang một thành phố khác để đảm nhận chức vụ dự thẩm, Ivan I lyich đã có những mối quen biết, quan hệ mới, biết đặt mình trong tình thế mới và có một giọng điệu hơi khác. Đối với chính quyền tỉnh, anh giữ một khoảng cách phải chăng, tuyển chọn một nhóm thượng lưu từ đám quan tòa và

quý tộc giàu có sống ở thành phố, giữ cái giọng bất bình nhẹ nhàng với chính phủ, thể hiện đầu óc tự do chủ nghĩa ôn hòa và tinh thần công dân văn minh, đồng thời trong cương vị mới, Ivan I lyich không hề thay đổi cách ăn mặc diêm dúa của mình, nhưng lại thôi không cạo râu nữa, mà để cho nó mọc sức mọc tự do.

Cuộc sống của Ivan I lyich ở thành phố mới cũng rất dễ chịu: Đám người chống đối quan tổng trấn sống hòa thuận và êm đẹp; lương bổng nhiều hơn và thêm vào đó còn có cái thú lớn là chơi bài uyx<sup>[39]</sup> mà anh mới tập. Anh có khả năng chơi bài một cách vui vẻ, nghĩ nhanh và rất tinh tế, cho nên nói chung bao giờ anh cũng được.

Sau hai năm làm việc ở thành phố mới, Ivan I lyich đã gặp gỡ người vợ tương lai của mình. Praskôvia Phêđôrôvna Mikhen là cô gái xuất sắc, thông minh, hấp dẫn nhất trong nhóm người mà Ivan I lyich thường giao du. Ivan I lyich xếp các quan hệ nhẹ nhõm vui vẻ của mình với Praskôvia Phêđôrôvna vào số các trò vui chơi giải trí sau các cuộc điều tra vất vả của người dự thẩm.

Khi là phái viên đặc biệt, nói chung Ivan I lyich còn khiêu vũ, lúc làm dự thẩm anh ít khi khiêu vũ. Anh chỉ khiêu vũ khi cần phải chứng tỏ rằng: Tuy làm việc ở các công sở mới và đã là viên chức bậc năm<sup>[40]</sup> nhưng về khoản khiêu vũ tôi vẫn có thể hơn những người khác. Bởi thế, thỉnh thoảng vào cuối các đêm vui anh khiêu vũ với Praskôvia Phêđôrôvna, và chủ yếu anh đã chinh phục được Praskôvia Phêđôrôvna trong những lần khiêu vũ đó, cô đem lòng yêu anh. Ivan I lyich không có ý định cưới vợ rõ rệt, nhưng khi cô gái yêu anh, anh tự hỏi lòng mình: “Ừ, tại sao mình lại không lấy vợ nhỉ?”

Praskôvia Phêđôrôvna là một cô gái khá đẹp thuộc dòng dõi

quý tộc lương thiện, cô có một gia tài nhỏ nhỏ. Ivan I lyich có thể nhắm một đám xuất sắc hơn, nhưng đây cũng là đám khá. Ivan I lyich có lương bổng, anh hy vọng rằng cô ta cũng có một khoản tương tự. Họ hàng bên vợ bề thế, còn cô ta là một thiếu nữ dễ thương, khá khinh và rất đoan trang. Bảo rằng Ivan I lyich cưới vợ vì yêu cô vợ chưa cưới của mình và thấy cô ta đồng tình với quan điểm sống của mình thì cũng không đúng, như khi nói rằng anh cưới vợ vì những người trong giới anh tán thành đám này. Ivan I lyich cưới vợ vì cả hai lẽ: anh làm cái việc dễ chịu đối với mình là kiếm được cô vợ như thế, và đồng thời anh làm cái điều mà những người ở cấp trên coi là đúng đắn.

Và thế là Ivan I lyich cưới vợ.

Bản thân việc cưới xin, tuần trăng mật của đôi vợ chồng trẻ với những sự âu yếm vuốt ve, việc sắm sanh đồ đạc mới, bát đĩa mới, áo quần mới, trước khi vợ anh có mang, đều đã diễn ra rất tốt đẹp, vì thế Ivan I lyich đã bắt đầu nghĩ rằng việc cưới vợ chẳng những không phá vỡ, mà còn làm cho cuộc sống thoải mái dễ chịu, vui tươi, bao giờ cũng lịch thiệp và được giới xã giao đồng tình của anh càng thêm ý vị, vì những tính chất đó anh coi là đặc trưng của cuộc sống nói chung. Nhưng từ những tháng đầu tiên vợ anh có mang đã xuất hiện một điều gì đó mới mẻ, bất ngờ, khó chịu, nặng nề và không lịch thiệp, điều anh không ngờ tới và không có cách nào tránh được.

Ivan I lyich tưởng như *de gaité de coeur*<sup>[41]</sup> vợ anh đã phá hoại cuộc sống dễ chịu và lịch sự của anh một cách vô cố, cô ta ghen bóng ghen gió, đòi hỏi anh phải săn sóc cô ta, sinh sự đủ mọi chuyện và gây ra những cảnh khó chịu, thô bỉ.

Thoạt đầu, Ivan I lyich hy vọng thoát ra khỏi tình trạng khó chịu đó bằng chính cái thái độ lịch thiệp thoải mái đối với cuộc sống, là thái độ trước đây đã cứu giúp anh. Anh thử bỏ qua coi



như không biết tới tâm trạng của vợ, tiếp tục sống một cách thoải mái và dễ chịu như trước, mời bạn đến chơi nhà đánh bài, tự mình đi đến câu lạc bộ hoặc đến chơi bè bạn. Nhưng một lần, vợ anh bắt đầu mắng nhiếc anh một cách gay gắt bằng những lời lẽ thô tục, và rồi cô ta tiếp tục mắng nhiếc anh một cách dai dẳng, đến nỗi khi anh không thực hiện những yêu cầu của cô ta, rõ ràng cô ta đã quyết định một cách cứng rắn là sẽ không ngừng mắng nhiếc cho tới khi nào anh chịu khuất phục, nghĩa là cho tới khi anh phải ngồi nhà và cũng buồn thiu buồn thiu như cô ta. Điều này làm cho Ivan I lyich khiếp sợ. Anh hiểu rằng cuộc sống lứa đôi - ít ra là với vợ anh - không phải bao giờ cũng làm tăng thêm vẻ lịch thiệp và những thú vị trong cuộc sống, mà ngược lại nó thường hủy hoại những cái đó và vì thế cần phải che chở cho mình khỏi những sự hủy hoại đó. Ivan I lyich bắt đầu tìm tòi các phương cách để làm việc đó. Công vụ là điều mà Praskôvia Phêđrôvna phải coi trọng. Ivan I lyich đã dùng công vụ và những chức trách của mình để đấu tranh với vợ, nhằm ngăn riêng cái thế giới độc lập của mình ra.

Với sự ra đời của đứa con đầu lòng cùng những cố gắng để chăm bẵm nó và những thất bại đủ loại trong việc này, với những bệnh thực và bệnh tưởng của đứa trẻ và của vợ mà anh buộc lòng phải tham gia, dù anh chẳng hiểu mô tê gì cả, Ivan I lyich mới cảm thấy cái nhu cầu ngăn cách thế giới của mình với gia đình ngày càng trở nên khẩn thiết.

Vợ anh càng trở nên bản gắt và sách nhiễu hơn, Ivan I lyich càng dồn hết tâm trí vào công vụ. Anh đâm ra yêu công vụ hơn và đâm ra hám danh hơn trước.

Chẳng bao lâu, không quá một năm sau khi cưới vợ, Ivan I lyich hiểu rằng cuộc sống lứa đôi tuy có tạo ra một vài thuận tiện nào đấy, thực chất là một công việc rất phức tạp và nặng

nề. Để làm tròn phận sự của mình, nghĩa là duy trì một cuộc sống lịch sự được giới xã giao tán đồng, cần phải đề ra một thái độ nhất định đối với cuộc sống lứa đôi cũng như đối với công vụ vậy.

Và Ivan I lyich đã đề ra cho mình một thái độ với cuộc sống lứa đôi. Anh chỉ đòi hỏi ở cuộc sống gia đình là làm sao có đủ những tiện nghi về việc ăn uống, có đủ giường chiếu, và có người trông nom nhà cửa là những thứ mà cuộc sống đó có thể đem lại cho anh, và cái chính là anh chỉ đòi hỏi những hình thức lịch sự bề ngoài mà dư luận xã hội đã quy định. Còn ngoài ra, anh tìm niềm vui thú và nếu tìm được, anh rất hàm ơn, nếu gặp sự phản đối hay càu nhàu, anh tức thời đi ngay vào thế giới riêng biệt, cái thế giới công vụ của mình và tìm thấy thích thú ở đó.

Người ta đánh giá Ivan I lyich là một viên chức tốt và sau ba năm, anh đã được thăng lên phó biện lý. Những trách nhiệm quan trọng mới, khả năng đưa ra tòa hoặc bỏ tù bất kỳ ai, những diễn văn trước công chúng, sự thành đạt, tất cả những cái đó càng thêm lôi cuốn Ivan I lyich vào công vụ.

Họ có vài đứa con. Bà vợ càng trở nên càu nhàu càu nhàu và hay cáu gắt hơn. Nhưng do đã sẵn có thái độ đối với cuộc sống gia đình, nên hầu như Ivan I lyich đứng đưng không để tâm gì đến tính càu nhàu của vợ.

Sau bảy năm làm việc ở tỉnh ly, Ivan I lyich được chuyển chuyển làm biện lý ở một tỉnh khác. Họ phải chuyển chuyển, tiền thì ít, và bà vợ lại không thích nơi mới. Tiền lương tuy có hơn trước một chút, nhưng cuộc sống đắt đỏ hơn; thêm vào đó là có chuyện hai đứa con bị chết. Vì thế cuộc sống gia đình càng trở nên khó chịu hơn đối với Ivan I lyich.

Đến nơi ở mới, cứ mỗi khi gặp khó khăn Praskôvia

Phêđôrôvna lại trách móc chồng. Phần nhiều những cuộc trò chuyện của hai vợ chồng, đặc biệt là về việc giáo dục con cái, thường dẫn tới những vấn đề khiến họ nhớ lại những cuộc cãi cọ, và những cuộc cãi cọ sẵn sàng bùng ra bất cứ lúc nào. Những thời kỳ vợ chồng âu yếm nhau trở nên hiếm hoi và ngắn ngủi. Đó là những hòn đảo nhỏ mà họ tạm thời cập bến, nhưng sau đó họ lại buông mình vào biển hận thù ngấm ngấm thể hiện trong việc họ lánh xa nhau. Lẽ ra sự xa lánh đó đã có thể khiến Ivan I lyich phiền lòng nếu như ông coi đó là điều không nên, nhưng giờ đây chẳng những ông xem tình trạng này là bình thường, mà còn coi đó là mục đích hoạt động của mình trong gia đình. Mục đích của ông là cốt sao ngày càng được giải thoát nhiều hơn khỏi những sự khó chịu đó, làm cho chúng trở nên vô hại và giữ được vẻ lịch sự. Ông đã đạt được mục đích đó bằng cách ngày càng ít ở nhà với gia đình và khi bắt buộc phải ở nhà, ông cố gắng giữ vững tư thế của ông bằng cách mời bạn bè đến chơi. Cái chính là Ivan I lyich có công vụ của mình. Tất cả hứng thú của đời ông đều tập trung vào thế giới công vụ. Hứng thú đó choán hết tâm trí ông. Ông sung sướng khi nghĩ tới quyền hành của mình, tới khả năng hãm hại bất kỳ người nào ông muốn hãm hại, tới vẻ đường bệ của mình, dù là vẻ đường bệ bề ngoài đi chăng nữa, khi ông bước vào tòa án và gặp gỡ các thuộc hạ, tới sự thành đạt của mình trước quan trên và các thuộc hạ và cái chính là khi ông nghĩ tới nghệ thuật tiến hành công việc của mình. Cùng với những niềm vui đó, những cuộc trò chuyện với bè bạn, những bữa ăn và những ván bài uyxto đã choán hết cả đời ông. Thành thử nói chung cuộc sống của Ivan I lyich tiếp tục trôi đi theo đúng như ý ông muốn: dễ chịu và lịch thiệp.

Ông sống như thế thêm bảy năm nữa. Con gái đầu lòng của

ông đã mười sáu tuổi, thêm một đứa con nhỏ nữa chết, còn lại chú bé học sinh trung học, đầu mối của sự bất hòa. Ivan I lyich muốn đưa nó vào trường Tư pháp, còn Praskôvia Phêđôrôvna để trêu tức ông, đã đưa nó vào trường trung học. Cô con gái học ở nhà và tấn tới. Cậu con trai học cũng không xoàng.

Cuộc đời của Ivan I lyich đã trôi đi như thế suốt mười bảy năm kể từ khi lấy vợ. Ông đã là một biện lý già, từng từ chối một vài lần thuyên chuyển để chờ đợi một chỗ đáng mong ước hơn, thì bất ngờ xảy ra một tình huống khó chịu suýt nữa phá tan cuộc sống yên tĩnh của ông. Ivan I lyich chờ được bổ nhiệm chức chánh án trong một thành phố có trường đại học tổng hợp, nhưng bằng cách nào đó Gôpe đã chạy trước ông và nhận được chức đó. Ivan I lyich bực tức, trách móc, cãi nhau với Gôpe và với cấp trên trực thuộc. Người ta bắt đầu lạnh nhạt với ông và trong lần bổ nhiệm sau, người ta lại bỏ qua không để ý đến ông.

Đó là năm 1880, năm nặng nề nhất trong cuộc đời Ivan I lyich. Trong năm đó, một mặt tiền lương không đủ sống, mặt khác mọi người đã quên ông và cái mà ông tưởng như là điều bất công lớn nhất, tàn nhẫn nhất đối với ông, thì những người khác lại coi là việc hoàn toàn bình thường. Thậm chí cụ thân sinh ra ông cũng không thấy mình có trách nhiệm phải giúp đỡ con. Ông cảm thấy mọi người bỏ rơi ông, coi việc ông sống với tiền lương đồng niên ba nghìn năm trăm rúp là tình trạng bình thường nhất, thậm chí sung sướng nữa. Chỉ có một mình ông biết rằng tình trạng của ông đâu có phải là bình thường: ông nhận rõ những bất công phải chịu đựng, sự đay nghiến dai dẳng của bà vợ, những khoản nợ nần do sống quá khả năng cho phép.

Mùa hè năm đó, để giảm nhẹ chi tiêu, ông xin nghỉ phép và cùng với vợ về sống ở làng quê của ông anh vợ.

Sống ở làng quê không làm việc, lần đầu tiên Ivan I lyich

cảm thấy không những chán ngán, mà còn buồn không sao chịu nổi và ông quyết định không thể sống như thế, nhất thiết phải có những biện pháp kiên quyết nào đó.

Sau một đêm thức trắng đi đi lại lại ngoài hiên, Ivan I lyich quyết định đi Peterburg để chạy vạy làm sao tìm được cách trừng phạt chúng, những kẻ đã không biết đánh giá ông và xin chuyển sang làm ở một bộ khác.

Hôm sau, mặc mọi lời can ngăn của vợ và anh vợ, ông đi Peterburg.

Ông ra đi với một mục đích: xin một chỗ làm với số tiền lương là năm nghìn rúp. Ông cũng chẳng quan tâm đó là bộ nào, hoạt động loại gì và thuộc khuynh hướng nào. Ông chỉ cần có một chỗ làm việc với tiền lương năm nghìn, làm trong ngạch hành chính, ở nhà băng, trong ngành đường sắt, trong các công sở của nữ hoàng Maria<sup>[42]</sup> thậm chí trong ngành thuế quan cũng được, nhưng nhất thiết phải được năm nghìn và nhất thiết phải ra khỏi cái bộ mà người ta đã không biết đánh giá ông cho đúng.

Chuyến đi đó của Ivan I lyich đã thành công một cách bất ngờ lạ lùng. Một người quen của ông, Ph.X.Ilin, trên toa xe lửa hạng nhất tại Kurxkơ đã thông báo cho ông biết bức điện sốt dẻo do tổng trấn tỉnh này mới nhận được nói về sự đảo lộn xảy ra mới đây ở trong bộ: Người ta đã bổ nhiệm Ivan Xêmiônôvích thay thế Piốt Ivanôvích.

Ngoài ý nghĩa của nó đối với nước Nga, sự biến đổi mà người ta đã dự đoán đó có một ý nghĩa đặc biệt đối với Ivan I lyich ở chỗ nó đề bạt một nhân vật mới là Piốt Pêtrôvích và hiển nhiên cả bạn ông là Dakhar Ivanôvích nữa. Ivan I lyich hết sức vui mừng vì Dakhar Ivanôvích là bạn và đồng nghiệp của ông.

Tin đó đã được khẳng định là đúng ở Mátxcova. Tới Peterburg, Ivan I lyich tìm gặp Dakhar Ivanôvich và được bạn hứa hẹn là sẽ để ông giữ một chức vụ chắc chắn trong bộ Tư pháp trước đây của ông.

Một tuần sau ông đánh điện cho vợ: Dakhar thay chân Miler, anh sẽ được bổ nhiệm trong bản tường trình đầu tiên<sup>[43]</sup>.

Nhờ có sự thay đổi nhân sự này, Ivan I lyich bất ngờ đã được bổ nhiệm vào một chức vụ khiến ông đứng cao hơn các bạn đồng nghiệp hai bậc: Năm nghìn tiền lương và ba nghìn rưỡi tiền phụ cấp di chuyển. Ivan I lyich rất sung sướng, quên hết mọi bực tức đối với tất cả bộ và những kẻ thù trước đây của mình.

Ivan I lyich trở về làng quê vui vẻ, hài lòng, điều lâu nay ít thấy. Praskôvia Phêđôrôvna cũng tỏ ra vui vẻ và giữa họ đã có sự hòa hoãn. Ivan I lyich kể chuyện cho biết ở Peterburg tất cả mọi người đã ăn mừng ông như thế nào, tất cả những người trước đây là kẻ thù của ông đã xấu hổ và giờ đây quy lụy trước mặt ông ra làm sao, người ta thêm muốn địa vị của ông như thế nào, đặc biệt là ở Peterburg mọi người tha thiết yêu mến ông ra sao.

Praskôvia Phêđôrôvna lắng nghe chồng nói tất cả những chuyện đó và làm ra vẻ tin là thực, không nói dậm ngang, mà chỉ vạch ra những kế hoạch để sắp xếp cuộc sống mới tại thành phố mà họ sẽ chuyển tới. Ivan I lyich sung sướng thấy những kế hoạch này chính là kế hoạch của ông, tưởng vợ chồng đã nhất trí với nhau và cuộc sống bế tắc của ông lại có được niềm vui thú và vẻ lịch thiệp thật sự tiêu biểu cho nó.

Ivan I lyich về nhà được một thời gian ngắn. Ông phải nhậm chức vào ngày 10 tháng Chín, ngoài ra cũng phải có thời giờ để

thu xếp ở nơi làm việc mới, vận chuyển các thứ ở tỉnh lẻ về, mua sắm, đặt làm nhiều thứ khác nữa. Tóm lại, ông còn phải thu xếp theo đúng như sự tính toán trong đầu óc ông và hầu như cũng theo đúng như sự tính toán trong lòng Praskôvia Phêđrôvna.

Giờ đây, khi mọi việc đã được thu xếp tốt đẹp, và khi hai vợ chồng nhất trí với nhau về mục đích, hơn nữa, khi họ ít sống cùng với nhau, họ lại đâm ra hòa thuận như họ chưa từng hòa thuận từ ngày mới cưới đến giờ. Ivan I lyich định chuyển gia đình đi ngay, nhưng bà chị vợ và ông anh rể - bỗng trở nên đặc biệt dễ mến và thân thiết đối với Ivan I lyich và gia đình ông - cứ khẩn khoản giữ vợ ông lại, vì thế Ivan I lyich đã ra đi một mình.

Ivan I lyich ra đi, trong lòng luôn luôn cảm thấy phấn chấn vui vẻ vì sự thành đạt mới và vì sự giải hòa với vợ. Ông tìm được căn nhà ở tuyệt vời mà hai vợ chồng hằng ao ước. Những phòng tiếp khách cao ráo rộng rãi theo kiểu cổ, phòng làm việc bề thế tiện nghi, các phòng dành cho vợ và con gái, phòng học cho cậu con trai, cứ như thể người ta cố ý xây dựng nhà dành riêng cho họ. Ivan I lyich trực tiếp bắt tay vào việc bài trí ngôi nhà, ông lựa chọn giấy lót tường, vải bọc lót, mua sắm đồ gỗ, đặc biệt là đồ gỗ cổ, vì ông cho là nó mang phong cách tao nhã đặc biệt. Tất cả cứ phát triển dần lên và đạt tới mức lý tưởng mà ông dự định. Mới tiến hành được một nửa, việc bài trí đã vượt qua sự mong đợi của ông. Ông hiểu rằng khi mọi việc xong xuôi, căn nhà sẽ không tầm thường mà mang vẻ tao nhã lịch sự. Ông nằm lơ mơ, hình dung căn phòng lớn sau này sẽ như thế nào. Nhìn phòng khách còn chưa bài trí xong, ông đã thấy nào lò sưởi, màn che, giá sách, những chiếc ghế tựa nhỏ để rải rác, những chiếc đĩa sứ treo trên tường và các đồ trang trí bằng



đồng. Ông sung sướng nghĩ rằng mình sẽ làm cho vợ và con gái ngạc nhiên, vợ con ông vốn cũng là người sành sỏi về thẩm mỹ. Họ cũng sẽ không ngờ được như thế. Đặc biệt là ông đã tìm mua rẻ được nhiều đồ cổ, những thứ này làm cho toàn bộ sự bài trí có tính chất cao quý. Để làm cho vợ con ngạc nhiên, trong thư ông cố ý miêu tả ngôi nhà xoàng xĩnh hơn trên thực tế. Mọi việc đã lôi cuốn ông đến nỗi một người say mê công việc như ông lại đâm ra ít quan tâm đến công vụ mới, đây là điều ông không ngờ tới. Lúc hội họp, ông có những giây phút đãng trí: ông mãi suy nghĩ không biết mình sẽ làm thanh lao treo rèm cửa thẳng hay cong. Ông say sưa đến mức thường tự mình bắt tay vào việc, thậm chí ông kê lại đồ gỗ và tự mình treo rèm cửa sổ. Một lần ông trèo lên chiếc thang nhỏ để chỉ dẫn cho người thợ bọc lót đồ gỗ hiểu ý ông muốn làm như thế nào, ông bị trượt chân và ngã, nhưng vì vốn là người khỏe mạnh và nhanh nhẹn, ông đã đứng vững được, chỉ bị va cạnh sườn vào cạnh một chiếc khung gỗ. Chỗ chấn thương gây đau, nhưng mau khỏi. Trong thời gian đó, Ivan I lyich cảm thấy đặc biệt vui vẻ và khỏe khoắn. Ông viết thư cho vợ: anh cảm thấy mình trẻ lại đến mười lăm tuổi. Ông tưởng tới tháng Chín sẽ xếp sắp xong nhà cửa, nhưng công việc kéo dài mãi đến giữa tháng Mười. Bù lại, căn nhà đã được bài trí một cách tuyệt vời, không phải chỉ mình ông, mà tất cả những ai được thấy ngôi nhà cũng đều nói với ông như thế.

Những kẻ không giàu lắm cứ thích học đòi bắt chước những người giàu có và bởi thế những kẻ học đòi này lại đâm ra giống nhau: Nào vải bọc lót đồ gỗ, đồ đạc bằng gỗ mun, hoa hoét, nào thảm, nào đồ trang trí bằng đồng, nào thứ màu thẫm, nào thứ màu rực rỡ - nghĩa là đủ mọi thứ mà tất cả những người thuộc một hạng nào đó cố bày biện cho giống với tất cả những người

thuộc hạng mình. Ngôi nhà của Ivan I lyich cũng được bài trí giống như thế, khiến cho người ta thậm chí không hề chú ý tới, nhưng ông ta cứ tưởng ngôi nhà của mình đặc biệt lắm. Ông ra ga đón vợ con, đưa họ về ngôi nhà mình đã sửa soạn sẵn, đèn nến sáng choang, anh đẩy tới thắt chiếc cà vạt trắng mở rộng cửa mời họ vào phòng ngoài đầy hoa, tiếp đó họ bước vào phòng khách, phòng làm việc, và vợ con hết ồ lại à vẻ khoái trá, - Ivan I lyich rất sung sướng, dẫn vợ con đi khắp các phòng, uống từng lời khen của họ và mặt mũi rạng rỡ lên vì thỏa mãn. Ngay chiều tối hôm đó, sau khi uống trà, Praskôvia Phêđôrôvna nhân tiện hỏi xem ông đã bị ngã như thế nào, ông cả cười và dùng nét mặt mô tả cho họ thấy ông đã bay vút xuống và làm cho anh thợ bọc lót hú vía ra sao.

- Anh đã không uống công tập thể dục. Người khác thì cứ gọi là tan xác, còn anh chỉ bị đập nhẹ vào đây. Khi động vào thì thấy đau, nhưng đã khỏi rồi, còn tím tí chút thôi.

Và họ bắt đầu sống trong căn nhà mới, là nơi, theo thói thường, khi người ta đã thích nghi với cuộc sống đầy đủ, họ thấy thiếu mất một phòng, và với những bồng lộc mới, mà theo thói thường, họ thấy hơi thiếu một chút - khoảng độ năm trăm rúp - và họ tỏ ra rất sung sướng. Thời gian đầu, họ đặc biệt sung sướng, lúc mọi việc chưa sắp xếp xong và còn phải tiếp tục sắp xếp: Nào đặt làm, nào mua sắm, lúc kê dọn lại chỗ này, khi sửa sang lại chỗ kia. Tuy giữa hai vợ chồng có đôi điều bất đồng, nhưng cả hai đều đặc ý, và vì còn nhiều việc phải làm nên rốt cuộc không có những cuộc cãi cọ lớn. Khi chả còn việc gì để sắp xếp nữa, họ bắt đầu thấy hơi chán và cảm thấy thiếu một cái gì đó; nhưng bây giờ họ đã có những mối giao du mới, những thói quen mới rồi, cho nên cuộc sống vẫn không hề trống trải.

Buổi sáng, Ivan I lyich làm việc ở tòa án, ông trở về nhà ăn bữa trưa và thời gian đầu ông cảm thấy tinh thần phấn chấn, tuy đã hơi bực mình về chuyện nhà ở (bất cứ một vết bẩn nào trên khăn trải bàn, trên vải bọc đồ gỗ, bất cứ một dây buộc rèm cửa nào bị buột ra đều khiến ông nổi cáu! Ông đã để biết bao công sức vào việc bài trí, cho nên bất kỳ sự xộc xệch nào đều khiến ông đau lòng).

Nhưng nói chung, cuộc sống của Ivan I lyich đã diễn ra đúng như ông mong ước: Thoải mái, dễ chịu và lịch sự. Ông dậy lúc chín giờ, uống cà-phê, đọc báo, sau đó ông mặc lễ phục vào, rồi đi đến tòa án. Ở đó, ông rơi ngay vào ách nặng của công việc: Những người đến kêu cầu, những bản điều tra, công việc văn thư, các phiên tòa xét xử công khai hoặc những cuộc hội họp mà ông phải chủ trì. Trong tất cả những công việc này, cần phải biết loại trừ tất cả những gì sống sượng, dính dáng đến cuộc sống, cứ luôn luôn làm đảo lộn công việc xuôi chiều đúng đắn của công vụ: Không được chấp nhận một quan hệ nào với con người, ngoài quan hệ trong công vụ, và mọi lý do quan hệ phải là lý do có tính chất công vụ, và bản thân các quan hệ cũng chỉ được mang tính chất công vụ mà thôi. Chẳng hạn, có một người đến và mong muốn tìm hiểu điều gì đó, Ivan I lyich làm như là một người không có chức vụ và không thể có quan hệ gì với người đó, nhưng nếu như con người đó có quan hệ chẳng hạn như với một vị ủy viên, tức là cái quan hệ có thể được diễn đạt trên giấy tờ với tiêu ngữ in sẵn, thì Ivan I lyich dứt khoát sẽ làm mọi việc có thể làm được trong khuôn khổ của những quan hệ đó, đồng thời vẫn giữ được một cái gì giống như quan hệ bè bạn giữa con người với nhau, nghĩa là vẫn giữ được sự lễ độ. Một khi quan hệ sự vụ chấm dứt, mọi quan hệ khác cũng chấm dứt, Ivan I lyich đã biết cách phân biệt rành rọt phương diện

công vụ, không xáo trộn nó với cuộc sống thật sự của mình. Do thực tiễn làm việc lâu năm và do tài năng ông đã đưa cách thức đó của mình đạt tới mức độ cao, thậm chí với tư cách là một người lão luyện trong nghề, đôi khi ông đã cho phép mình, tựa hồ như để đùa chơi, xáo trộn quan hệ công vụ và quan hệ tình người. Ông cho phép mình làm như vậy vì ông cảm thấy bao giờ mình cũng có đủ sức mạnh để khi cần thiết lại tách riêng quan hệ công vụ ra và vứt bỏ quan hệ tình người đi. Ivan I lyich tiến hành công việc một cách không những nhẹ nhõm dễ chịu và lịch thiệp mà thậm chí còn điều luyện nữa. Vào giờ nghỉ giữa chừng, - ông hút thuốc lá, uống nước trà, trò chuyện chút ít về chính trị, chút ít về những việc chung, chút ít về các ván bài và nói nhiều hơn hết tới các việc bổ nhiệm. Ông trở về nhà, mệt mỏi, nhưng với cảm giác của một tay đàn điều luyện đã làm nổi bật cây vĩ cầm hạng nhất của mình giữa cả dàn nhạc, về nhà ông thấy vợ và con gái đi chơi đầu đó hoặc đang tiếp khách, còn cậu con trai học trung học đang chuẩn bị bài cùng với các thầy dạy kèm và chăm chỉ học những điều người ta dạy nó ở trường trung học. Mọi việc đều tốt đẹp. Sau bữa ăn trưa, nếu như không có khách, đôi khi Ivan I lyich đọc cuốn sách mà nhiều người nói tới và buổi chiều ông ngồi làm việc, nghĩa là đọc giấy tờ, tra cứu luật pháp, đối chiếu những lời khai và dùng luật xem xét chúng. Ông làm việc đó chẳng buồn chán, cũng chẳng vui thích. Nếu buồn chán, thì có thể bỏ đi chơi bài uyxto, nhưng nếu như không chơi bài được, thì dù sao làm việc thế vẫn cứ tốt hơn là ngồi một mình hoặc ngồi với vợ. Ivan I lyich thỏa mãn vì những bữa ăn nho nhỏ trong đó ông mời các bậc nam nữ tai mắt trong giới thượng lưu. Cách tiêu phí thì giờ của ông cũng giống như cách giết thì giờ của những người này và phòng khách của ông cũng giống hệt như phòng khách của họ vậy.

Thậm chí có buổi tối họ tổ chức khiêu vũ tại nhà ông. Ivan I lyich vui vẻ, mọi việc đều tốt đẹp, trừ cuộc cãi cọ lớn giữa ông với vợ về chuyện bánh ga-tô và kẹo: Praskôvia Phêđôrôvna đã có kế hoạch riêng của mình, nhưng Ivan I lyich cứ khẩn khoản đòi mua tất cả ở một cửa hàng bánh kẹo đắt tiền và đã đặt nhiều bánh ga-tô. Họ cãi nhau vì bánh ga-tô còn thừa và tiền trả cho cửa hàng bánh kẹo lên tới bốn mươi lăm rúp. Cuộc cãi cọ lớn và khó chịu đến nỗi Praskôvia Phêđôrôvna bảo ông: “Đồ ngu, cái gì cũng kêu ca”. Còn ông đưa tay ôm lấy đầu và hằm hằm nói đến chuyện ly dị. Nhưng tối khiêu vũ đó vui vẻ. Giới thượng lưu tới dự và Ivan I lyich nhảy với nữ công tước Tơrưphônôva, chị em với người đàn bà nổi tiếng vì đã lập ra hội “Hãy giải phiền cho tôi”<sup>[44]</sup>. Niềm vui trong công vụ là niềm vui của lòng tự ái, niềm vui trong giới xã giao là niềm vui của hư danh, nhưng niềm vui thật sự của Ivan I lyich là được chơi bài uyxtơ. Ông thú nhận rằng sau tất cả mọi chuyện, sau những biến cố dù chẳng vui vẻ gì trong đời ông, niềm vui lóe sáng như ngọn nến đối với ông là được ngồi chơi bài uyxtơ với những tay chơi biết điều, ít lời và nhất định là phải chơi tay tư (chơi tay năm thế nào ấy, rất khó chịu tuy ông làm ra vẻ cũng thích chơi), chơi ván bài thông minh, nghiêm túc, sau đó ăn bữa tối và uống một cốc rượu vang. Sau khi chơi bài, đặc biệt là khi ông được một chút (được nhiều ông lại khó chịu) Ivan I lyich đi nằm, lòng khoan khoái đặc biệt.

Họ đã sống như thế. Giới xã giao gồm những loại tinh hoa, cả những vị tai mắt lẫn đám trẻ, lui tới nhà ông. Về phương diện chọn người để giao du, cả hai vợ chồng và cô con gái đều hoàn toàn nhất trí, và tuy không bảo nhau, họ đều gạt bỏ bất kỳ loại bạn bè, họ hàng và những người lem luốc nào dám trù mến lao tới phòng khách tường treo đầy những đĩa sứ Nhật Bản

của họ. Chẳng bao lâu, những bạn bè lem luốc đó thôi không lai vãng tới chỗ họ nữa và chỉ còn độc giới thượng lưu lui tới gia đình Gôlôvin. Đám thanh niên ve vãn Êlidavêta, và Pêtrơrisér con trai của Đmitơri Ivanôvích Pêtrơrisér, người thừa kế duy nhất gia sản của ông bố, làm dự thẩm, bắt đầu theo đuổi Êlidavêta tới mức Ivan I lyich đã nói về chuyện đó với Praskôvia Phêđrôvna: Có nên đưa chúng nó đi dạo chơi bằng xe tam mã hay là thu xếp cho chúng nó đi xem kịch không. Họ đã sống như thế. Và mọi việc đã trôi qua như thế, không thay đổi, tất cả đều rất tốt đẹp.

Mọi người đều khỏe mạnh. Đôi khi Ivan I lyich nói rằng ông thấy trong miệng có một vị gì lạ và ở mé bụng bên trái của ông có cái gì không ổn, nhưng không thể gọi đó là đau yếu được.

Nhưng rồi sự bất ổn đó ngày càng tăng thêm và tuy chưa chuyển thành đau, nhưng Ivan I lyich cứ cảm thấy mạng sườn của mình luôn nặng nặng và tâm thần ông kém phấn chấn. Tâm thần ông cứ ngày càng kém phấn chấn, do đó ảnh hưởng đến cuộc sống dễ chịu, thoải mái và lịch thiệp đã hình thành trong gia đình Gôlôvin. Vợ chồng cãi nhau luôn, cuộc sống của họ mất ngay sự thoải mái dễ chịu, và khó khăn lắm mới còn giữ được vẻ lịch thiệp, cảnh xô xát lại diễn ra dồn dập. Chỉ còn lại ít những hòn đảo nhỏ, trên đó hai vợ chồng có thể hòa hợp không bùng nổ.

Và bây giờ Praskôvia Phêđôrôvna nói không phải không có cơ sở rằng tính nết của chồng bà rất khó chịu. Vốn quen nói ngoa, bà nói rằng tính nết ông lúc nào cũng kinh khủng như vậy, rằng bà phải tốt bụng lắm mới chịu đựng nổi tính nết đó suốt hai mươi năm nay. Bây giờ quả thật những cuộc cãi cọ bắt đầu từ ông. Bao giờ ông cũng bắt đầu bởi móc trước bữa ăn trưa và thường thường ông làm việc đó vào lúc bắt đầu ăn súp. Khi thì ông nhận xét rằng bát đĩa rửa chưa sạch, khi thì món ăn không ra gì, khi thì ông trách móc cậu con trai chống cùi tay lên bàn<sup>[45]</sup>, khi thì ông chê kiểu chải đầu của cô con gái. Và ông quy tội cho Praskôvia Phêđôrôvna về tất cả những chuyện đó. Thoạt đầu bà phản đối và nặng lời với ông, nhưng đã hai lần trước khi ăn trưa, ông nổi khùng lên, đến nỗi bà hiểu rằng đây là bệnh trạng do việc tiêu hóa của ông gây ra, cho nên bà đấu

dụ, không phản đối ông nữa, mà chỉ ăn nhanh lên cho xong. Praskôvia Phêđôrôvna cho rằng mình rất có công trong việc đấu dụ. Cho rằng chồng mình tính tình khùng khiếp và làm cho đời mình bất hạnh, bà đâm ra thương thân. Và càng thương hại bản thân mình bao nhiêu, bà càng căm ghét chồng bấy nhiêu. Bà bắt đầu mong cho ông chết, nhưng bà không dám cầu mong như thế, bởi vì lúc ấy sẽ không còn tiền lương. Điều đó càng làm cho bà chống lại ông một cách tức bực hơn. Bà coi mình là một kẻ cực kỳ bất hạnh, chính ở chỗ ngay đến cái chết của ông cũng không thể cứu được bà, bà bực tức, giấu giếm sự bực tức đó, và sự bực tức ngấm ngấm này của bà càng làm tăng thêm sự bực tức của ông.

Sau một trận cãi nhau trong đó Ivan I lyich tỏ ra đặc biệt bất công, và khi hai người phân bua với nhau, ông nói rằng đúng là ông có tức bực, nhưng đó là do bệnh hoạn, bà bèn bảo ông nếu như ông ốm thì phải điều trị và yêu cầu ông đến nhà một bác sĩ nổi tiếng để khám.

Ông đi khám bệnh. Mọi việc diễn ra đúng như ông chờ đợi, tất cả diễn ra đúng như lệ thường. Nào cảnh đợi chờ, nào vẻ bề vệ giả tạo của bác sĩ, vẻ bề vệ quen thuộc mà ông từng thấy ở mình tại tòa án, nào gõ gõ, nghe nghe, nào những câu hỏi yêu cầu những câu trả lời đã định sẵn và hiển nhiên là không cần thiết, nào là vẻ trang trọng như có ý bảo cho anh biết rằng anh cứ việc phó thác mình cho chúng tôi, rồi chúng tôi sẽ thu xếp đâu vào đấy, mọi người đều biết và tin rằng chúng tôi có thể thu xếp mọi việc đâu vào đấy, bất kỳ đối với người nào chúng tôi đều chỉ có một cách thức duy nhất thôi. Mọi việc đã diễn ra đúng y như ở tòa án. Ở tòa án ông giữ bộ mặt như thế nào với các bị cáo, thì ở đây, các bác sĩ nổi tiếng cũng giữ vẻ mặt như vậy đối với ông.



Vị bác sĩ nói rằng, cái này và cái nọ chúng tỏ rằng trong người ông có chuyện này và chuyện nọ, nhưng nếu như việc nghiên cứu không khẳng định cái này và cái nọ ấy, thì phải giả định rằng ông bị bệnh nọ và bệnh kia. Nếu như cho rằng ông bị thể này thì lúc đó, ... Đối với Ivan I lyich, chỉ có mỗi một câu hỏi là quan trọng: Tình trạng của ông có nguy hiểm hay không? Nhưng vị bác sĩ không đếm xỉa gì đến câu hỏi không đúng chỗ đó. Theo quan điểm của bác sĩ đó là một câu hỏi phù phiếm và không đáng bàn cãi. Chỉ còn có việc cân nhắc các khả năng: Thận di động, viêm chảy mãn tính, và bệnh manh tràng. Không có vấn đề về sự sống chết của Ivan I lyich, chỉ có sự tranh cãi giữa thận di động và manh tràng. Và vị bác sĩ giải quyết một cách xuất sắc cuộc tranh cãi đó ngay trước mặt Ivan I lyich; ông thiên về bệnh manh tràng và rào đón thêm rằng nếu như việc thử nước tiểu đưa ra những chứng cứ mới, thì lúc ấy vấn đề sẽ được xem xét lại. Chính bản thân Ivan I lyich cũng đã giải quyết một cách xuất sắc đúng như vậy hàng nghìn lần đối với các bị cáo. Vị bác sĩ cũng đắc ý, vui vẻ đưa ra lời nhận xét tóm tắt xuất sắc của mình, thậm chí còn ngược mắt lên phía trên kính để nhìn bị cáo của mình. Từ nhận xét tóm tắt của bác sĩ, Ivan I lyich rút ra kết luận rằng bệnh tình của mình trầm trọng, đối với bác sĩ và có lẽ đối với mọi người thì đẳng nào cũng thế thôi, còn đối với ông thì gay go. Kết luận đó làm cho Ivan I lyich bực bội một cách bệnh hoạn, khiến cho ông vô cùng thương hại mình và hết sức bực bội đối với vị bác sĩ đứng đứng trước vấn đề quan trọng nhường ấy.

Nhưng ông không nói gì cả, đứng dậy, đặt tiền lên bàn và thở dài, thốt ra:

– Bệnh nhân chúng tôi có lẽ thường hỏi ông những câu hỏi không đúng chỗ. Nói chung đây có phải là bệnh nguy hiểm hay

không?...

Vị bác sĩ nghiêm khắc nheo một mắt nhìn ông qua cặp kính như ý nói: Bị cáo, nếu như anh không dừng lại trong khuôn khổ những câu hỏi được nêu lên đối với anh, tôi sẽ bắt buộc phải ra lệnh đuổi anh khỏi phòng xử án.

– Tôi đã nói với ông tất cả những gì coi như cần thiết và thích hợp, – bác sĩ nói. – Việc xét nghiệm sẽ cho thấy bệnh tình diễn biến ra sao. – Và bác sĩ nghiêng mình chào.

Ivan I lyich thong thả bước ra, rầu rĩ ngồi lên xe trượt tuyết và đi về nhà. Suốt dọc đường ông không ngừng phân tích tất cả những điều bác sĩ nói, cố gắng chuyển những từ ngữ khoa học mù mờ rối rắm đó sang ngôn ngữ thông thường, và tìm ở đó lời giải đáp cho câu hỏi: Bệnh mình nặng, rất nặng hay là còn chưa việc gì? Và ông tưởng như tất cả những điều bác sĩ đã nói với ông có nghĩa là bệnh ông rất trầm trọng. Ivan I lyich tưởng như mọi vật trên phố đều buồn. Những người đánh xe ngựa buồn bã, những ngôi nhà buồn bã, những khách qua đường, những cửa hiệu buồn bã. Cơn đau âm ỉ ấy, cơn đau nhức nhối không ngừng một giây phút nào, gắn với những lời lẽ mù mờ của vị bác sĩ tưởng chừng như có một ý nghĩa khác, nghiêm khắc hơn. Giờ đây, với một cảm giác nặng nề mới, Ivan I lyich lắng nghe cơn đau.

Về đến nhà, ông bắt đầu kể cho vợ nghe. Bà vợ lắng nghe, nhưng giữa chừng câu chuyện của ông, cô con gái đội chiếc mũ nhỏ đi vào: Cô sửa soạn để đi cùng với mẹ. Cô cố gắng ghé ngồi xuống để nghe câu chuyện buồn chán này, nhưng không chịu được lâu và bà mẹ cũng chẳng nghe hết câu chuyện.

– Thôi được, tôi rất mừng, – bà vợ nói, – bây giờ mình phải chú ý uống thuốc cẩn thận đấy nhé. Mình đưa đơn thuốc đây, tôi sẽ sai thằng Ghêrasim ra hiệu thuốc mua, – và bà đi thay

quần áo.

Khi bà còn ở trong phòng, ông không kịp thở lấy lại hơi, khi bà bước ra ngoài, ông thở dài nặng trĩu.

– Thôi được, – ông tự nhủ. – Có lẽ đúng là chưa việc gì...

Ông bắt đầu uống thuốc, thực hiện đúng chỉ dẫn của bác sĩ, những chỉ dẫn này sẽ thay đổi sau khi xét nghiệm nước tiểu. Nhưng chính ở đây đã xảy ra một sự lầm lẫn nào đó trong việc xét nghiệm nước tiểu và cả trong những việc phải làm tiếp sau cuộc xét nghiệm đó. Không thể đến vị bác sĩ được và hóa ra mọi việc diễn ra không phải như điều bác sĩ nói với ông. Hoặc là bác sĩ quên, hoặc là ông ta nói dối hay giấu giếm Ivan I lyich điều gì đó.

Nhưng Ivan I lyich vẫn cứ thực hiện đúng những chỉ dẫn của bác sĩ và thời gian đầu việc thực hiện những chỉ dẫn đó làm ông yên lòng.

Từ khi đi khám bệnh về, công việc chủ yếu của Ivan I lyich là làm đúng theo lời chỉ dẫn của bác sĩ về vệ sinh, uống thuốc và theo dõi cơn đau của mình, cũng như toàn bộ các chức năng của cơ thể. Bệnh tật và sức khỏe của con người trở thành mối quan tâm chủ yếu của Ivan I lyich. Khi người ta nói chuyện trước mặt ông về những người có bệnh, về những người chết và những người đã khỏi bệnh, đặc biệt là khi người ta nói tới bệnh giống bệnh của ông, ông cố giấu xúc động, chăm chú lắng nghe, hỏi han và vận dụng vào bệnh của mình.

Cơn đau không giảm, nhưng Ivan I lyich đã cố gắng bắt buộc mình nghĩ rằng bệnh tình của ông khá lớn. Và ông đã lừa dối được mình khi không có gì làm cho ông xúc động. Nhưng hễ xảy ra chuyện khó chịu với vợ, thất bại trong công vụ, những ván bài tồi tệ, là ông cảm thấy ngay toàn bộ bệnh tình trầm

trọng của mình. Thường thường ông vẫn gặp những thất bại này, nhưng ông hy vọng là mình sẽ chinh đốn được ngay tình hình tồi tệ, sẽ đấu tranh cho kỳ đến thắng lợi, ăn to<sup>[46]</sup>. Bây giờ bất kỳ sự thất bại nào cũng làm cho ông kiệt sức và đẩy ông tới tuyệt vọng. Ông tự nhủ: Chỉ cần mình bắt đầu khám khá lên và thuốc bắt đầu có hiệu lực, thế là cái trò bất hạnh đáng nguyên rủa hoặc sự khó chịu này... Và ông bực tức đối với nỗi bất hạnh hoặc đối với những người làm ông khó chịu và phiền lòng, ông cảm thấy sự bực tức đó sẽ giết hại ông, nhưng ông không thể nào tìm mình được. Tưởng như ông phải hiểu rõ rằng sự bực tức của ông đối với cảnh ngộ và mọi người sẽ làm cho bệnh ông nặng thêm, và vì vậy ông không nên để tâm tới những chuyện tình cờ khó chịu; nhưng ông đã suy luận hoàn toàn ngược lại, ông nói rằng ông cần yên tĩnh, ông theo dõi tất cả những gì phá vỡ sự yên tĩnh đó và bất kỳ sự vi phạm nào nhỏ nhất nhất đều làm cho ông tức giận. Ông đọc các sách về y tế và đến hỏi ý kiến nhiều bác sĩ, những việc đó càng làm cho bệnh tình của ông tồi tệ hơn. Sự tồi tệ đó diễn ra đều đều khiến cho ông có thể lừa dối mình, khi so sánh ngày này với ngày khác, ông thấy sự khác nhau ít lắm. Nhưng khi ông đi hỏi ý kiến các bác sĩ, lúc ấy ông tưởng như bệnh tình của mình ngày một xấu đi và thậm chí xấu đi rất nhanh. Và mặc dầu vậy, ông vẫn thường xuyên đi hỏi ý kiến các bác sĩ.

Trong tháng đó, ông đến nhà một vị danh y khác. Vị danh y khác này cũng nói với ông những điều gần giống như vị đầu tiên, nhưng đặt ra những câu hỏi khác đi. Những lời khuyên của vị danh y này chỉ càng làm cho Ivan I lyich thêm hoài nghi và sợ hãi. Bạn của một người bạn Ivan I lyich là một bác sĩ rất giỏi, ông này xác định bệnh của Ivan I lyich hoàn toàn khác, và mặc dầu ông ta hứa hẹn sẽ chữa khỏi, nhưng những câu hỏi và

những giả định của ông ta lại càng làm cho Ivan I lyich thêm nghi ngờ và bối rối. Một thầy thuốc dùng biện pháp vi lượng đồng căn lại chẩn đoán bệnh hoàn toàn khác, và kê ra những vị thuốc mà Ivan I lyich giấu giếm mọi người, uống hàng tuần lễ. Sau tuần lễ đó, ông không cảm thấy dễ chịu, mất lòng tin vào việc chữa chạy trước đây và cả với vị thầy thuốc này nữa, ông đâm ra sâu não thêm. Có lần, một vị phu nhân quen biết đã kể cho ông nghe về việc chữa bệnh bằng ảnh thánh. Ivan I lyich chợt thấy mình chăm chú lắng nghe và tin rằng đó là việc có thật. Trường hợp đó khiến ông sợ hãi. Ông tự nhủ: “Chả lẽ đầu óc mình lại suy yếu đến thế? Chuyện vợ vẫn! Toàn là chuyện bậy bạ, không nên quá lo lắng, mà phải chọn lấy một vị bác sĩ và điều trị nghiêm ngặt theo chỉ dẫn của bác sĩ đó. Mình sẽ làm như vậy. Bây giờ phải chấm dứt hết. Mình sẽ không nghĩ ngợi nữa và đến hè mình sẽ điều trị nghiêm chỉnh. Sau đó sẽ rõ. Bây giờ hãy chấm dứt những dao động này!...” Nói những điều đó thì dễ, nhưng không thể thực hiện được. Cơn đau ở cạnh sườn vẫn giày vò ông tựa hồ như nó ngày càng tăng thêm, trở nên thường xuyên, mùi vị trong miệng ông trở nên ngày càng kỳ quặc, ông tưởng như từ miệng ông bốc ra một mùi gì đó kinh tởm, ông ăn mất ngon, và sức lực ngày càng giảm sút. Không thể lừa dối mình được: một điều gì đó mới mẻ, nghiêm trọng, khủng khiếp chưa từng có trong cuộc đời Ivan I lyich đã xảy tới với ông. Và chỉ có một mình ông biết rõ điều đó, mọi người xung quanh không hiểu hoặc không muốn hiểu và họ nghĩ rằng mọi sự trên đời vẫn diễn ra như trước đây. Chính điều đó khiến cho Ivan I lyich đau đớn nhiều hơn cả. Ông thấy người nhà ông - chủ yếu là vợ và con gái, dạo này đi chơi nhiều nhất - không hiểu gì cả, họ bực tức khi thấy ông không vui vẻ và khó tính, tựa hồ như ông có lỗi trong chuyện đó. Tuy họ cố gắng

giấu điều đó, ông vẫn thấy rằng ông là kẻ gây trở ngại cho họ. Bà vợ đã tạo ra cho mình một cách xử sự nào đó đối với bệnh tình của ông và bà cứ duy trì cái lối xử sự đó, mặc cho ông muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm. Cách xử sự đó như sau:

– Các vị biết không, – bà nói với những người quen, – Ivan I lyich không thể thực hiện nghiêm ngặt mọi chỉ dẫn trong điều trị như tất cả những người tử tế khác. Hôm nay ông ấy uống ít giọt thuốc và ăn ngủ đúng lúc, theo như chỉ dẫn. Ngày mai bỗng nhiên, nếu tôi không để mắt tới, ông ấy sẽ quên không uống thuốc, lại đi ăn cá chiên (là món người ta cấm ông ấy ăn) và ngồi lì chơi bài uyxto tới tận một giờ đêm.

– Bao giờ thế nhỉ? – Ivan I lyich bực tức nói. – Có mỗi một lần ở nhà Piốt Ivanovich.

– Thế hôm qua với Sêbêch.

– Đằng nào tôi cũng không ngủ được vì đau cơ mà...

– Vì cái gì đi nữa thì cứ cái điệu này mình cũng chẳng bao giờ khỏi được đâu, mà chỉ làm khổ chúng tôi thôi.

Thái độ bề ngoài đối với bệnh tật của chồng mà Praskovia Phêđôrôvna thường bày tỏ với những người khác và với chính ông là như thế này: Ivan I lyich có lỗi trong việc mắc bệnh này và tất cả bệnh tật của ông là một trò khó chịu mới mà ông gây ra cho vợ.

Ivan I lyich cảm thấy rằng thái độ này nảy sinh ở bà một cách không chủ tâm, nhưng không vì thế mà ông thấy dễ chịu hơn. Ivan I lyich đã nhận thấy hoặc đã nghĩ là mình nhận thấy rằng ở tòa án người ta cũng có một thái độ lạnh lùng như vậy đối với ông, khi thì ông tưởng như người ta nhìn ông như nhìn một con người chả bao lâu nữa sẽ bỏ trống chỗ làm, khi thì

bỗng nhiên bạn bè ông xoay ra trêu chọc một cách thân ái tính cả lo của ông, tựa hồ như cái điều đáng sợ và khủng khiếp chưa từng thấy đã xảy ra với ông, không ngừng ngắm vào cơ thể ông và lôi cuốn ông đến nơi nào đó một cách không cưỡng được là đối tượng thích thú nhất để vui đùa. Đặc biệt Svátxơ vốn tính vui nhộn, linh lợi và lịch thiệp, đã gọi cho Ivan I lyich nhớ lại chính ông một chục năm về trước đó, chính là điều trêu gan chọc tức nhất đối với ông.

Bạn bè tới ngồi chơi bài với ông. Họ đưa cỗ bài mới ra, tráo bài, đặt bảy quân rô liên nhau. Một người chơi bài nói: Không có chủ bài thì đỡ bằng hai con rô. Còn gì nữa? Vui vẻ, phấn khởi thế, chắc là ăn đây. Và bỗng nhiên Ivan I lyich cảm thấy cơn đau nhói nhói trong mình đó, cái vị lạ ở trong miệng đó, và ông thấy trong tình hình đó mà còn có thể vui sướng vì nước bài được ăn thì thật là man rợ thế nào ấy.

Ông nhìn Mikhain Mikhailôvích, một người chơi bài đập bàn tay lanh lẹ lên mặt bàn và tỏ vẻ lễ độ, cả nể, kìm mình không vớ lấy những quân bài được ăn, mà đẩy chúng về phía Ivan I lyich để cho ông được hưởng cái thú không phải khó nhọc với tay ra xa vẫn lấy được bài. “Thế ra anh ta nghĩ rằng mình yếu đến nỗi không thể với tay ra xa được”, – Ivan I lyich nghĩ, ông quên cả những con chủ bài và tung chủ bài ra một cách vô ích, nên ván đó ông bị thua. Và điều khủng khiếp hơn cả là ông thấy Mikhain Mikhailôvích đau khổ, còn ông vẫn cứ đứng đưng. Và thật đáng sợ khi nghĩ xem vì sao ông vẫn đứng đưng.

Mọi người đều thấy ông rất phiền muộn và họ nói với ông: “Nếu bác mệt, chúng ta ngừng chơi cũng được, bác đi nghỉ đi”. Đi nghỉ ư? Không, ông chẳng mệt tí nào, cứ chơi đến hết hội thì thôi. Mọi người đều rầu rĩ và lăm lì. Ivan I lyich cảm thấy rằng ông đã gieo rắc vẻ rầu rĩ đó lên họ và không thể xua tan được vẻ

rầu rĩ đó. Họ ăn bữa tối, rồi ra về. Ivan I lyich ở lại một mình với ý nghĩ rằng cuộc đời ông đã bị đầu độc đối với chính ông, và nó đang đầu độc cuộc đời của những người khác, và chất độc đó không suy giảm, mà cứ càng ngày càng ngấm nhiều hơn vào toàn bộ con người ông.

Cùng với ý nghĩ đó còn có cơn đau thể xác và thêm vào đó là nỗi khiếp sợ, vậy mà vẫn phải vào giường nằm và thường không ngủ được vì đau gân suốt đêm. Thế mà sáng hôm sau lại phải trở dậy, mặc quần áo, đi đến tòa án, nói năng, viết lách, còn nếu như không đi đâu thì ngồi ở nhà với đủ hai mươi bốn giờ trong một ngày đêm, mỗi giờ là một cực hình. Ông phải sống một mình, mấp mé cái chết, không có một người nào hiểu và thương ông cả.



Chừng hai tháng đã trôi qua như vậy. Trước dịp tết, người anh vợ đến thành phố của họ và nghỉ lại ở nhà họ. Ivan I lyich làm việc ở tòa án. Praskôvia Phêđôrôvna đi mua sắm. Trở về nhà, bước vào phòng làm việc của mình, ông bắt gặp người anh vợ, một tay hiếu động, khỏe mạnh, đang tự mình tháo dỡ va-li. Nghe thấy tiếng bước chân của Ivan I lyich, ông ta ngẩng đầu lên và im lặng nhìn ông trong chốc lát. Cái nhìn đó làm cho Ivan I lyich hiểu rõ tất cả. Người anh vợ hé miệng định “ồ” lên một tiếng, nhưng kìm lại được. Cử chỉ đó đã xác định tất cả.

– Thế nào, tôi thay đổi nhiều lắm à?

– Phải... có thay đổi. Và sau đó đã mấy lần Ivan I lyich lái ông anh vợ vào câu chuyện về diện mạo của mình, ông anh vợ vẫn tảng lờ. Khi Praskôvia Phêđôrôvna về, ông anh vợ bèn đi sang phòng bà. Ivan I lyich khóa cửa lại và bắt đầu ngắm mình trong gương, soi thẳng, rồi soi nghiêng. Ông lấy bức ảnh chụp cùng với vợ và đối chiếu chân dung mình với chân dung ông nhìn thấy trong gương. Thay đổi nhiều quá. Sau đó ông vén tay áo lên tận khuỷu, ngắm nghía, buông tay áo xuống, ngồi lên chiếc đi văng, nét mặt sa sầm”.

“Không nên thế, không nên”, - ông tự nhủ, bật người dậy, bước lại gần bàn, mở hồ sơ ra, bắt đầu đọc, nhưng đọc không nổi. Ông mở cửa, bước sang phòng lớn. Cửa vào phòng khách đóng kín. Ông nhón gót bước lại gần cửa và lắng nghe.

– Không, không, bác nói quá, - Praskôvia Phêđôrôvna nói.

– Nói quá thế nào? Cô không thấy chú ấy như người chết rồi ư, cô nhìn mắt chú ấy mà xem. Chả còn sáng nữa. Thế chú ấy

làm sao?

– Nào có ai biết. Nhikôlaiév (đó là một vị bác sĩ khác) có nói gì đó, những tôi cũng không rõ. Lesetítiski (đó là vị bác sĩ nổi tiếng) thì nói ngược lại...

Ivan I lyich bỏ đi, bước về phòng mình nằm và nghĩ: “Thận, thận di động”. Ông nhớ lại tất cả những điều các bác sĩ đã nói với ông về việc quả thận đã tách và đang di động như thế nào. Và bằng sự nỗ lực của trí tưởng tượng, ông cố gắng chụp lấy quả thận đó, chặn nó lại và giữ cho nó yên chỗ. Ông tưởng như muốn thế chẳng khó khăn gì lắm. “Không, không, mình sẽ còn đến nhờ Piốt Ivanôvích kia mà” (Đó là bạn của Ivan I lyich, ông ta có một người bạn là bác sĩ). Ông bấm chuông, ra lệnh thẳng ngựa vào xe, rồi sửa soạn ra đi.

– Mình đi đâu thế, Jean - bà vợ hỏi với vẻ buồn bã đặc biệt và tốt bụng ít thấy.

Vẻ tốt bụng ít thấy đó làm cho ông tức giận. Ông lầm lầm nhìn bà.

– Tôi phải đi đến nhà Piốt Ivanôvích.

Ông đi tới nhà người bạn có bạn là bác sĩ. Và cùng với người bạn đi đến nhà bác sĩ. Ông đã gặp và nói chuyện lâu với bác sĩ. Khám tỉ mỉ về mặt cơ thể, và về mặt sinh lý học để tìm căn nguyên bệnh theo ý bác sĩ, Ivan I lyich đã hiểu cả.

Có một vật, một vật nhỏ trong manh tràng. Có thể chữa khỏi được. Tăng cường năng lực của bộ phận này, giảm hoạt động của bộ phận khác, sẽ hấp thụ được và thế là khỏi bệnh thôi. Ông trở về nhà ăn cơm trưa hơi muộn. Vừa ăn, ông vừa trò chuyện vui vẻ, nhưng mãi vẫn không thể quay về phòng mình được. Sau cùng ông bước sang phòng làm việc và ngồi xuống làm việc ngay. Ông đọc các hồ sơ, làm việc, nhưng cứ bị một ý nghĩ ám

ảnh: ông có một nỗi niềm tâm sự quan trọng đang để hoãn lại. Xong việc là phải nghĩ đến nó ngay. Khi đọc xong hồ sơ, ông sực nhớ ra rằng niềm tâm sự đó chính là những ý nghĩ về manh tràng. Nhưng không chịu buông mình theo những ý nghĩ đó, ông bước vào phòng khách để dùng trà. Khách đang trò chuyện, chơi đàn pi-a-nô và hát. Trong đám khách khứa có viên dự thẩm, vị hôn phu đáng mong ước của con gái ông. Theo nhận xét của Praskôvia Phêđôrôvna, buổi tối hôm đó Ivan I lyich tỏ ra vui vẻ hơn những người khác, nhưng không giây phút nào ông quên rằng ông có những ý nghĩ quan trọng đang phải để hoãn lại về manh tràng. Đến mười một giờ, ông cáo lui về phòng mình. Từ ngày bị bệnh, ông ngủ một mình trong căn buồng nhỏ ở phòng làm việc của mình, về đến phòng, ông cởi quần áo và lấy một cuốn tiểu thuyết của Dôla<sup>[47]</sup>, nhưng không đọc mà suy nghĩ. Và ông tưởng tượng ra cảnh manh tràng của mình đã được chữa khỏi đúng như mong ước. Ruột hấp thụ được, thải được và hoạt động bình thường của nó được khôi phục, ông tự nhủ: “Phải, tất cả là như thế đấy. Chỉ cần một điều là phải giúp đỡ sự hồi phục tự nhiên”. Sực nhớ tới thuốc, ông nhồm dậy lấy thuốc uống, rồi nằm ngửa lắng nghe tác dụng tốt đẹp của thuốc, xem nó tiêu diệt cơn đau như thế nào. “Chỉ cần uống thuốc đều đặn và tránh những ảnh hưởng có hại. Bây giờ mình đã cảm thấy khá hơn chút ít, khá hơn nhiều”. Ông tắt nến và xoay người nằm nghiêng... Manh tràng đã được chữa lành, đang thẩm thấu. Bất chợt ông cảm thấy cơn đau cũ quen thuộc, âm ỉ, nhức nhối, dai dẳng, lặng lẽ, trầm trọng. Miệng ông vẫn có cái vị quen thuộc quái ác đó. Tim ông thót lại, đầu óc rối bời. “Trời ơi, trời ơi, - ông thốt lên. - Lại đau, lại đau, chẳng bao giờ dứt được”. Và bỗng nhiên ông hình dung bệnh tình từ một phía hoàn toàn khác. Ông tự nhủ: “Manh tràng! Thận. Vấn đề

không phải là ở manh tràng, không phải là ở thận, mà là ở chuyện sống và... chết. Phải, ta đã sống và kìa, cuộc sống bỏ đi, nó bỏ đi và ta không thể nào giữ nó lại được. Phải rồi. Lừa dối mình để làm gì? Chẳng lẽ tất cả mọi người, trừ mình, lại không thấy rõ rằng mình đang hấp hối và cái chết chỉ còn tính bằng tuần lễ, bằng ngày, có lẽ ngay giờ đây hay sao? Trước là cõi dương, còn bây giờ là cõi âm. Mình đã từng ở đây, còn bây giờ thì sang thế giới bên kia! Bây giờ mình đi đâu?” Ông lạnh toát cả người, tắc thở, ông chỉ nghe thấy tiếng tim đập thình thịch.

“Mình sẽ không còn nữa, thế rồi sẽ ra sao nhỉ? Sẽ chẳng có gì hết. Thế là mình sẽ ở đâu, khi mình không còn nữa? Lẽ nào đó lại là cái chết? Không, ta không muốn chết”. Ông chồm dậy, muốn thắp nến lên, bàn tay run rẩy của ông sờ soạng, - ông đánh rơi cây nến cắm trong giá nến xuống sàn, rồi lại nằm vật lên gối. “Để làm gì nhỉ? Đẳng nào cũng thế thôi, - ông tự nhủ, cặp mắt mở to nhìn vào bóng tối. - Cái chết. Phải, cái chết. Và họ chẳng ai hay biết, họ không muốn biết, cũng không thương xót mình. Họ đang đàn hát. (Ông nghe thấy tiếng cười nói âm vang và tiếng nhạc dạo ở xa vọng qua cánh cửa). Đối với họ đẳng nào cũng thế thôi, và họ cũng sẽ chết. Ngốc thật! Mình chết trước, còn họ chết sau. Rồi họ cũng sẽ chết. Vậy mà họ hờ vui chơi. Lũ súc sinh!” Sự hằn học làm ông nghẹt thở. Ông bắt đầu cảm thấy đau đớn, nặng nề không chịu nổi. Không có lẽ nào mọi người luôn luôn phải chịu nỗi sợ hãi khủng khiếp đó. Ông nhồm dậy.

“Có cái gì không ổn đây. Phải bình tĩnh, phải nghiền ngẫm lại tất cả từ đầu”. Thế rồi ông bắt đầu nghiền ngẫm. “Phải, từ lúc bệnh mới chớm. Sườn mình bị va mạnh, và mình vẫn chẳng sao, hôm đó cũng như ngày hôm sau; thấy hơi nhức, sau đau nhiều, rồi phải đi bác sĩ, rồi rầu rĩ, sâu não, lại phải đi đến bác

sĩ; còn mình thì cứ ngày càng đi gần sát tới vực thẳm. Sức lực giảm sút. Gần sát, gần sát vực thẳm, thế rồi mình khô héo đi, mắt không còn ánh sáng nữa. Và cái chết tới, thế mà mình lại đi nghĩ về khúc ruột. Mình nghĩ làm thế nào để chữa chạy khúc ruột, nhưng đó lại là cái chết. Chẳng lẽ lại là cái chết?” Ông lại khiếp sợ, nghệt thở, cúi người xuống, tìm diêm, khuỷu tay tì lên chiếc tủ nhỏ để cạnh giường. Chiếc bàn đó khiến ông vướng víu, làm ông đau, ông tức mình với nó, bực bội tì mạnh lên nó và làm cho chiếc bàn nhỏ đổ kênh. Tuyệt vọng, ông thở hỗn hển, nằm vật ngửa ra giường, chờ đợi cái chết tức thời.

Lúc đó khách khứa ra về. Praskôvia Phêđôrôvna tiễn họ. Nghe tiếng bàn đổ, bà bước vào phòng.

– Gì thế mình?

– Có gì đâu. Tôi vô ý đánh đổ.

Bà bước ra khỏi phòng, lấy nến đem tới. Ông nằm đó, thở gấp và ì ạch như một người đã chạy qua hàng vécsta, mắt nhìn bà trùng trùng.

– Mình sao thế, Jean?

– Chẳng... sao... cả. Tôi... đánh... đổ. “Nói làm gì. Bà ấy sẽ không hiểu đâu”, - ông nghĩ.

Đúng là bà không hiểu. Bà nâng cây nến lên, thắp nến cho ông, rồi vội vã đi ra, bà còn phải tiễn khách ra về.

Khi bà quay trở lại, ông vẫn nằm ngửa như thế, mắt nhìn lên trần:

– Mình thấy thế nào, hay là đau hơn?

– Ừ.

Bà lắc đầu, ngồi xuống.

– Jean này, mình biết không, tôi nghĩ liệu có nên mời

Lesetitski đến không.

Nghĩa là bà định mời vị bác sĩ nổi tiếng và không tiếc tiền. Ông mỉm cười cay độc và nói: “Không”. Bà ngồi một lát, bước lại gần và hôn lên trán ông.

Khi bà hôn ông, ông vô cùng căm ghét và ông đã cố gắng để không đẩy bà ra.

- Cầu Chúa cho mình ngủ được. Thôi, tôi đi nhé.
- Ừ.

Ivan I lyich thấy mình đang chết dần và thường xuyên tuyệt vọng.

Trong thâm tâm Ivan I lyich biết rằng ông sắp chết, nhưng không những ông không quen, mà còn không hiểu, không tài nào hiểu được điều đó.

Ông đã đọc được một thí dụ về tam đoạn luận trong sách lô gích học của Kideveter<sup>[48]</sup>: Kai là một con người. Mọi người đều phải chết. Bởi thế Kai cũng sẽ chết. Suốt đời mình, ông tưởng như cái thí dụ này chỉ đúng đối với Kai thôi, chứ không hề đúng với ông. Kai là một con người, một con người nói chung và điều đó hoàn toàn đúng. Nhưng ông không phải là Kai và không phải là một con người nói chung, mà bao giờ ông cũng là con người đặc biệt, hoàn toàn đặc biệt, khác tất cả mọi người. Ông là Ivan đối với bố mẹ ông, anh em ông, với các đồ chơi, với các bà đánh xe, với vú nuôi và sau đó là với Kachia, cùng với mọi nỗi vui buồn phấn khởi của thời thơ ấu, thời thanh niên. Có lẽ nào Kai lại chịu được mùi quả bóng ghép bằng da mà Ivan vẫn ưa thích! Lẽ nào Kai đã hôn tay mẹ mình như thế và lẽ nào nếp áo lụa của mẹ cũng sột soạt như thế đối với Kai? Lẽ nào anh ta lại nổi khùng lên vì món bánh ngọt ở trường Tư pháp? Lẽ nào Kai lại yêu đương như thế? Lẽ nào Kai lại có thể chủ trì các phiên tòa như thế?

Đúng là Kai phải chết và anh ta hấp hối là đúng, nhưng đối với mình, Ivan I lyich với tất cả tư tưởng tình cảm của mình, đối với mình đó là chuyện khác. Và không có lẽ nào mình lại phải chết. Điều đó khủng khiếp quá.

Ông cảm thấy như vậy.

“Nếu như mình phải chết, như Kai, thì chắc mình phải biết chứ, chắc tiếng nói bên trong phải bảo mình chứ, nhưng trong mình không hề có những chuyện đó; cả mình và tất cả bạn bè của mình đều hiểu rằng chuyện đó hoàn toàn không giống như đối với Kai. Còn bây giờ cơ sự như thế đấy! - Ông tự nhủ. - Không có lẽ nào. Không có lẽ nào: - nhưng nó lại thế đấy. Thế là thế nào? Làm sao mà hiểu được chuyện đó?”

Ông không thể hiểu được và cố gắng xua đuổi ý nghĩ đó, xem nó là một ý nghĩ sai lầm, không đúng, bệnh hoạn và dùng những ý nghĩ khác, đúng đắn, lành mạnh để gạt bỏ nó. Nhưng ý nghĩ đó, không phải chỉ là ý nghĩ, mà tựa hồ như một thực tại, lại tới và đứng sừng sững trước mặt ông.

Ông lần lượt kêu gọi các ý nghĩ khác tới thay thế ý nghĩ đó, hy vọng tìm ở chúng một chỗ dựa. Ông mưu toan quay trở lại với những cách suy nghĩ trước đây, chúng che lấp, ngăn ông, trước hết, khỏi nghĩ tới cái chết. Nhưng điều kỳ lạ là mọi cái trước đây che lấp, thủ tiêu ý nghĩ về cái chết, giờ đây đã không thể có tác dụng đó nữa. Thời gian gần đây, Ivan I lyich dùng phần lớn thì giờ vào các mưu toan phục hồi những cách cảm nghĩ che lấp cái chết trước đây. Khi thì ông tự nhủ: “Hãy bắt tay vào công vụ, bởi mình đã sống chính vì công vụ”. Và ông đi đến tòa án, xua đuổi khỏi mình bất kỳ mối hoài nghi nào. Ông trò chuyện với đồng nghiệp và ngồi lơ đãng, theo thói quen cũ, đưa cặp mắt trầm ngâm nhìn công chúng, hai cẳng tay gầy guộc tựa lên thành ghế bành bằng gỗ sồi như lệ thường, nghiêng mình về phía một bạn đồng nghiệp, khởi sự công việc, thì thào với nhau và sau đó ông bỗng ngược mắt lên, ngồi ngay ngắn lại, thốt ra một số lời lẽ quen thuộc và bắt đầu công việc xét xử. Nhưng bỗng nhiên đến giữa chừng, cơn đau ở cạnh sườn



chẳng hề chú ý đến diễn biến của việc xử án, bắt đầu công việc gây đau đớn của nó. Ivan I lyich lắng nghe, xua đuổi ý nghĩ về cơn đau, nhưng cơn đau tiếp tục công việc của mình, nó đã tới, đứng lại ngay trước mặt ông và nhìn ông. Ông sững người ra, ngọn lửa trong mắt ông vụt tắt và ông lại bắt đầu tự hỏi: “Lẽ nào chỉ có nó là sự thực?” Và các bạn đồng sự cùng những người dưới quyền ông ngạc nhiên và cay đắng thấy rằng một quan tòa xuất sắc, tinh tế như ông đã lầm lẫn và phạm sai lầm. Ông lắc lắc mình, cố gắng tỉnh lại và điều khiển được chẳng hay chớ cho xong phiên tòa, rồi quay về nhà với ý nghĩ buồn bã rằng ông không thể lấy công việc ở tòa án để che lấp điều ông muốn che lấp như trước đây nữa, rằng ông không thể dùng công việc ở tòa án để thoát khỏi nó được. Và điều tệ hại hơn cả là nó kéo ông về phía mình không phải để ông làm một việc gì đó, mà chỉ cốt để ông nhìn vào nó, nhìn thẳng vào mắt nó, nhìn nó mà đau đớn không nói ra được, và cũng chẳng làm gì được cả.

Và để thoát khỏi tình trạng đó, Ivan I lyich đã dùng những cách an ủi khác, những tấm vải che mắt khác, và trong một thời gian ngắn những tấm vải che mắt này tựa hồ như đã cứu ông, nhưng rồi lập tức những tấm vải đó không hẳn chỉ là rách nát, mà còn để ánh sáng lọt qua, y như thể cơn đau đã xuyên qua tất cả và không gì có thể che lấp được nó.

Gần đây khi bước vào phòng khách ông thường nhìn thấy một vết xước trên chiếc bàn đánh véc-ni nhẵn bóng. Đó chính là gian phòng khách do ông bài trí, nơi ông đã ngã. Ông nghĩ một cách hài hước độc địa rằng ông đã hy sinh đời mình để bài trí căn phòng này, vì ông biết rằng bệnh ông khởi phát từ chỗ bị đập thương mà ra. Ông tìm nguyên do vì sao mặt bàn bị xước và thấy cái diềm trang trí bằng đồng bị quăn lại trên quyển

Album đã gây ra vết xước đó. Ông cầm lấy quyển Album yêu quý do ông sưu tập một cách say mê và buồn bực về sự cầu thả của cô con gái và bạn bè của nó, chỗ thì rách toạc, chỗ thì ảnh bị xáo trộn. Ông cố gắng sắp xếp lại cho có trật tự, uốn lại chiếc diềm trang trí bị cong.

Sau đó ông nảy ra ý nghĩ chuyển tất cả số *établissement*<sup>[49]</sup> này cùng với những quyển Album vào một góc phòng khác, đến gần các chậu hoa. Ông gọi đầy tớ và mong muốn hoặc vợ hoặc con gái ra giúp mình một tay. Họ không đồng ý sắp xếp như vậy, nói trái ý ông, ông cãi lại, tức giận, nhưng mọi việc đều tốt đẹp vì ông không nhớ đến nó, không trông thấy nó nữa.

Nhưng khi thấy ông tự mình xê dịch bàn ghế, vợ ông nói: “Mình cứ để đấy, khắc có người làm, mình lại làm khổ mình thôi”. Và bỗng nhiên nó thoáng hiện ra qua tấm màn che mắt, ông đã nhìn thấy nó. Nó đã thoáng hiện, ông vẫn còn hy vọng là nó sẽ biến đi, nhưng bất giác, ông chú ý lắng nghe chỗ cạnh sườn mình: Nó vẫn ngồi ở đó, vẫn gây nhức nhối như thế, ông không thể quên được nó nữa rồi, và rõ ràng là nó nhìn ông từ sau những chậu hoa. Để làm gì nhỉ, tất cả những chuyện đó?

“Quả thật, ta đã hy sinh đời mình ở đây, chỗ tấm rèm treo cửa sổ này, như trong một cuộc tấn công vậy. Có lẽ nào như thế? Thật khủng khiếp và ngu xuẩn biết bao! Không thể nào như vậy được. Không thể như vậy được, nhưng nó lại như vậy đấy”.

Ông vào phòng làm việc, nằm xuống và lại ở một mình với nó. Đối diện với nó mà không làm gì được nó. Chỉ có nhìn nó và lạnh toát cả người.

Không thể nói được việc đó đã xảy ra như thế nào vào tháng thứ ba, sau khi Ivan I lyich bị bệnh, vì nó diễn ra âm thầm từng bước một: Cả bà vợ, cả con gái và con trai ông, cả gia nhân và những người quen thuộc, lẫn các bác sĩ, và chủ yếu là chính bản thân ông, đều biết rằng mọi người chỉ quan tâm tối chỗ rốt cuộc liệu ông có nhanh chóng nhường chỗ, giải thoát người sống khỏi sự vướng víu do việc có mặt của ông gây ra, và tự giải thoát khỏi những đau khổ của mình hay không.

Ông ngủ ngày càng ít, người ta cho ông uống thuốc phiện và bắt đầu tiêm moóc-phin cho ông. Nhưng những cái đó không làm cho ông dễ chịu. Nỗi buồn ngấm ngấm mà ông cảm thấy trong trạng thái nửa thức nửa ngủ thoạt đầu chỉ làm cho ông dễ chịu như một cái gì mới mẻ, nhưng sau đó nó cũng trở thành nỗi đau dần vặt, giống như vậy hoặc còn nhức nhối hơn cơn đau lộ liễu.

Người ta chuẩn bị cho ông những món ăn đặc biệt theo chỉ dẫn của bác sĩ, nhưng đối với ông tất cả những món ăn này đều rất nhạt nhẽo và kinh tởm quá thể.

Người ta cũng đã làm những đồ dùng đặc biệt để ông đại tiện và lần nào ông cũng thấy khổ tâm. Khổ tâm vì sự bẩn thỉu, mùi hôi thối và sự bất nhã, và vì nghĩ rằng có một người khác phải tham gia vào chuyện này.

Nhưng trong cái việc khó chịu nhất nay lại xuất hiện niềm an ủi đối với Ivan I lyich. Bao giờ anh hầu bàn Ghêrasim cũng tới đổ bô cho ông.

Ghêrasim là một chàng trai trẻ tuổi, sạch sẽ, tươi tắn, nhờ

cơm gạo thành phố mà béo đầy người ra. Bao giờ anh cũng vui tươi, trong sáng. Thoạt đầu Ivan I lyich bối rối, khi trông thấy bộ dạng của một con người ăn mặc theo kiểu Nga, luôn luôn sạch sẽ mà lại phải làm cái việc kinh tởm đó.

Một lần ông rời bô đứng dậy, không đủ sức kéo quần dài lên, ông buông người ngồi phịch xuống chiếc ghế bành mềm và khiếp sợ nhìn đôi cẳng chân để trần bất lực, hằn rõ các bắp thịt của mình.

Ghêrasim vào phòng, bước chân khỏe khoắn nhẹ nhàng, anh đi đôi giày to tướng, đem theo vào phòng không khí tươi mát của mùa đông và mùi nhựa dễ chịu ở giày của mình anh. Anh mặc chiếc sơ-mi bằng vải hoa sạch sẽ, ngoài khoác chiếc tạp-dề tinh tươm bằng vải gai, Ông tay áo xắn lên để lộ những cánh tay trần khỏe mạnh, trẻ trung. Anh không nhìn Ivan I lyich, rõ ràng là muốn kìm bớt niềm vui sống rạng rỡ trên vẻ mặt của anh để làm cho người ốm khỏi chạnh lòng, và bước lại gần chiếc bô.

– Ghêrasim, – Ivan I lyich nói một cách yếu ớt.

Ghêrasim giật mình, rõ ràng anh sợ mình sơ suất điều gì đó và nhanh nhẹn quay khuôn mặt trẻ trung tươi tắn, chất phác, đôn hậu, chỉ mới lún phún râu, về phía người ốm.

– Ngài cần gì ạ?

– Tôi chắc việc này làm anh khó chịu. Anh tha lỗi cho tôi, tôi không thể tự làm lấy được.

– Đâu ạ, – mắt Ghêrasim ngời sáng và anh nhe đôi hàm răng trẻ trung trắng muốt của mình. – Tại sao lại không chịu khó được ạ? Ông đang ốm mà.

Anh đưa đôi cánh tay nhanh nhẹn rần chắc ra làm cái công việc quen thuộc của mình, rồi bước ra ngoài, dáng đi nhẹ

nhõm. Năm phút sau anh quay trở lại, bước chân đi vẫn nhẹ nhõm như vậy.

Ivan I lyich vẫn ngồi trên ghế bành.

– Anh Ghêrasim này, – ông nói khi anh đặt chiếc bô đã cọ sạch vào chỗ cũ, – anh làm ơn lại đây giúp tôi. – Ghêrasim bước lại gần. – Anh nâng tôi lên. Tự mình tôi thì khó nhọc lắm, còn Đmitơri tôi vừa sai đi có việc rồi.

Ghêrasim bước sát lại cũng nhẹ nhàng như lúc bước đi, đôi cánh tay lực lưỡng của anh khéo léo ôm ông chủ, khẽ nâng ông lên, đỡ lấy ông, một tay anh kéo quần dài của ông lên và anh định đặt ông ngồi xuống. Nhưng Ivan I lyich yêu cầu anh đưa mình ra đi vắng. Ghêrasim không cần phải cố gắng và tựa hồ như không siết vào người ông, dìu ông đi, gần như bồng ông tới đặt ở trên đi vắng.

– Cám ơn anh. Anh khéo quá... làm việc gì cũng giỏi.

Ghêrasim lại mỉm cười và toan đi. Nhưng Ivan I lyich thấy thích ngồi với anh, nên không muốn để anh đi.

– Thế này nhé: Anh đẩy giúp tôi chiếc ghế dựa kia lại đây. Không, chiếc kia cơ, đặt dưới chân tôi. Để chân lên cao tôi cảm thấy dễ chịu hơn.

Ghêrasim nhắc chiếc ghế tựa, không gây ra tiếng động, đặt nó ngay ngắn trên sàn nhà và nâng chân Ivan I lyich lên chiếc ghế. Ivan I lyich tưởng như dễ chịu hơn, khi Ghêrasim nhắc cao chân ông lên.

– Khi để chân lên cao tôi cảm thấy dễ chịu hơn, – Ivan I lyich nói. – Anh kê cho tôi chiếc gối vào đây. Ghêrasim làm theo lời ông. Anh lại nâng chân ông lên và đặt chân lên gối. Ivan I lyich lại cảm thấy dễ chịu hơn khi Ghêrasim đỡ chân ông lên. Khi anh hạ chân ông xuống, ông tưởng như khó chịu hơn.

Ông nói với anh:

- Anh Ghêrasim này, bây giờ anh có bận gì không?
- Không bận gì cả ạ, - Ghêrasim nói, anh đã học được cung cách của người thành phố ăn nói với các chủ nhân.
- Anh còn phải làm gì nữa không?
- Làm gì nữa ạ? Tôi làm xong việc cả rồi, chỉ còn bổ củi để mai đun thôi.
- Thế thì anh đỡ cho chân tôi cao lên được không?
- Được chứ, sao lại không ạ. - Ghêrasim nhắc cao chân Ivan I lyich lên và ông tưởng như trong tư thế đó ông hoàn toàn không cảm thấy đau.
- Thế còn củi thì sao?
- Xin ngài đừng lo. Tôi làm kịp chân.

Ivan I lyich sai Ghêrasim ngồi và đỡ chân cho ông, rồi trò chuyện với ông. Và điều kỳ lạ là ông cảm thấy dễ chịu hơn, khi Ghêrasim đỡ chân ông.

Từ đó, thỉnh thoảng Ivan I lyich lại gọi Ghêrasim tới và bắt anh đưa vai ra đỡ chân cho mình, và ông thích nói chuyện với anh. Ghêrasim làm việc đó một cách nhẹ nhõm, tự nguyện, giản dị và đôn hậu, khiến Ivan I lyich hết sức cảm động. Sức khỏe, sức lực, sức sống trong mọi người khác làm cho Ivan I lyich méch lòng, chỉ có sức lực và sức sống của Ghêrasim là không làm ông phiền lòng mà còn xoa dịu ông.

Ivan I lyich bị giày vò chủ yếu bởi sự dối trá, - chẳng hiểu sao sự dối trá đó được tất cả mọi người thừa nhận, họ cho rằng ông chỉ ốm đau thôi, chứ không phải sắp chết, ông chỉ cần yên tâm chạy chữa, thế rồi sự thể sẽ rất tốt đẹp. Bản thân ông biết rằng dù họ có làm gì đi nữa cũng không ăn thua gì, ngoài việc gây thêm cho ông những đau đớn quằn quại và cái chết. Ông bị

giày vò bởi sự dối trá đó, bị giày vò bởi chỗ họ không muốn thừa nhận điều mọi người đều biết và ông cũng biết, mà cứ muốn lừa dối ông về tình trạng khủng khiếp của ông và họ muốn buộc chính ông phải tham gia vào cái trò dối trá này. Ivan I lyich bị giày vò một cách khủng khiếp bởi cái trò dối trá mà người ta đã dựng lên trước mặt ông khi ông sắp chết, trò dối trá đó hạ thấp cái chết trang trọng khủng khiếp này của ông xuống hàng những cuộc viếng thăm, những rèm treo cửa sổ, món cá chiên trong bữa ăn của họ... Điều kỳ lạ là đã nhiều lần, khi họ giở trò ra với ông, suýt nữa ông đã quát vào mặt họ: Các người đừng lừa dối nữa. Các người biết rõ và tôi cũng biết rõ rằng tôi đang hấp hối, vậy thì ít ra cũng đừng lừa dối nữa. Nhưng không bao giờ ông có đủ tinh thần để làm việc đó. Ông thấy tất cả những người xung quanh ông đã hạ thấp quá trình hấp hối đáng sợ, khủng khiếp của ông xuống mức độ một sự tình cờ khó chịu, phần nào bất lịch sự (giống như người ta xử sự với một kẻ đem hơi thối vào phòng khách vậy) bằng chính cái phép lịch sự mà ông suốt đời phụng sự. Ông thấy chẳng có ai thương ông và thậm chí không ai muốn hiểu tình trạng của ông. Chỉ có mình Ghêrasim hiểu tình trạng đó và thương ông. Bởi lẽ đó, Ivan I lyich chỉ cảm thấy khoan khoái khi có Ghêrasim. Ông cảm thấy khoan khoái khi có Ghêrasim thỉnh thoảng thức thâu đêm, đỡ chân cho ông, không chịu đi ngủ và nói: “Ngài đừng phiền lòng, Ivan I lyich ạ, tôi sẽ ngủ sau”, hoặc khi anh bỗng nhiên xưng hô thân mật với ông: “Giá như ông không ốm thì con làm sao mà được hầu hạ ông?” Chỉ có một mình Ghêrasim không lừa dối, căn cứ vào tất cả cung cách của anh, có thể thấy chỉ có một mình anh hiểu rõ sự tình và thấy không cần giấu giếm điều đó, anh chỉ thương hại một cách chất phác ông chủ yếu ớt hác hác của mình. Thậm chí có

lần anh nói thẳng, khi Ivan I lyich cho anh đi:

Tất cả chúng ta rồi sẽ chết. Tại sao lại không chịu khó làm lụng? - Nói như vậy anh muốn giải bày quan niệm của anh là anh không thấy việc làm này nặng nề chính vì anh làm việc đó cho người đang hấp hối, và anh hy vọng rằng rồi cũng sẽ có người chịu khó giúp anh khi anh lâm vào cảnh đó.

Ngoài sự dối trá này hoặc là do kết quả của nó, điều khiến Ivan I lyich bị giày vò hơn cả là chẳng có ai thương xót ông như ý ông mong muốn. Sau những đau đớn kéo dài, nhiều lúc điều Ivan I lyich mong ước nhiều hơn cả là muốn được có người thương xót mình như thương một đứa trẻ đau ốm, dẫu rằng thú nhận như vậy ông cảm thấy xấu hổ. Ông muốn người ta vuốt ve ông, hôn hít, khóc lóc vì ông, như người ta vẫn vuốt ve an ủi trẻ con vậy. Ông biết rằng ông là một nhân vật quan trọng, dẫu ông đã bạc cho nên không thể làm như thế được, nhưng dẫu sao ông vẫn cứ mong muốn điều đó. Trong quan hệ của ông với Ghêrasim có một cái gì đó gần gũi như thế, bởi vậy, ông thấy được an ủi khi tiếp xúc với anh. Ivan I lyich muốn khóc, muốn người ta vuốt ve ông và khóc vì ông. Ấy thế nhưng khi viên ủy viên tư pháp Sêbéch tới, thì đáng lẽ khóc lóc và làm nũng. Ivan I lyich lại nghiêm nét mặt ra vẻ trầm ngâm và theo thói quen, ông phát biểu ý kiến của mình về ý nghĩa của quyết định kháng án và khẳng khái giữ nguyên ý kiến đó. Sự dối trá ở quanh ông và ở ngay trong chính bản thân ông đã đầu độc những ngày cuối đời của Ivan I lyich nhiều hơn cả.



Rạng sáng. Trời vừa rạng sáng là Ghêrasim rời khỏi phòng, và anh đẩy tớ Piốt tới tắt nến, vén một rèm che cửa sổ và khe khẽ dọn dẹp. Buổi sáng hay buổi chiều, thứ sáu hay chủ nhật, chẳng nào cũng thế thôi, ngày nào cũng vẫn một điều ấy; cơn đau quần quại, nhức nhối, không giây phút nào lắng dịu; ý thức về cuộc sống đang ra đi, không phương cứu vãn, nhưng vẫn chưa đi hẳn; cái thực tại duy nhất vẫn là cái chết khủng khiếp đáng căm giận đang nhích tới gần và vẫn là sự dối trá đó. Giờ giắc, ngày tháng ở đây nào có ý nghĩa gì?

– Ngài có dùng trà không ạ?

“Hắn cần giữ nề nếp là sáng nào các chủ nhân cũng uống trà”, – Ivan I lyich nghĩ và chỉ nói.

– Không.

– Ông có thích chuyển sang đi vắng không ạ?

“Hắn muốn dọn buồng cho gọn và mình cản trở hắn, mình là đồ bẩn thỉu, một sự lộn xộn”, – ông nghĩ và chỉ nói:

– Không, để kệ tôi.

Anh đẩy tớ lại loay hoay dọn dẹp. Ivan I lyich chìa tay ra. Piốt ân cần bước lại gần.

– Ngài cần gì ạ?

– Đồng hồ.

Piốt lấy chiếc đồng hồ nằm ở ngay bên cạnh và đưa cho ông.

– Tám giờ rưỡi. Ngoài kia họ chưa dậy à?

– Chưa ạ. Cậu Vaxili Ivanovich (đó là cậu con trai) đi học, còn bà Praskôvia Phêđrôvna ra lệnh đánh thức bà, nếu ngài

cần. Ngài sai đánh thức bà chứ ạ?

- Không, không cần. - “Thử uống tí nước chè chẳng?” - Ông nghĩ. Ừ, nước chè... Anh đem đến đây.

Piốt đã bước ra tới cửa, Ivan I lyich bắt đầu thấy khiếp sợ khi phải ở lại một mình. “Làm thế nào giữ hẩn lại nhỉ? A phải rồi, thuốc”, - Piốt này, anh đưa thuốc cho tôi uống. - “Tại sao nhỉ, có lẽ thuốc còn có tác dụng”. Ông cầm chiếc cùi dĩa và uống: “Không, chả có tác dụng. Chuyện vợ vẫn cả, trò bịp bợm, - ông dứt khoát nghĩ như vậy, khi vừa cảm thấy mùi vị quen thuộc ngọt sắc và vô vọng. - Không, mình không thể tin được nữa rồi. Nhưng cơn đau, tại sao lại đau, giá nó dịu đi một lát”. Và ông rên lên. Piốt quay trở lại. - Không, đi đi, mang nước chè lại đây.

Piốt đi ra. Nằm lại một mình, Ivan I lyich rên lên, vì đau thì ít, dù cơn đau khủng khiếp đến như thế nào, ông rên lên vì một nỗi buồn da diết. “Vẫn cứ một điệu ấy, vẫn những ngày đêm vô tận ấy. Giá chóng vánh hơn. Cái gì chóng vánh hơn? Cái chết, bóng tối. Không, không. Mọi thứ đều hay hơn cái chết!”

Khi Piốt bê khay nước chè bước vào, Ivan I lyich ngỡ ngàng nhìn anh mãi không biết anh là ai và anh vào làm gì. Piốt bối rối trước cái nhìn đó. Và khi thấy Piốt bối rối, Ivan I lyich mới sực tỉnh.

- À phải, - ông nói, - nước chè... tốt lắm, anh để đây. Có điều anh giúp tôi lau mình và thay chiếc áo sơ-mi sạch nhé.

Rồi Ivan I lyich bắt đầu lau mình. Ông vừa lau vừa nghĩ, lau mặt, tay, đánh răng, chải đầu và soi gương. Ông đâm ra hoảng sợ, đặc biệt hoảng sợ khi thấy tóc nằm ẹp xuống vàng trán xanh lợt.

Khi người ta thay áo sơ-mi cho ông, ông biết rằng ông sẽ còn hoảng sợ hơn nữa nếu ông nhìn vào thân hình mình, bởi

thế ông không nhìn. Nhưng rồi mọi việc cũng xong xuôi. Ông mặc áo choàng, khoác thêm chiếc khăn len và ngồi vào ghế bành uống trà. Ông cảm thấy mình tươi tỉnh lên trong giây lát, nhưng chỉ vừa mới bắt đầu nhấp chén trà ông lại cảm thấy ngay mùi vị đó, cơn đau đó. Ông cố uống hết chén nước, đi nằm và duỗi chân ra. Ông cho Piốt đi ra ngoài.

Vẫn cứ thế. Khi thì một tia hy vọng lóe lên, khi thì biển tuyệt vọng nổi sóng và vẫn cứ đau, đau mãi, vẫn thấy buồn da diết và vẫn cứ mãi một điệu ấy. Nằm một mình buồn kinh khủng, muốn gọi ai đó, nhưng ông biết trước rằng có mặt những người khác lại còn tệ hại hơn.

“Hay là lại tiêm moóc-phin, để mà thiếp đi. Mình sẽ bảo với bác sĩ để ông ta nghĩ xem có dùng thêm thuốc gì nữa không. Chứ thế này thì không được, không thể được”.

Một giờ, rồi hai giờ đồng hồ trôi qua như vậy. Nhưng rồi có tiếng chuông réo ở phòng ngoài. Có lẽ là bác sĩ. Đúng là bác sĩ tới, ông ta tươi tắn, vui vẻ, trắng kiện, béo núc ních, vẻ mặt ông ta như muốn nói: Các vị ở đây đang có điều gì đó lo sợ, còn chúng tôi giờ đây tới để thu xếp mọi việc cho các vị. Bác sĩ biết rằng vẻ mặt đó không thích hợp ở đây, nhưng đã khoác vẻ mặt đó ông không sao giũ ra được, giống như một người buổi sáng khoác chiếc áo đuôi én lên người và đi thăm thú bạn bè vậy.

Bác sĩ rửa tay một cách khoan khoái, như muốn an ủi người bệnh.

– Tôi bị lạnh. Băng giá khiếp. Để tôi sưởi một lát, – ông nói với cái vẻ như chỉ cần đợi một lát để ông sưởi ấm và khi ông đã sưởi ấm rồi, thì mọi sự sẽ được chỉnh đốn đâu vào đấy.

– Nào, thế nào?

Ivan I lyich cảm thấy bác sĩ muốn nói: “Tình hình thế nào?”.

Nhưng chính ông ta cũng thấy không nên hỏi như vậy, nên ông ta nói: - Đêm qua ông ngủ được không?

Ivan I lyich nhìn bác sĩ như muốn hỏi: “Chả lẽ không bao giờ anh thấy hổ thẹn khi nói dối ư?”

Nhưng bác sĩ không muốn hiểu câu hỏi đó.

Và Ivan I lyich nói:

- Vẫn cứ khủng khiếp thế. Không hết đau, cơn đau không chịu lui. Giá có vị thuốc gì đó!

- Chà, bệnh nhân các ông bao giờ cũng cứ thế. Thôi được, bây giờ hình như tôi đã ấm người lên rồi, ngay đến người cẩn thận có tiếng như bà Praskôvia Phêđôrôvna chắc cũng không có lý do gì để chê trách tôi đem khí lạnh vào nhà. Nào, chào ông. - Và bác sĩ bắt tay Ivan I lyich.

Rồi gạt bỏ tất cả vẻ vui nhộn trước đây, bác sĩ bắt đầu khám bệnh, bắt mạch, đo nhiệt độ với vẻ mặt nghiêm trang và lại bắt đầu gõ gõ, nghe nghe. Ivan I lyich biết chắc và dứt khoát rằng tất cả những cái đó đều vớ vẩn, đều là trò bịp vô vị, nhưng khi bác sĩ quỳ xuống, nhào người trên người ông, áp tai khi thì xuống phía dưới khi thì lên phía trên, làm một vài động tác thể dục khác nhau trên người ông với bộ mặt vô cùng trang nghiêm, Ivan I lyich buông mình theo bác sĩ, như ông thường buông mình theo những lời cãi của các luật sư, khi ông biết rất rõ rằng họ toàn nói dối và họ nói dối như thế để làm gì.

Bác sĩ quỳ gối trên đi vắng, còn đang gõ gõ gì đó nữa, thì nghe có tiếng áo lụa sột soạt của Praskôvia Phêđôrôvna ở cửa ra vào và tiếng bà trách mắng Piốt không báo tin bác sĩ tới cho bà biết. Bà bước vào phòng, hôn chồng và bắt đầu chứng minh ngay rằng bà đã dậy từ lâu và chỉ vì sơ ý một chút, nên bà mới không có mặt ở đây khi bác sĩ tới.

Ivan I lyich nhìn bà, đưa mắt nhìn khắp người bà có ý chê trách nước da trắng trẻo, vể mũi mồm và đôi tay cùng ngón sạch sẽ của bà, mái tóc láng bóng và ánh mắt đầy sức sống của bà. Ông vô cùng căm ghét bà. Việc bà chạm vào người ông khiến ông đau đớn vì cơn căm ghét đối với bà sôi sục trong ông.

Thái độ của bà đối với ông và bệnh tật của ông cũng vẫn thế. Cũng như vị bác sĩ đã tạo ra cho mình thái độ đối xử với người ốm, mà ông ta không thể giữ bỏ đi được, bà cũng tạo ra một thái độ đối xử với ông và bà cũng không thể bỏ thái độ đó được. Thái độ đó là: Bà âu yếm trách móc ông vì ông không làm những gì cần làm và bản thân ông có lỗi.

– Cũng là bởi ông ấy không chịu nghe lời cơ! Có uống thuốc đúng lúc đâu. Cái chính là ông ấy nằm không đúng kiểu, chân cứ giơ lên cao, tư thế nằm như vậy nhất định làm hại ông ấy.

Bà kể chuyện ông ấy đã bắt Ghêrasim đỡ chân mình lên như thế nào.

Vị bác sĩ khinh khỉnh trêu mếu mỉm cười: “Biết làm thế nào được, bệnh nhân đôi khi nghĩ ra những trò ngốc nghếch như vậy đấy. Nhưng có thể tha thứ được”. Khi khám bệnh xong, bác sĩ nhìn đồng hồ và lúc đó Praskôvia Phêđôrôvna báo cho Ivan I lyich biết rằng, thể theo ý muốn của ông, hôm nay bà sẽ mời vị bác sĩ nổi tiếng tới để vị đó cùng với Mikhain Đanilôvích (người ta gọi vị bác sĩ loàng xoàng như vậy) khám bệnh và hội chẩn cho ông.

– Mong mình đừng phản đối. Tôi làm như thế vì tôi đấy, - bà nói một cách mỉa mai làm cho người ta cảm thấy rằng bà làm tất cả những việc đó vì ông và chỉ riêng điều đó đã khiến ông không có quyền từ chối bà. Ông cau mày và im lặng. Ông cảm thấy sự đối trá vây quanh ông rồi tung lên, đến nỗi khó mà

lần ra được điều gì.

Bà đã làm tất cả mọi việc cho ông chỉ vì bà, và bảo ông rằng những việc bà đang làm cũng đúng là bà làm vì bà, đó là chuyện khó tin đến nỗi ông phải hiểu trái ngược lại.

Quả thực vị bác sĩ nổi tiếng đã đến vào hồi mười một giờ rưỡi. Người ta lại nghe ngóng trên người bệnh nhân, lại có những cuộc trao đổi quan trọng trước mặt ông và bàn bạc về thận, về manh tràng tại một căn phòng khác. Lại những câu hỏi và những câu trả lời với những vẻ mặt trang nghiêm, đến mức vấn đề thận và manh tràng - những cái đang hoạt động xộc xệch, bởi thế vị bác sĩ loàng xoàng và bác sĩ trú danh phải tấn công vào chúng để buộc chúng phải sửa chữa - đã lấn chỗ của vấn đề thực tế về cái sống và cái chết, là vấn đề duy nhất đang sừng sững hiện ra trước mắt ông.

Vị bác sĩ nổi tiếng từ biệt ra về với vẻ mặt nghiêm nghị, nhưng không tuyệt vọng. Và khi Ivan I lyich ngược cặp mắt ánh lên nỗi sợ hãi và niềm hy vọng, rụt rè hỏi ông xem liệu có khả năng bình phục được không, vị bác sĩ nổi tiếng đã đáp rằng ông ta không thể bảo đảm được, nhưng khả năng đó thì có. Ivan I lyich tiễn vị bác sĩ bằng cái nhìn đầy hy vọng, cái nhìn đó thảm hại quá, đến nỗi trông thấy thế, Praskôvia Phêđôrôvna đã òa khóc, khi bà bước ra khỏi cửa phòng làm việc để trả tiền thù lao cho vị bác sĩ trú danh.

Sự phấn chấn tinh thần do lời hứa hẹn của bác sĩ đem lại kéo dài không lâu. Lại vẫn căn phòng đó, vẫn những bức tranh, những rèm treo cửa sổ, những giấy dán lót tường, những ve thuốc ấy và cũng vẫn cái thân hình bệnh hoạn đau đớn đó. Và Ivan I lyich lại bắt đầu kêu rên. Người ta tiêm thuốc cho ông, ông ngủ thiếp đi.

Khi ông tỉnh dậy, trời đã chạng vạng tối, người ta dọn bữa ăn

ra cho ông. Ông gắng sức ăn món thịt hầm. Thế rồi đêm tối lại đến.

Sau bữa ăn, vào khoảng bảy giờ, Praskôvia Phêđôrôvna bước vào phòng ông. Bà ăn mặc như đi dự dạ hội, bộ ngực đồ sộ căng phồng lên, mặt đánh phấn khá rõ. Từ sáng bà đã nhắc cho ông biết tối nay bà đi xem kịch. Cô đào Xara Berna<sup>[50]</sup> vừa tối và họ thì lại có một lô mà trước đây ông đã khấn khoản thuê bằng được. Giờ đây ông đã quên chuyện đó, thấy bà ăn mặc trưng diện ông khó chịu. Nhưng ông giấu giếm sự khó chịu của mình, khi sức nhớ ra rằng chính ông đã khấn khoản để họ có được lô đó, bởi vì việc xem hát sẽ đem lại khoái cảm thẩm mỹ có ý nghĩa giáo dục đối với con cái.

Praskôvia Phêđôrôvna tỏ vẻ hài lòng về mình, nhưng bà cảm thấy như có lỗi. Bà ghé ngòai xuống, hỏi han sức khỏe chồng, ông thấy bà hỏi chỉ để mà hỏi, chứ không phải để biết, vì bà biết rằng chả có điều gì phải tìm hiểu cả. Rồi bà bắt đầu nói điều bà thấy cần nói: Những như bà, chả đòi nào bà đi, nhưng lô đã thuê rồi, Êlen, con gái bà Pêtrôrisér (viên dự thẩm, chồng chưa cưới của con gái bà) cũng đi và không thể để họ đi một mình được. Chứ giá ngòai với ông thì bà thích hơn. Bà chỉ mong khi vắng bà ông vẫn theo đúng chỉ dẫn của bác sĩ.

– À, Phêđô Pêtrôvích (chồng chưa cưới của con gái) muốn vào thăm ông, có được không? Cả Êlidavêta nữa.

– Cứ để chúng nó vào.

Cô con gái bước vào phòng, ăn mặc sang trọng để lộ thân hình trẻ trung, cái thân hình khiến ông phải đau đớn xiết bao. Vậy mà cô ta lại phô trương nó ra. Sung sức, khỏe mạnh, hiển nhiên đang đắm đuối yêu đương, cô ta cảm phần bệnh tật, những đau khổ và cái chết, vì chúng cản trở hạnh phúc của cô ta.

Phêđo Pêtrôvích cũng bước vào phòng, anh mặc áo đuôi én, tóc uốn quăn *à la Capoul*<sup>[51]</sup>, chiếc cổ dài đầy gân lộ ra sau chiếc cổ bẻ của áo sơ-mi màu trắng, ngực trắng, rộng, đôi cẳng chân lực lưỡng bó trong ống quần đen hẹp, một bàn tay đi găng trắng, đội mũ lễ.

Chú học sinh trung học cũng lặng lẽ lò dò vào theo họ, chú bé khốn khổ mặc bộ đồng phục mới, tay đi găng, cặp mắt thâm quầng đên thâm hại, nhìn những vệt thâm quầng đó, Ivan I lyich hiểu rõ lòng con.

Bao giờ ông cũng thấy thương hại cậu con trai. Cái nhìn kinh hãi và đầy thương cảm của nó thực khủng khiếp. Ivan I lyich tưởng như ngoài Ghêrasim ra, chỉ có mình Vaxili hiểu và thương ông. Mọi người ngồi xuống, lại hỏi về sức khỏe của ông. Im lặng. Êlidavêta hỏi mẹ về chiếc ống nhòm. Hai mẹ con cãi cọ với nhau, mỗi người nói một phách. Mọi người đâm ra khó chịu.

Phêđo Pêtrôvích hỏi Ivan I lyich xem ông đã được thấy mặt cô đào Xara Berna chưa. Thoạt đầu Ivan I lyich không hiểu anh ta hỏi gì, sau đó ông nói:

- Chưa. Thế anh thấy cô ấy rồi à?
- Rồi ạ, trong vở “Adrienne Lecouvreur”.<sup>[52]</sup>

Praskôvia Phêđôrôvna nói rằng cô đào này đặc biệt xinh đẹp trong vở đó. Cô con gái phản đối. Họ bắt đầu trò chuyện về vẻ duyên dáng và tính chân thật trong cách diễn xuất của cô đào hát, - vẫn một điệu chuyện trò ấy, giống y như mọi khi.

Giữa những câu chuyện, Phêđo Pêtrôvích nhìn Ivan I lyich và im bật. Mọi người cũng nhìn ông và im bật, Ivan I lyich đưa cặp mắt long lanh nhìn về phía trước mặt, rõ ràng là ông bất bình với họ. Phải cứu vãn tình trạng này, nhưng không tài nào



cứu vãn được. Phải làm cách nào đó phá tan sự im lặng này. Chẳng có ai dám quyết định và mọi người đâm ra lo sợ nhờ bỗng nhiên vì lẽ gì đó sự dối trá lịch thiệp bị phá tan và sự thật sẽ phơi bày rõ mồn một trước mắt mọi người. Êlidavêta là người đầu tiên quyết định. Cô phá tan sự im lặng. Cô muốn che giấu điều mọi người cảm thấy, nhưng cô buột miệng nói ra.

– Ô, nếu đi thì đến giờ rồi đây, - cô nói, đưa mắt nhìn đồng hồ, quà tặng của ông bố, và khẽ kín đáo mỉm cười với chàng thanh niên, chỉ hai người hiểu được ý nghĩa của nụ cười mỉm đó, rồi cô đứng dậy, tà áo dài sột soạt.

Mọi người đứng dậy, từ biệt ông và đi xem hát.

Khi họ đã ra khỏi phòng, Ivan I lyich tưởng như ông thấy dễ chịu hơn vì không còn sự dối trá nữa, nó đã ra đi cùng với họ, nhưng cơn đau thì vẫn ở lại. Vẫn cơn đau ấy, vẫn sự sợ hãi ấy, chúng làm cho mọi người vẫn như cũ, - chẳng có gì nặng nề hơn, cũng chẳng có gì nhẹ nhõm hơn. Tình hình ngày càng tồi tệ.

Phút nọ tiếp phút kia, giờ nọ tiếp giờ kia, thời gian lại trôi đi, tất cả vẫn cứ thế, triền miên vô tận và cái kết cục không tránh được càng trở nên khủng khiếp hơn. - Ừ, anh bảo Ghêrasim đến đây, - ông đáp lại câu hỏi của Piốt.

Bà vợ trở về vào lúc khuya. Bà nhón gót bước vào phòng, nhưng ông nghe rõ tiếng chân bà. Ông mở mắt ra và vội vã nhắm lại ngay. Bà muốn cho Ghêrasim đi nghỉ và tự mình ngồi với ông. Ông mở mắt và nói:

- Thôi, mình đi ngủ đi.
- Mình đau lắm à?
- Đẳng nào cũng thế thôi.
- Mình uống tí thuốc phiện nhé.

Ông bằng lòng và uống thuốc. Bà đi ra.

Cho đến ba giờ sáng, ông đau đớn thiếp đi. Ông tưởng như người ta nhét cái cơ thể đau đớn của ông vào đầu đó trong một chiếc túi đen hẹp, sâu thăm thẳm, họ cứ ấn ông xuống càng ngày càng sâu thêm và không thể đẩy ông qua cái túi ấy được. Công việc khủng khiếp đó làm cho đau đớn. Ông vừa sợ vừa muốn rơi tõm xuống đó, vừa cự quậy và chống đỡ. Thế rồi ông bỗng bị tuột ra, ngã xuống, và ông tỉnh lại. Ghêrasim vẫn khoanh chân ngồi trên giường thiu thiu ngủ một cách bình thản và kiên nhẫn. Còn ông thì nằm, đôi chân gầy guộc đi bít tất gác lên vai anh. Vẫn ngọn nến với chiếc chao đèn đó, và cũng vẫn cơn đau không ngớt đó.

- Anh đi ngủ đi, Ghêrasim, - ông thì thào.
- Không sao, tôi ngồi được ạ.
- Không, anh đi ngủ đi.

Ông bỏ chân xuống, nằm nghiêng, đè lên cánh tay và cảm thấy thương thân. Ông chỉ đợi cho Ghêrasim đi sang phòng bên

chạnh để ông òa khóc lên như một đứa trẻ, không phải giữ gìn nữa. Ông khóc về sự bất lực của mình, về cảnh cô đơn khủng khiếp của mình, về sự tàn nhẫn của con người, về sự tàn nhẫn của Chúa Trời, và về sự vắng bóng Chúa.

“Người gây ra tất cả những chuyện này để làm gì? Người dẫn tôi tới đây để làm gì? Vì sao, vì sao Người đày đọa tôi khủng khiếp như vậy?...”.

Ông không chờ đợi câu trả lời và ông khóc vì không có và không thể có câu trả lời. Cơ đau lại dội lên, nhưng ông không nhúc nhích, không gọi ai. Ông tự nhủ: “Nào, nữa đi, đánh nữa đi! Nhưng vì lẽ gì chứ? Tôi đã làm gì Người, thế thì vì lẽ gì?”

Sau đó ông im lặng, không những ngừng khóc, ông còn ngừng thở và toàn thân căng ra chăm chú: Tựa hồ như ông lắng nghe không phải giọng nói bằng âm thanh, nhưng lắng nghe tiếng nói của tâm hồn, lắng nghe suy nghĩ đang trôi dạt trong ông.

– Anh cần cái gì? – Đó là khái niệm đầu tiên rõ ràng, có thể diễn tả bằng lời mà ông nghe thấy. – Anh cần gì? Anh cần cái gì? – Ông nhắc lại. – Cần gì ư? – Không phải đau khổ. Sống, – ông đáp.

Và ông lại đắm mình vào sự chú ý căng thẳng đó đến nỗi ngay cơn đau cũng không làm xao lãng sự chú ý của ông.

– Sống ư? Sống như thế nào? – Giọng nói tâm tình hỏi.

– Sống như tôi sống trước đây, sung sướng, dễ chịu.

– Như trước đây anh đã sống, sung sướng và dễ chịu ấy ư? – Giọng nói đó hỏi. Và ông bắt đầu điếm trong trí tưởng tượng: Những giây phút tốt đẹp nhất trong cuộc sống dễ chịu của mình. Nhưng điều kỳ lạ là tất cả những giây phút tốt đẹp đó của cuộc sống dễ chịu giờ đây hoàn toàn không còn như hồi ấy nữa.

Tất cả - trừ những hồi ức đầu tiên của tuổi thơ. Trong thời thơ ấu đó quả thực có điều gì dễ chịu, đáng sống, nếu như nó quay trở lại với mình. Nhưng không còn con người đã nếm trải sự vui thú đó nữa rồi, đây chừng như là hồi ức về một cái gì khác.

Ngay khi xảy ra cái tình trạng dồn đẩy Ivan I lyich đến nông nổi như hiện nay, thì tất cả những cái lúc đó tưởng là vui thú giờ đây tan biến trước mắt ông và biến thành một cái gì đó vô nghĩa, thường là xấu xa.

Càng xa thời thơ ấu, càng gần với hiện tại, những niềm vui càng vô nghĩa hơn và đáng ngờ hơn. Điều đó bắt đầu từ trường Tư pháp. Ở đó còn có điều gì đấy thật sự tốt lành: Ở đó có niềm vui, có tình bạn, có những hy vọng. Nhưng tới các lớp trên những giây phút tốt đẹp đó đã hiếm hoi hơn. Sau đó, trong thời gian đầu làm việc với quan tổng trấn, những phút giây tốt đẹp lại xuất hiện, đó là hồi ức về tình yêu một người đàn bà. Thế rồi tất cả những cái đó xáo trộn với nhau và điều tốt lành càng ít hơn nữa. Tiếp đó điều tốt còn ít hơn và càng về sau càng ít hơn.

Việc cưới vợ... xảy ra một cách thật bất ngờ, nỗi chán chường, mùi hôi trong mồm vợ, sự ham thích nhục dục, và thói giả dối! Rồi cái công vụ chết tiệt này với những lo toan về tiền nong, một năm, hai năm, mười năm, rồi hai mươi năm... tất cả vẫn nguyên một điều như thế. Và càng về sau càng chết cứng hơn. Đúng là mình xuống dốc đều đều, nhưng lại cứ tưởng tượng là mình đang đi lên. Thế đấy. Dư luận xã hội cho là mình đã đi lên, ấy thế mà cuộc sống vẫn đều đều sụt lở dưới chân mình đến nỗi... Và thế là tất cả đã sẵn sàng, hãy chết đi thôi!

Thế là thế nào? Để làm gì? Không có lẽ nào. Không có lẽ nào cuộc sống lại vô nghĩa, xấu xa như thế. Còn nếu như đúng là cuộc sống xấu xa và vô nghĩa như vậy, thì ngạc nhiên, hấp hối một cách đau đớn như vậy để làm gì? Có cái gì không ổn đây.

“Có lẽ mình đã sống không ra sống chẳng?” - Ông bất chợt nghĩ thế. “Nhưng tại sao lại như vậy khi mình đã làm tất cả những gì cần làm?” - ông tự nhủ và lập tức gạt bỏ ngay cách giải đáp duy nhất toàn bộ bài toán về cuộc đời và cái chết, coi lời giải đáp đó như một cái gì hoàn toàn không thể chấp nhận được.

“Giờ đây anh muốn gì? Sống ư? Sống như thế nào? Sống như anh sống ở tòa án, khi viên lục sự xướng lên: “Tòa ra!...” Tòa ra, tòa ra, - ông nhắc lại. - Tòa án đấy! Nhưng mình đâu có lỗi! - Ông hần học kêu lên. - Vì lẽ gì?” Rồi ông ngừng khóc, nằm xoay mặt vào tường và chỉ còn nghĩ tới mỗi một điều: Chịu đựng tất cả nỗi khủng khiếp này để làm gì, vì sao?

Nhưng nghĩ bao nhiêu thì nghĩ, ông không tìm được câu trả lời và như mọi lần, khi ông nghĩ rằng tất cả đều bắt nguồn từ chỗ ông đã sống không ra sống, ông bèn lập tức xua đuổi ý nghĩ kỳ quặc và nhớ lại toàn bộ cuộc đời mực thước của mình.

Thêm hai tuần lễ nữa trôi qua. Ivan I lyich không rời khỏi đi vắng nữa. Ông không muốn nằm trên giường và nằm trên đi vắng. Hầu như lúc nào ông cũng nằm quay mặt vào tường, đơn độc chịu đựng vẫn những nỗi đau khổ không giải quyết được đó và đơn độc nghiền ngẫm vẫn một mối suy tư không giải quyết được đó. Đó là cái gì? Lễ nào cái chết lại là sự thật? Và giọng nói bên trong đáp: đúng, sự thật đấy. Những nỗi giày vò này để làm gì? Và giọng nói bên trong đáp: để mà giày vò thế thôi, chả để làm gì cả. Sau này chẳng có gì ngoài câu trả lời đó cả.

Ngay từ khi phát bệnh, từ dạo Ivan I lyich lần đầu tiên tìm đến bác sĩ, cuộc sống của ông bị chia sẻ giữa hai tâm trạng đối lập, thay thế nhau: Khi thì tuyệt vọng đợi chờ cái chết khủng khiếp khó hiểu, khi thì hy vọng và hào hứng theo dõi hoạt động của cơ thể mình. Khi thì trước mắt hiện ra độc có quả thận và khúc ruột tạm thời không làm tròn chức năng của mình, khi thì xuất hiện độc có cái chết khủng khiếp khó hiểu, không làm cách nào thoát được nó.

Lúc mới phát hiện, hai tâm trạng đó luân phiên nhau, nhưng bệnh càng tiến triển, những suy nghĩ về quả thận càng đáng ngờ hơn, hoang đường hơn và ý nghĩ về cái chết đang tới càng hiện thực hơn.

Chỉ cần ông nhớ tới mình ba tháng trước đây như thế nào và bây giờ mình ra sao, nhớ tới việc ông đang đều đều xuống dốc là bất kỳ hy vọng nào có thể lóe lên cũng đều tan vỡ.

Ông nằm quay mặt vào lưng đi vắng, cô độc giữa một thành phố đông người, giữa vô vàn người quen biết và gia đình mình,

ngay dưới đáy biển, trên mặt đất, không đâu có cảnh cô đơn trọn vẹn hơn thế. Trong thời gian cuối của cảnh cô đơn khủng khiếp đó, Ivan I lyich chỉ sống bằng tưởng tượng lại dĩ vãng. Những khung cảnh dĩ vãng lần lượt hiện ra trước mắt ông. Bao giờ cũng bắt đầu từ những khung cảnh gần nhất rồi chuyển tới những khung cảnh xa xưa nhất, tới thời thơ ấu và dừng lại đó. Ivan I lyich nhớ tới món mứt mận hôm nay người ta đưa cho ông ăn, ông nhớ tới quả mận khô của Pháp, vỏ nhăn nheo trong thời thơ ấu, tới vị ngon đặc biệt của nó và việc nước dãi ứa đầy môm khi cắn ngập tới hạt. Cùng với hồi ức về vị ngon của quả mận lại kéo theo hàng loạt hồi ức về thời kỳ đó: Vú em, người anh, các đồ chơi. “Chả nên nghĩ tới thời đó... Đau đớn quá”, - Ivan I lyich tự nhủ và lại chuyển sang nghĩ về hiện tại. Chiếc khuy trên lưng đi vắng và những nếp nhăn trên tấm da dê thuộc: “Da dê thuộc đắt tiền, không bền, đã xảy ra chuyện cãi cọ vì nó. Nhưng có một mảnh da dê thuộc khác và một cuộc cãi cọ khác, khi chúng mình dứt nó ra khỏi cặp của bố và bị trừng phạt, còn mẹ thì mang bánh ngọt đến cho”. Lại dừng lại ở thời thơ ấu, Ivan I lyich lại cảm thấy đau đớn, ông cố gắng xua đuổi nó và nghĩ tới chuyện khác.

Ngay lúc đó, cùng với những hồi ức này, trong lòng ông đã diễn ra một loạt hồi ức khác về việc căn bệnh của ông phát triển và nặng lên như thế nào. Càng nghĩ xa về trước càng thấy nhiều sự sống hơn. Nhiều điều lành trong cuộc sống, ngay sự sống cũng nhiều hơn. Những hồi ức đó quyện lẫn vào nhau. “Nhưng nỗi đau đớn ngày càng tệ hại, cũng như cả cuộc sống ngày càng tệ hại”, - ông nghĩ. Ngược về trước chỉ có một chấm sáng ở giai đoạn đầu cuộc đời, còn sau đó tất cả trở nên ngày càng đen tối hơn và diễn ra ngày càng chóng vánh hơn. “Tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách tới cái chết”, - Ivan I

lyich nghĩ và hình ảnh hòn đá rơi xuống với tốc độ ngày càng nhanh hần sâu trong tâm trí ông. Cuộc sống với hàng loạt đau khổ tăng thêm lên đang bay mỗi lúc một nhanh hơn tới chỗ kết thúc, tới nỗi đau khổ khủng khiếp nhất. “Mình đang bay...” Ông rùng mình, cựa quậy, muốn chống lại, nhưng ông biết rằng không thể chống lại được. Ông lại đưa cặp mắt nhìn lưng đi vắng, cặp mắt nhìn đã mỏi, nhưng không thể không nhìn ra phía trước, và chờ đợi, chờ đợi sự rơi tồm khủng khiếp, sự va đập và tan tành. “Không thể chống lại được, - ông tự nhủ. - Nhưng giá hiểu được vì sao lại thế? Và không thể hiểu được. Có thể giải thích được, nếu như nói rằng mình đã sống không ra sống. Nhưng không thể thừa nhận điều đó được”, - ông tự nhủ khi nhớ lại cuộc sống hợp pháp, mực thước và lịch thiệp của mình. “Không thể chấp nhận điều đó được, - ông tự nhủ, nhếch mép cười, tưởng như có người nhìn được nụ cười đó của ông và bị nó đánh lừa. - Không giải thích được! Sự đau khổ, cái chết... Để làm gì?”



Hai tuần lễ đã trôi qua như thế. Trong những tuần lễ đó đã xảy ra sự kiện mà Ivan I lyich và vợ ông mong chờ: Pêtrơrisér đã chính thức cầu hôn. Việc đó xảy ra vào buổi tối. Hôm sau Praskôvia Phêđrôvna đến phòng chồng, bà suy nghĩ xem nên báo tin đó cho chồng như thế nào, nhưng cũng trong buổi tối đó, bệnh tình Ivan I lyich lại trở nên trầm trọng. Praskôvia Phêđrôvna bắt gặp ông vẫn nằm trên chiếc đi văng đó, nhưng nằm trong tư thế mới. Ông nằm ngửa, rên rỉ và nhìn chăm chăm lên trần.

Bà bắt đầu nói về chuyện thuốc men. Ông đưa mắt nhìn bà. Chưa nói hết lời, bà đã nhận ra vẻ hần học ghê gớm đối với bà chứa chất trong cái nhìn đó.

– Vì Chúa, mình hãy để tôi chết cho yên thân, – ông nói.

Bà muốn đi ra, nhưng vừa lúc ấy cô con gái vào phòng và bước lại gần giường cha thăm hỏi. Ông cũng nhìn cô con gái như nhìn bà vợ và khi nghe cô hỏi về sức khỏe, ông chỉ nói một cách khô khan với cô rằng ông sẽ mau chóng giải thoát cho tất cả bọn họ khỏi phải chịu đựng ông. Hai mẹ con ngồi im lặng, rồi ra khỏi phòng.

– Mẹ con mình có lỗi gì cơ chứ? – Êlidavêta nói với mẹ. – Cứ y như chúng ta gây ra chuyện này ấy! Con thương ba, nhưng vì lẽ gì ba lại giày vò chúng ta?

Bác sĩ đến vào giờ thường lệ. Trả lời câu hỏi của bác sĩ, Ivan I lyich nói:

“Có, không”, không rời cặp mắt hần học khỏi ông ta và sau cùng ông nói:

– Ông cũng biết rằng ông không thể giúp gì được, vậy hãy thôi đi.

– Chúng tôi có thể làm dịu đau, - bác sĩ nói.

– Cả điều ấy ông cũng không thể làm được, ông thôi đi.

Bác sĩ bước ra phòng khách và báo cho Praskôvia Phêđôrôvna biết rằng tình hình rất nguy kịch và chỉ còn có một phương sách là dùng thuốc phiện để làm dịu đau đớn, những đau đớn hẳn là khủng khiếp.

Bác sĩ nói rằng, những đau đớn thể xác của ông là khủng khiếp. Điều đó đúng, nhưng những đau đớn tinh thần của ông còn khủng khiếp hơn những đau đớn thể xác, ông bị giày vò chính là vì thế.

Những đau đớn tinh thần của ông là ở chỗ, đêm hôm ấy khi nhìn khuôn mặt ngái ngủ, đôn hậu, có gò má cao của Ghêrasim, ông bất chợt nghĩ: Thế ngộ quả thực toàn bộ cuộc đời mình, cuộc sống có ý thức của mình “không ổn” thì sao.

Trước đây ông cho rằng dứt khoát không thể nào nghĩ là ông đã sống không ra sống, bây giờ ông nghĩ điều đó có thể là sự thật. Ông đã từng có những ý định đấu tranh không rõ rệt chống lại điều mà những người ở chót vót trên cao cho là tốt và lập tức gạt bỏ những ý định đó, bây giờ ông nghĩ rằng những ý định đó có thể là chính đáng, còn mọi điều khác có thể là không ổn. Cả công vụ của ông, cả việc thu xếp cuộc sống, cả gia đình của ông lẫn những mối quan tâm về xã hội và công vụ kia, mọi cái đó đều có thể là không ổn. Ông định bảo vệ tất cả những cái đó trước mình. Bỗng nhiên ông cảm thấy tất cả chỗ yếu của những gì ông đang bảo vệ. Và chẳng làm thế nào mà bảo vệ được.

“Nếu quả là như thế, - ông tự nhủ, - mình sẽ rời khỏi cuộc

sống với ý thức rằng mình đã hủy hoại tất cả những gì đã được trao cho mình, không thể nào cứu vãn được, lúc đó tình hình sẽ ra sao?” Ông nằm ngửa và bắt đầu điểm lại cuộc đời mình một cách hoàn toàn mới mẻ. Sáng nay ông đã nhìn thấy tên đầy tớ, rồi đến bà vợ, cô con gái và vị bác sĩ, - mỗi cử chỉ của họ, mỗi lời nói của họ đều khẳng định với ông chân lý khủng khiếp ông đã phát hiện đêm qua. Ông nhìn thấy mình qua họ, nhìn thấy tất cả những gì ông đã sống và thấy rõ ràng tất cả những cái đó đều không ổn, tất cả những cái đó đều là trò bịp lớn, khủng khiếp, nó che lấp mất cả cuộc sống lẫn cái chết. Ý nghĩ đó tăng thêm, nhân lên gấp mười những đau đớn thể xác của ông. Ông rên rỉ, vật vã và dứt tung quần áo ở trên mình. Ông tưởng như áo quần đè nén ông, làm cho ông nghẹt thở. Và vì thế ông căm ghét họ, những con người đó.

Người ta cho ông uống một liều thuốc phiện lớn, ông ngủ thiếp đi, nhưng đến bữa ăn trưa, cảnh đó lại tái diễn. Ông xua đuổi tất cả mọi người và vật vã tại chỗ.

Bà vợ đến gần ông và nói:

– Jean yêu quý ơi, mình hãy làm vì tôi, (vì tôi ư?). Việc đó không có hại đâu, mà đôi khi còn có lợi. Chả việc gì đâu. Ngay những người khỏe đôi khi cũng...

Ông mở to mắt:

– Cái gì? Làm lễ nhập thánh thể à? Để làm gì? Chả cần! Nhưng thôi được...

Bà òa khóc.

– Mình ơi, tôi mời linh mục quen biết nhà ta, ông ấy hiền lắm.

– Tuyệt, hay lắm, - ông thốt lên.

Khi vị linh mục tới và nghe ông xưng tôi, ông dụ đi, cảm

thấy tựa hồ như mình đã dụi bớt nghi ngờ, do đó đã dụi bớt đau khổ và ông thoáng thấy hy vọng. Ông lại bắt đầu nghĩ tới manh tràng và khả năng chữa lành nó. Khi làm lễ nhập thánh thể thì mắt ông ứa lệ.

Người ta đặt ông nằm sau khi làm lễ, ông cảm thấy dễ chịu một lát và lại hy vọng sống. Ông xoay ra nghĩ tới cuộc giải phẫu mà người ta đề nghị với ông. “Sống, mình muốn sống”, - ông tự nhủ. Bà vợ tới chúc mừng ông, sau khi nói mấy lời theo lệ thường, bà thêm:

– Có đúng là mình thấy dễ chịu hơn không nào?

Không nhìn bà, ông thốt ra: đúng.

Áo quần của bà, vóc dáng của bà, vẻ mặt của bà, giọng nói của bà - tất cả đều nói với ông một điều: “Không ổn. Tất cả những gì mình đã sống và đang sống đều là dối trá, bịp bợm nó che lấp khiến mình không thấy sự sống và cái chết”. Vừa nghĩ tới đó, lòng căm thù của ông trào lên, kèm theo đó là những đau đớn giày vò về thể xác và ý thức về cái chết gần kề, không tránh khỏi.

Một điều gì đó mới mẻ diễn ra: ông cảm thấy như bị đau xoắn, nhức buốt và nghẹt thở.

Vẻ mặt của ông khi ông thốt ra tiếng “đúng” thật khủng khiếp. Sau khi thốt ra tiếng “đúng”, ông nhìn thẳng vào mặt bà, rồi tuy yếu như vậy, ông quay người nằm sấp xuống nhanh chóng lạ thường và la lớn:

– Đi đi, đi đi, để cho tôi yên!

Từ phút đó bắt đầu cuộc kêu rên liên tục suốt ba ngày, tiếng kêu rên khủng khiếp đến nỗi cách hai lần cửa, khi nghe thấy, người ta vẫn khiếp sợ. Vào giây phút khi ông trả lời vợ, ông hiểu rằng ông đã đi đứt rồi, không cứu vãn được, thế là hết rồi, hết hẳn rồi, còn mỗi hoài nghi thế là đã không được giải quyết và sẽ vẫn cứ là một mối hoài nghi.

– U! U-u! U! – Ông la lên bằng cái giọng điệu khác nhau.

Ông bắt đầu kêu: “Tôi không muốn!” – và cứ thế tiếp tục kêu theo âm “uốn”.

Trong suốt ba ngày, ông không nhận ra thời gian, ông giãy giụa trong chiếc túi đen ngòm mà một sức mạnh vô hình không cưỡng lại được đã ném ông vào đó. Ông giãy giụa như kẻ bị án tử hình giãy giụa trong tay đao phủ, biết rằng mình không thể thoát được. Và cứ mỗi phút ông lại cảm thấy rằng bất chấp mọi nỗ lực đấu tranh, ông đang đi ngày càng gần tới chỗ khiến ông khiếp sợ. Ông cảm thấy nỗi đau đớn giày vò ông cả ở chỗ ông đang bị cuốn vào cái lỗ đen ngòm đó và ông càng bị giày vò đau đớn hơn nữa, vì ông không thể lọt qua cái lỗ đó được. Cái ý nghĩ cho rằng cuộc sống của ông là tốt đẹp đã ngăn trở không cho ông chui lọt qua lỗ đó. Chính sự bào chữa cho cuộc sống của mình đã bám chặt, không thả cho ông lăn đi và nó làm cho ông đau đớn nhiều hơn cả.

Bỗng nhiên, một sức mạnh nào đó thúc vào ngực, vào sườn ông, ông càng thấy nghẹt thở hơn, ông lăn xuống cái lỗ và ở đấy, tại đáy lỗ có cái gì đó sáng lóe lên. Tình hình xảy ra với ông cũng giống như khi ông ngồi trên một toa xe lửa: ông

tưởng tàu sẽ chạy về phía trước, nhưng nó lại chạy về phía sau, và ông bỗng nhiên nhận ra hướng đi thật của con tàu.

“Phải tất cả đều không ổn, - ông tự nhủ, - nhưng điều đó cũng chẳng sao. Có thể, có thể làm cho nó “ổn”. Thế nào là “ổn?” - ông tự hỏi và bỗng nhiên lặng người đi.

Đó là vào cuối ngày thứ ba, một giờ trước khi ông chết.

Đúng lúc ấy chú học sinh trung học khe khẽ lén đến với cha và bước lại gần giường ông. Người hấp hối vẫn kêu la tuyệt vọng và dang hai tay ra. Một bàn tay của ông rơi trúng đầu chú học sinh. Chú nắm lấy bàn tay đó, áp sát vào môi mình và òa khóc.

Vừa lúc ấy Ivan I lyich lăn xuống đáy lỗ, nhìn thấy ánh sáng và phát hiện ra rằng ông đã sống không ra sống, nhưng chuyện đó còn có thể sửa chữa được. Ông tự hỏi: Thế nào là “ổn”, và lặng người đi, chăm chú lắng nghe. Lúc ấy ông cảm thấy có người hôn bàn tay mình. Ông mở mắt nhìn con trai. Ông đâm ra thương hại nó. Bà vợ bước lại gần ông. Ông nhìn bà. Bà há mồm, nước mắt không lau đầm đìa trên mũi và má, bà nhìn ông với vẻ mặt tuyệt vọng. Ông đâm ra thương hại bà.

“Phải, mình già yếu vò họ, - ông nghĩ. - Họ đáng thương, nhưng khi mình chết, họ sẽ dễ chịu hơn”. Ông muốn nói ra điều đó, nhưng không còn sức để nói. “Vả chẳng nói để làm gì, phải làm cơ”, - ông nghĩ. Ông đưa mắt cho vợ, chỉ đứa con trai và nói:

- Dẫn nó đi... thương... cả mình... - ông còn muốn nói “hãy tha thứ cho tôi”, nhưng ông lại nói “hãy để cho tôi đi”, nhưng không đủ sức nói lại, ông khoát tay, vì biết rằng người nào cần nghe sẽ hiểu.

Và bỗng nhiên ông thấy rõ ràng rằng cái đã dày đọa ông và

không buông tha ông bỗng nhiên thoát hết ra ngay từ hai phía, từ hàng chục phía, từ tất cả mọi phía. Thương xót họ, phải làm thế nào để cho họ khỏi phải đau đớn. Cần phải giải thoát họ và tự giải thoát bản thân mình khỏi những đau khổ ấy. “Sung sướng biết bao và đơn giản biết bao, - ông nghĩ. - Còn cơn đau? - Ông tự hỏi. - Nó đâu rồi? Ô kìa, cơn đau, mày ở đâu?”

Ông bắt đầu chăm chú lắng nghe.

“A, nó đây rồi. Thôi được, cứ đau đi”.

“Còn cái chết? Nó đâu rồi?”

Ông tìm nỗi sợ chết quen thuộc trước đây của mình và không thấy nó. Cái chết ở đâu? Cái chết là thế nào? Chẳng có nỗi sợ nào cả, vì ngay cả cái chết cũng chẳng có.

Thay thế cho cái chết là ánh sáng.

- Ra thế đấy! - Ông bỗng thốt to lên. - Vui sướng biết bao!

Đối với ông mọi cái đó đã xảy ra trong một khoảnh khắc và ý nghĩa của khoảnh khắc đó không thay đổi. Đối với những người chứng kiến, cơn hấp hối của ông còn kéo dài hai tiếng đồng hồ nữa. Trong ngực ông có cái gì khò khè, cơ thể rã rời của ông rung lên. Sau đó tiếng khò khè và tiếng thở phì phì ngày một thưa thớt đi.

- Thế là hết! - Có người nói trước mặt ông.

Ông đã nghe thấy câu nói đó và ông lặp lại nó trong tâm trí mình. “Hết đời cái chết, - ông tự nhủ. - Chẳng còn cái chết nữa”.

Ông thở hít vào, dừng lại nửa chừng cơn thở dốc, đuổi người ra và chết.

**HẾT**





## • Chú thích •

[1] Elizaveta Petrovna - nữ hoàng Nga, trị vì từ năm 1741 đến năm 1762.

[2] Nửa đi (tiếng Pháp).

[3] Alphonse Carr (1808-1890) - nhà văn và nhà báo Pháp.

[4] Đây muốn nói tới huyền thoại trong Kinh Thánh về Noi, một tộc trưởng thời xa xưa và các con trai của ông. Một lần sau khi say túy lúy, Noi đã thiếp đi trong tư thế trần truồng. Kham, con trai ông, vừa cười vừa kể cho các anh mình là Xim và Iaphet biết chuyện đó, nhưng hai người anh vốn kính trọng cha, đã che kín phần trần truồng của cha đi.

[5] Cô em thân mến (tiếng Pháp)

[6] Theo kiểu hoàng đế Nikolai I (tiếng Pháp).

[7] Tức là chỉ huy một phân đội (gồm 2, 3 trung đội) của trung đoàn kỵ binh nặng được biệt phái bảo vệ triều đình Sa hoàng.

[8] Nữ quan là tước hiệu cung đình ở nước Nga cũ, được ban cho những phụ nữ thuộc các dòng họ quý tộc nổi tiếng. Các nữ quan hợp thành đoàn hầu cận của các nữ hoàng và các công chúa, quận chúa trong hoàng tộc.

[9] Tsarskoie Selo: Một địa điểm ở gần Peterburg, là nơi xây cung điện mùa hè của các Sa hoàng và các biệt thự của giới quý tộc cung đình, các nhân vật có nhiều đặc quyền khác.

[10] Valakhia: Một vùng đất lịch sử ở miền Nam Rumani, giữa dãy núi Carpat và sông Danup.

[11] Kasatski phải chịu nghi lễ Thiên Chúa giáo tuyên nhập cuộc đời tu hành. Để chứng tỏ sự khước từ cuộc sống trước đây,

các tu sĩ được mang tên gọi mới.

[12] Lễ proskomidia: Một phần của buổi lễ trọng trong đó các lễ vật được dâng lên bệ thờ để làm phép thánh.

[13] Lida, nhìn về phía bên phải ấy, chính ông ta đấy (tiếng Pháp).

[14] Đâu, đâu? Ông ta cũng chả đẹp lắm! (tiếng Pháp).

[15] Đơn vị đo chiều dài Nga, 1 versta = 1,06 km.

[16] Tùy thích đấy nhé! (tiếng Pháp).

[17] Đơn vị đo chiều dài Nga cổ xưa, 1 versoc = 4,4 cm.

[18] Đơn vị đo độ dài Nga, 1 arsin = 0.7m

[19] Lễ Prepolovenie: Buổi lễ vào ngày thứ tư của tuần lễ thứ tư sau lễ Phục sinh.

[20] Những người hành hương (tiếng Pháp).

[21] Anh hãy hỏi họ xem, - họ có tin chắc rằng cuộc hành hương của họ làm cho Chúa hài lòng không (tiếng Pháp).

[22] Lão ta nói gì thế? Lão ta không trả lời (tiếng Pháp).

[23] Lão ấy nói rằng lão là kẻ tội tở của Chúa (tiếng Pháp).

[24] Chắc lão là con một cố đạo. Ra đáng con nhà nòi lắm. Anh có tiền lẻ đấy không? (tiếng Pháp).

[25] Nhưng anh hãy bảo với bọn họ rằng tôi cho họ tiền không phải để mua nến mà để họ làm một châu nước chè (tiếng Pháp).

[26] Cho ông đấy, ông lão ạ (tiếng Pháp).

[27] Viện tư pháp - cơ quan tư pháp ở nước Nga từ năm 1864 đến năm 1917. Xem xét các vụ án dân sự và hình sự lớn, cũng như các đơn kháng án đối với cách giải quyết của tòa án cấp dưới.

[28] Trường Tư pháp - Trường cao đẳng Pháp lý dành cho

con em quý tộc ở Peterburg (thủ đô nước Nga trước năm 1918, hiện nay là Sant-Peterburg).

[29] Một thứ bài lá (tiếng Anh).

[30] Cố vấn cơ mật - theo bảng phân loại ngạch bậc, cố vấn cơ mật là phẩm hàm bậc ba, một trong những bậc cao nhất của ngạch quan chức dân sự.

[31] Niềm kiêu hãnh của gia đình (tiếng Pháp).

[32] Nghĩa là sau khi tốt nghiệp Trường tư pháp, Ivan I lyich đã được ban phẩm hàm bậc mười.

[33] Sarmer - chủ một hiệu may đắt khách ở Peterburg.

[34] Hãy tiên đoán kết cục (tiếng La tinh).

[35] Đônôn - Chủ một tiệm ăn đắt khách ở Peterburg.

[36] Những người ly giáo (cựu giáo) - tín đồ của những nhóm Thiên chúa giáo không thừa nhận những cải cách tôn giáo tiến hành ở nước Nga hồi thế kỷ XVII và trở thành thù địch đối với giáo hội chính giáo.

[37] Chàng trai hiền lành (tiếng Pháp).

[38] Thanh niên rồi sẽ phải đứng đắn ra (tiếng Pháp). - Có thể hiểu tương đương như: Trăng đến rằm trăng tròn.

[39] Một thứ bài lá (tiếng Anh).

[40] Viên chức bậc năm - cố vấn nhà nước, tương đương hàm đại tá.

[41] Do tính nhõng nhẽo (tiếng Pháp).

[42] Ở đây muốn nói đến một số cơ sở dạy học - giáo dục và nhà nuôi trẻ mồ côi.

[43] Trong bản tường trình đầu tiên gửi cấp trên, các quan chức mới nhậm chức thường đề nghị về việc bổ nhiệm những người mới, việc thuyên chuyển.

[44] Tỏ ý khinh miệt sự say mê của đám phụ nữ quý tộc trong các hội từ thiện đủ loại.

[45] Theo quy định về một phong thái tốt thì việc chống cùi tay lên bàn trong bữa ăn bị coi là bất lịch sự.

[46] Tiếng lóng trong bài lá.

[47] Dôla Êmin (1840-1902) - nhà văn Pháp.

[48] Kideveter (1762-1819) - triết gia duy tâm Đức. Sách giáo khoa lô gích học của ông đã được dịch ra tiếng Nga.

[49] Đồ đạc (tiếng Pháp).

[50] Sara Berna (1844-1923) - nữ nghệ sĩ sân khấu Pháp. Đã từng biểu diễn ở Nga.

[51] Theo kiểu Capul (tiếng Pháp).

[52] “Adrienne Lecouvreur” - vở kịch của hai nhà soạn kịch Pháp Ô.Xkríp và G. Lơguyê kể về số phận của Adrien Lơcuvrơ - nữ diễn viên bi kịch nổi tiếng của Pháp.